

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN HÀNG TỒN
KHO NHẪM TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ HÀNG
TỒN KHO TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU
XÂY DỰNG VẠN TẢI ĐẠI CÁT LỘC**

Chủ nhiệm đề tài: Bùi Thị Lan Anh

HẢI PHÒNG, 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN HÀNG TỒN
KHO NHẪM TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ HÀNG
TỒN KHO TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU
XÂY DỰNG VẬN TẢI ĐẠI CÁT LỘC**

CHUYÊN NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

**Chủ nhiệm đề tài: Bùi Thị Lan Anh
Giảng viên hướng dẫn: Ths. Phạm Văn Tường**

HẢI PHÒNG, 2013

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: HỆ THỐNG HÓA CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TRONG DOANH NGHIỆP	4
1.1. Khái niệm hàng tồn kho và nhiệm vụ kế toán hàng tồn kho	4
<i>1.1.1. Khái niệm, phạm vi hàng tồn kho</i>	4
<i>1.1.1.1. Khái niệm hàng tồn kho</i>	4
<i>1.1.1.2. Phạm vi hàng tồn kho</i>	4
<i>1.1.2. Nhiệm vụ kế toán hàng tồn kho</i>	4
1.2. Xác định giá trị hàng tồn kho	5
<i>1.2.1. Nguyên tắc xác định giá trị hàng tồn kho</i>	5
<i>1.2.2. Xác định giá trị nhập kho</i>	7
<i>1.2.3. Xác định giá trị xuất kho</i>	8
<i>1.2.3.1. Phương pháp tính theo giá thực tế đích danh</i>	9
<i>1.2.3.3. Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)</i>	11
<i>1.2.3.4. Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)</i>	12
1.2.4. Phân bổ chi phí mua vật tư, hàng hóa	12
1.3. Kế toán chi tiết hàng tồn kho	14
1.3.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển	16
<i>1.4.1. Đặc điểm phương pháp kê khai thường xuyên</i>	19
<i>1.4.2. Chứng từ sử dụng</i>	19
<i>1.4.3. Tài khoản sử dụng</i>	20
<i>1.4.4.1. Hạch toán hàng tồn kho tại các doanh nghiệp sản xuất</i>	24
<i>1.4.4.2. Hạch toán hàng tồn kho tại các doanh nghiệp thương mại</i>	27
<i>1.5.1. Đặc điểm phương pháp kiểm kê định kỳ</i>	29
<i>1.5.2. Chứng từ sử dụng</i>	29
<i>1.5.3. Tài khoản sử dụng</i>	29
<i>1.5.4. Kế toán các nghiệp vụ làm tăng, giảm hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ</i>	30

1.5.4.1. <i>Hạch toán hàng tồn kho tại các doanh nghiệp sản xuất</i>	30
1.5.4.2. <i>Hạch toán hàng tồn kho tại các doanh nghiệp thương mại</i>	32
1.6. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho	32
1.6.1. <i>Quy định trong hạch toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho</i>	32
1.6.2. <i>Phương pháp kế toán</i>	34
1.7. Đặc điểm kế toán hàng tồn kho theo các hình thức kế toán (Sơ đồ ghi sổ)	36
CHƯƠNG 2: MÔ TẢ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VẬN TẢI ĐẠI CÁT LỘC	41
2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc	41
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc	41
2.1.2. Đặc điểm tổ chức kinh doanh tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc	43
2.1.2.1. Đặc điểm về nguồn lực	43
2.1.3. Đặc điểm hàng tồn kho tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc	44
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc	44
Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc	45
2.1.5. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc	47
2.1.5.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán	47
2.1.5.2. Chính sách kế toán gồm	48
2.2.1. Kế toán chi tiết hàng tồn kho tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc	51

<i>2.2.2. Kế toán tổng hợp hàng tồn kho tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc.....</i>	90
CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO	99
NHẪM TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ HÀNG TỒN KHO TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VẬN TẢI ĐẠI CÁT LỘC	99
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán hàng tồn kho nói riêng tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc	99
3.1.1. Ưu điểm.....	99
<i>3.1.1.1. Tổ chức công tác kế toán nói chung.....</i>	<i>99</i>
<i>3.1.1.2. Tổ chức kế toán hàng tồn kho nói riêng.....</i>	<i>99</i>
3.1.2. Tồn tại.....	100
<i>3.1.2.1. Tổ chức công tác kế toán nói chung.....</i>	<i>100</i>
<i>3.1.2.2. Tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho nói riêng.....</i>	<i>101</i>
3.1.3. Nguyên nhân của những tồn tại trên.....	101
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán hàng tồn kho nhằm tăng cường quản lý hàng tồn kho tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc.....	102
<i>3.3.1. Yêu cầu hoàn thiện tổ chức kế toán hàng tồn kho nhằm tăng cường quản lý hàng tồn kho tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc.....</i>	<i>103</i>
<i>Đại Cát Lộc.....</i>	<i>103</i>
3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán hàng tồn kho nhằm tăng cường quản lý hàng tồn kho tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc.....	104
<i>3.4.1. Hoàn thiện việc lập sổ danh điểm vật tư, hàng hóa.....</i>	<i>104</i>
<i>3.4.2. Hoàn thiện việc sử dụng tài khoản cấp 2 cho TK 156.....</i>	<i>107</i>
<i>3.4.3. Hoàn thiện về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.....</i>	<i>108</i>
<i>3.4.4. Hoàn thiện công tác kiểm kê hàng tồn kho định kỳ tại công ty.....</i>	<i>111</i>

3.4.5. Hoàn thiện về công tác luân chuyển chứng từ.....	114
3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho nhằm tăng cường quản lý hàng tồn kho tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc	116
3.5.1. Về phía Nhà nước	116
3.5.2. Về phía doanh nghiệp	116

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 2.1: Hợp đồng nguyên tắc số 15072012/HDNT/2012.....	53
Biểu 2.2: Đơn đặt hàng ngày 25 tháng 7 năm 2013.....	56
Biểu 2.3 : Biên bản giao nhận khối lượng ngày 11 tháng 8 năm 2012.....	57
Biểu 2.4: Hóa đơn GTGT ngày 11 tháng 8 năm 2012.....	1
Biểu 2.5: Biên bản đối chiếu công nợ công ty Ngọc Thành	59
Biểu 2.6: Phiếu nhập kho ngày 11 tháng 8 năm 2012	60
Biểu 2.7: Thẻ kho của cát đen.....	61
Biểu 2.8: Thẻ kho của đất đỏ	62
Biểu 2.9: Sổ chi tiết cát đen	63
Biểu 2.10: Sổ chi tiết đất đỏ	64
Biểu 2.11: Bảng tổng hợp hàng hóa tồn kho.....	65
Biểu 2.12: Hợp đồng nguyên tắc số 01082012/HDNT/2012.....	66
Biểu 2.13: Đơn đặt hàng ngày 4 tháng 8 năm 2012.....	69
Biểu 2.14 : Biên bản giao nhận khối lượng ngày 15 tháng 8 năm 2012.....	70
Biểu 2.15: HĐ GTGT ngày 15 tháng 8 năm 2012	71
Biểu 2.16: Phiếu nhập kho ngày 15 tháng 8 năm 2012	72
Biểu 2.17: Phiếu chi ngày 15 tháng 8 năm 2012	73
Biểu 2.18: Thẻ kho của cát Vĩnh Phú	74
Biểu 2.19: Sổ chi tiết cát Vĩnh Phú.....	75
Biểu 2.20: Bảng báo giá công ty Ngô Quyền	76
Biểu 2.21: Hợp đồng kinh tế số 2008-HĐKT/2012.....	77
Biểu 2.22: Biên bản giao nhận khối lượng ngày 23 tháng 8 năm 2012.....	80
Biểu 2.23: Hóa đơn bán hàng ngày 23 tháng 8 năm 2012	81
Biểu 2.24: Biên bản đối chiếu công nợ công ty Ngô Quyền	82
Biểu 2.25: Phiếu xuất kho ngày 23 tháng 8 năm 2012	83
Biểu 2.26: Bảng báo giá công ty Hạ Tầng	84

Biểu 2.27: Hợp đồng kinh tế số 1007 - HĐKT/2012.....	85
Biểu 2.28: Biên bản giao nhận khối lượng ngày 28 tháng 8 năm 2012.....	87
Biểu 2.29: Hóa đơn bán hàng ngày 28 tháng 8 năm 2012	88
Biểu 2.30: Phiếu xuất kho ngày 28 tháng 8 năm 2012	89
Biểu 2.31: Sổ nhật ký chung (trích tháng 8/2012)	91
Biểu 2.32: Sổ cái hàng hóa (TK 156).....	92
Biểu 2.33: Sổ cái tài khoản giá vốn hàng bán (TK 632).....	93
Biểu 2.34: Sổ cái tài khoản phải trả người bán (TK 331).....	94
Biểu 2.35: Sổ chi tiết thanh toán công ty Ngọc Thành	95
Biểu 2.36: Bảng tổng hợp chi tiết thanh toán với người bán tháng 8/2012.....	96
Biểu 2.37: Bảng cân đối số phát sinh.....	97
Biểu 3.1: Sổ danh điểm hàng hóa.....	106
Biểu 3.2: Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa	113
Biểu 3.3: Phiếu giao nhận chứng từ	115

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Quá trình luân chuyển chứng từ theo phương pháp thẻ song song	15
Sơ đồ 1.2: Quá trình luân chuyển chứng từ theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển	17
Sơ đồ 1.3: Quá trình luân chuyển chứng từ theo phương pháp sổ số dư.....	18
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán tổng quát vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên (nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)	25
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán CPSX theo phương pháp kê khai thường xuyên (nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)	26
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán thành phẩm theo phương pháp kê khai thường xuyên (nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)	26
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán hàng hóa theo phương pháp kê khai thường xuyên (nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ) trong DN thương mại	27
Sơ đồ 1.8. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên (nộp VAT theo phương pháp trực tiếp) trong DN thương mại.....	28
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán tổng hợp vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ (nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)	30
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ tổng hợp CPSX theo phương pháp kiểm kê định kỳ (nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)	31
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán thành phẩm theo phương pháp kiểm kê định kỳ	31
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán hàng hoá theo phương pháp kiểm kê định kỳ	32
Sơ đồ 1.13 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung	36
Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.....	37
Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật Ký - Sổ cái.	38
Sơ đồ 1.16: Trình tự ghi sổ kế toán theo Nhật ký - Chứng từ	39
Sơ đồ 1.17: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính..	40
Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc	45

Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc	47
Sơ đồ 2.3: Hình thức nhật ký chung tại công ty.....	49
Sơ đồ 2.4: Quá trình luân chuyển chứng từ theo phương pháp thẻ song song..	51

LỜI MỞ ĐẦU

➤ **Tính cấp thiết của đề tài**

Hàng tồn kho là bộ phận tài sản lưu động chiếm vị trí quan trọng trong toàn bộ quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Thông tin chính xác, kịp thời về hàng tồn kho giúp doanh nghiệp chỉ đạo kịp thời các nghiệp vụ kinh tế diễn ra hàng ngày, quản lý được các chi phí liên quan đến hàng tồn kho, đặc biệt là các chi phí cấu thành nên giá vốn của hàng tồn kho, từ đó tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Để thực hiện mục tiêu này đòi hỏi doanh nghiệp phải không ngừng phấn đấu, hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho sao cho chính xác, kịp thời là cơ sở để tăng cường quản lý hàng tồn kho của doanh nghiệp.

Trong suốt 5 năm hoạt động, Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc đã bám sát vào mục tiêu hoạt động để từ đó hoàn thiện tổ chức hoạt động kinh doanh của mình. Đối với các doanh nghiệp như Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc thì hàng tồn kho đóng vai trò then chốt trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp kinh doanh có lợi nhuận thì việc quản lý các chi phí liên quan đến hàng tồn kho, đặc biệt là các chi phí cấu thành nên giá vốn của hàng tồn kho là rất quan trọng. Chính điều này làm cho công tác kế toán hàng tồn kho càng trở nên quan trọng.

Tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc, đội ngũ kế toán cũng đã làm khá tốt vấn đề này tuy nhiên trên thực tế quy trình quản lý và hạch toán kế toán hàng tồn kho của công ty vẫn chưa hoàn thiện, chưa thực sự đáp ứng kịp thời được nhu cầu quản lý của các cấp lãnh đạo và tiết kiệm tối đa các chi phí liên quan đến hàng tồn kho cho doanh nghiệp. Đề tài này được hình thành từ nhận định trên với hy vọng đưa ra được các biện pháp thiết thực "***Hoàn thiện tổ chức kế toán hàng tồn kho nhằm tăng cường công tác quản lý hàng tồn kho tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc***".

➤ **Mục đích nghiên cứu của đề tài**

Hệ thống hóa những kiến thức chung nhất về công tác kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp.

Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc.

Đánh giá các ưu điểm và tồn tại trong công tác kế toán hàng tồn kho, từ đó đưa ra các giải pháp góp phần hoàn thiện tổ chức kế toán hàng tồn kho tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc.

➤ **Đối tượng nghiên cứu**

Lĩnh vực nghiên cứu về tổ chức kế toán hàng tồn kho tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc

➤ **Phạm vi nghiên cứu**

- Về thời gian: từ ngày 1/4/2013 đến ngày 15/7/2013
- Về không gian: tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc
- Số liệu được sử dụng là số liệu năm 2012

➤ **Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp trực quan
- Phương pháp phân tích, tổng hợp
- Phương pháp thống kê
- Các phương pháp kế toán

➤ **Đóng góp của đề tài**

- Đóng góp về mặt khoa học, phục vụ công tác đào tạo: Làm tài liệu tham khảo cho sinh viên khối ngành kinh tế nói chung và ngành kế toán kiểm toán của trường Đại học Dân lập Hải Phòng.
- Những đóng góp liên quan đến phát triển kinh tế: Những giải pháp đưa ra trong công trình nghiên cứu sẽ góp phần hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác quản lý hàng tồn kho nói riêng tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc.

➤ **Kết cấu của đề tài**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung của đề tài gồm 3 chương:

Chương I: Hệ thống hóa cơ sở lý luận về tổ chức kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp.

Chương II: Mô tả thực trạng công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc.

Chương III: Hoàn thiện tổ chức kế toán hàng tồn kho nhằm tăng cường công tác quản lý hàng tồn kho tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc.

Mặc dù, được sự hướng dẫn tận tình của GV Th.S Phạm Văn Tường và các anh chị trong phòng kế toán tại Công ty đã giúp em hoàn thành đề tài của mình, song do khả năng còn hạn chế và kinh nghiệm thực tế còn ít ỏi, đề tài của em sẽ không tránh khỏi sai sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự phê bình đóng góp ý kiến của các thầy, cô để bài nghiên cứu của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Bùi Thị Lan Anh

CHƯƠNG 1:

HỆ THỐNG HÓA CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Khái niệm hàng tồn kho và nhiệm vụ kế toán hàng tồn kho

1.1.1. Khái niệm, phạm vi hàng tồn kho

1.1.1.1. Khái niệm hàng tồn kho

Hàng tồn kho là toàn bộ giá trị hàng hóa, thành phẩm nguyên vật liệu và các công cụ dụng cụ thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Hàng tồn kho không bao gồm những hàng hóa nhận bán hộ, giữ hộ, nhận bán đại lý, ký gửi, ký cược, ký quỹ.

Trong các doanh nghiệp thương mại hàng tồn kho thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số tài sản lưu động của doanh nghiệp. Vì vậy, kế toán hàng tồn kho là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của DN.

1.1.1.2. Phạm vi hàng tồn kho

Hàng tồn kho bao gồm những hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ:

- Được giữ để bán trong kỳ sản xuất, kỳ kinh doanh bình thường.
- Đang trong quá trình sản xuất kinh doanh dở dang.
- Nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ để sử dụng trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ.

1.1.2. Nhiệm vụ kế toán hàng tồn kho

- Theo dõi, ghi chép, phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính số hiện có và tình hình biến động của hàng tồn kho cả về mặt giá trị và hiện vật, tính đúng tính trị giá hàng tồn kho để làm cơ sở xác định chính xác trị giá tài sản và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Kiểm tra tình hình chấp hành các thủ tục nhập xuất vật tư, hàng hóa, thực hiện kiểm kê đánh giá lại vật tư, hàng hóa, lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định của cơ chế tài chính.

- Cung cấp kịp thời những thông tin về tình hình hàng hóa tồn kho nhằm phục vụ tốt cho công tác lãnh đạo và quản lý kinh doanh ở doanh nghiệp.

1.2. Xác định giá trị hàng tồn kho

1.2.1. Nguyên tắc xác định giá trị hàng tồn kho

* Hàng tồn kho được tính theo nguyên tắc giá gốc, trường hợp giá trị thuần được thực hiện thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được: là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí có liên quan trực tiếp khác tính vào giá gốc hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí khác ngoài chi phí thu mua và chi phí chế biến hàng tồn kho.

Chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho gồm:

- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các khoản chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

* Nguyên tắc nhất quán: Các phương pháp tính giá hàng tồn kho doanh nghiệp đã chọn phải được thống nhất ít nhất trong một kỳ kế toán năm. Vì cách lựa chọn phương pháp định giá hàng tồn kho có thể ảnh hưởng cụ thể đến các báo cáo tài chính. Việc áp dụng các phương pháp kế toán thống nhất từ kỳ này sang kỳ khác sẽ cho phép báo cáo tài chính của doanh nghiệp mới có ý nghĩa mang tính so sánh.

* Nguyên tắc thận trọng: Thận trọng là việc xem xét, cân nhắc, phán đoán cần thiết để lập các ước tính kế toán trong các điều kiện không chắc chắn.

Nguyên tắc thận trọng đòi hỏi:

- Phải lập dự phòng nhưng không được quá lớn.
- Không đánh giá cao hơn giá trị của các tài sản và các khoản thu nhập.
- Chi phí phải được ghi nhận khi có bằng chứng về khả năng phát sinh chi phí.

Trong nền kinh tế thị trường các doanh nghiệp phải cạnh tranh để tồn tại và đứng vững trước những rủi ro trong kinh doanh. Do vậy để tăng năng lực của doanh nghiệp trong việc đối phó với rủi ro, nguyên tắc thận trọng cần được áp dụng.

Theo nguyên tắc này thì giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ khi hàng tồn kho bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí để bán hàng tăng lên. Việc ghi giảm giá gốc hàng tồn kho cho bằng với giá trị thuần có thể được thực hiện là phù hợp với nguyên tắc tài sản không được phản ánh lớn hơn giá trị thực hiện ước tính từ việc bán hay sử dụng chúng.

Nguyên tắc này đòi hỏi trên bảng kế toán, giá trị hàng tồn kho phải được phản ánh theo giá trị ròng :

$$\text{Giá trị tài sản ròng} = \text{Giá trị tài sản} - \text{Khoản dự phòng}$$

* Nguyên tắc phù hợp: Khi bán hàng tồn kho, giá gốc của hàng tồn kho đã bán được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phù hợp với doanh thu liên quan đến chúng được ghi nhận. Ghi nhận giá trị hàng tồn kho đã bán và chi phí trong kỳ phải bảo đảm nguyên tắc phù hợp giữa chi phí và doanh thu. Giá vốn của sản phẩm sản xuất ra hàng hóa mua vào được ghi nhận là chi phí thời kỳ vào kỳ mà nó được bán. Khi nguyên tắc phù hợp bị vi phạm sẽ làm cho các thông tin trên báo cáo tài chính bị sai lệch, có thể làm thay đổi xu hướng

phát triển thực lợi nhuận của doanh nghiệp. Trường hợp hàng tồn kho được sử dụng để sản xuất ra tài sản cố định hoặc sử dụng như nhà xưởng, máy móc, thiết bị tự sản xuất thì giá gốc hàng tồn kho này được hạch toán vào tài sản cố định.

1.2.2. Xác định giá trị nhập kho

Giá thực tế nhập kho của hàng tồn kho được xác định theo nguyên tắc giá thực tế (nguyên tắc giá phí). Tùy theo nguồn nhập mà giá thực tế nhập kho được xác định như sau:

* Đối với vật tư, hàng hóa mua ngoài:

Giá thực tế nhập kho	=	Giá mua ghi trên hóa đơn	+	Chi phí thu mua thực tế phát sinh	+	Thuế không được hoàn lại như thuế NK, TTĐB (nếu có)	-	Các khoản giảm trừ (nếu có)
-----------------------------	---	---------------------------------	---	--	---	--	---	------------------------------------

Trong đó:

Giá trị ghi trên hóa đơn:

- Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ: Giá ghi trên hóa đơn là giá chưa có thuế GTGT.

- Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: Giá ghi trên hóa đơn là giá đã có thuế GTGT.

Chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình mua: Chi phí phát sinh trong quá trình mua bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí thuê kho bến bãi trong quá trình mua vật tư, hàng hóa, chi phí hao hụt tự nhiên trong định mức của vật tư, hàng hóa.

* Đối với vật tư, hàng hóa thuê ngoài gia công chế biến hoặc tự gia công chế biến:

Giá thực tế nhập kho	=	Giá trị vật tư, hàng hóa xuất chế biến	+	Chi phí chế biến	+	Chi phí khác có liên quan
-----------------------------	---	---	---	-------------------------	---	----------------------------------

Chi phí khác có liên quan là chi phí vận chuyển, bốc dỡ tới nơi chế biến, từ nơi chế biến về doanh nghiệp mà doanh nghiệp phải chịu khoản chi phí này.

* Đối với vật tư, hàng hóa, do Nhà nước cấp, cấp trên cấp:

$$\text{Giá thực tế} = \text{Giá trị bàn giao} + \text{Chi phí vận chuyển bốc dỡ (nếu có)}$$

* Đối với vật tư, hàng hóa, nhận góp cổ phần, liên doanh:

$$\text{Giá thực tế của vật tư, hàng hóa, nhập kho} = \text{Giá trị vốn góp do hội đồng liên doanh đánh giá} + \text{Chi phí vận chuyển, bốc dỡ (nếu có)}$$

* Đối với vật tư, hàng hóa nhận biếu tặng hoặc tài trợ:

$$\text{Giá thực tế của vật tư, hàng hóa nhập kho} = \text{Giá hợp lý của thời điểm ghi nhận} + \text{Các khoản chi phí có liên quan}$$

1.2.3. Xác định giá trị xuất kho

Hàng ngày vật tư, hàng hoá nhập kho được kế toán ghi nhận theo giá thực tế nhưng đơn giá các lần nhập khác nhau là khác nhau và thời điểm nhập là khác nhau. Do đó kế toán có nhiệm vụ xác định giá thực tế vật tư, hàng hoá mỗi lần xuất kho. Theo chế độ kế toán Việt Nam hiện hành doanh nghiệp có thể sử dụng một trong các phương pháp tính giá sau để áp dụng cho việc tính giá thực tế xuất kho cho tất cả các loại hàng tồn kho hoặc cho riêng từng loại:

- Phương pháp tính giá thực tế đích danh
- Phương pháp giá bình quân gia quyền
- Phương pháp giá nhập trước xuất trước (FIFO)
- Phương pháp giá nhập sau xuất trước (LIFO)

Mỗi phương pháp tính giá thực tế xuất kho của vật tư, hàng hoá đều có những ưu nhược điểm nhất định. Mức độ chính xác và độ tin cậy của mỗi phương pháp tùy thuộc vào yêu cầu quản lý và năng lực nghiệp vụ của các kế toán viên và trang thiết bị xử lý thông tin của doanh nghiệp.

Công thức chung:

Giá thực tế vật tư, hàng hóa xuất kho	=	Số lượng vật tư, hàng hóa xuất kho	x	Đơn giá thực tế vật tư, hàng hóa
--	---	---	---	---

1.2.3.1. Phương pháp tính theo giá thực tế đích danh

Theo phương pháp này, khi xuất lô hàng nào thì lấy giá nhập thực tế của lô hàng đó.

- Thuận lợi cho kế toán trong việc tính giá
- Đây là phương pháp cho kết quả chính xác nhất so với các phương pháp khác.
- Chi phí thực tế phù hợp doanh thu thực tế, giá trị hàng tồn kho được đánh giá đúng theo trị thực tế của nó.
- Giá trị hàng tồn kho không sát với giá thị trường.

Điều kiện áp dụng:

- Phương pháp này phù hợp với các doanh nghiệp kinh doanh ít mặt hàng, ít chủng loại vật tư, hàng hóa, có thể phân biệt, chia tách thành nhiều thứ riêng rẽ, có mặt hàng ổn định và nhận diện được, đơn giá hàng tồn kho lớn có giá trị cao.

1.2.3.2. Phương pháp giá đơn vị bình quân

Đây là phương pháp mà giá thực tế vật tư, hàng hóa xuất kho được tính trên cơ sở đơn giá thực tế bình quân của vật tư, hàng hóa

❖ Bình quân cả kì dự trữ :

Giá đơn vị bình quân cả kì dự trữ	=	Trị giá hàng tồn kho đầu kỳ	+	Trị giá hàng tồn kho nhập trong kỳ
		Số lượng tồn đầu kỳ	+	Số lượng nhập trong kỳ

Cách tính này được xác định sau khi kết thúc kỳ hạch toán, dựa trên số liệu đánh giá vật tư, hàng hóa cả kỳ dự trữ. Các lần xuất vật tư, hàng hóa khi phát sinh chỉ phản ánh về mặt số lượng mà không phản ánh mặt giá trị. Toàn bộ giá trị xuất được phản ánh vào cuối kỳ khi có đầy đủ số liệu tổng nhập. Điều đó làm cho công việc bị dồn lại, ảnh hưởng đến tiến độ quyết toán song cách tính này đơn giản, tốn ít công nên được nhiều doanh nghiệp sử dụng đặc biệt là những doanh nghiệp quy mô nhỏ, ít loại vật tư, hàng hóa, thời gian sử dụng ngắn và số lần nhập, xuất mỗi danh điểm nhiều. Cách này đơn giản hơn, dễ làm nhưng độ chính xác không cao và công việc tính toán dồn vào cuối kỳ, như vậy sẽ ảnh hưởng tới các khâu khác trong quá trình sản xuất kinh doanh.

❖ Bình quân sau mỗi lần nhập: Sau mỗi lần nhập lại tính giá bình quân.

Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập	=	Trị giá tồn lần nhập trước	+	Giá trị lần nhập kế tiếp
		Số lượng tồn lần nhập trước	+	Số lượng lần nhập kế tiếp

- Theo cách này, giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập sẽ chính xác hơn, kịp thời và không phải dồn đến cuối kỳ mới tính toán, như vậy sẽ không ảnh hưởng tới các khâu khác, tuy nhiên khối lượng tính toán lớn.

1.2.3.3. Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này giả thiết rằng số vật tư, hàng hóa nào nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau theo giá thực tế của từng lô hàng xuất. Do vậy giá thực tế của vật tư, hàng hóa mua trước sẽ được dùng làm giá để tính giá vật tư, hàng hóa xuất trước. Vì vậy giá trị hàng tồn kho cuối kỳ sẽ là giá trị thực tế của số vật tư, hàng hóa nhập vào sau cùng trong kỳ. Với phương pháp này kế toán phải theo dõi được đơn giá thực tế và số lượng của từng lô vật tư, hàng hóa nhập kho.

Cách xác định này sẽ đơn giản hơn cho kế toán so với phương pháp giá đích danh nhưng vì giá thực tế xuất kho lại được xác định theo đơn giá của lô vật tư, hàng hóa nhập sớm nhất còn lại nên không phản ánh sự biến động của giá một cách kịp thời. Vì thế nó thích hợp cho áp dụng cho những vật tư, hàng hóa có liên quan đến thời hạn sử dụng.

Điều kiện áp dụng:

- Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc giá có xu hướng giảm (xu hướng giảm phát) để xuất đi lượng vật tư, hàng hóa có giá trị

lớn hơn và hàng tồn kho trong kỳ có giá trị nhỏ nhất. Tuy nhiên, khối lượng tính toán nhiều và sẽ không thích ứng trong trường hợp thị trường giá cả biến động.

1.2.3.4. Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)

Phương pháp này có cách tính ngược với phương pháp nhập trước xuất trước: Số vật tư, hàng hóa nào nhập vào sau cùng thì xuất trước tiên áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hay sản xuất sau thì được xuất trước và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô vật tư, hàng hóa nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

Điều kiện áp dụng:

- Phương pháp này thường áp dụng trong thị trường có xu hướng lạm phát giá cả tăng để xuất đi lượng hàng có giá trị lớn hơn và hàng tồn kho trong kỳ có giá trị nhỏ nhất.

1.2.4. Phân bổ chi phí mua vật tư, hàng hóa

* Chi phí thu mua vật tư, hàng hóa bao gồm:

- Chi phí vận chuyển, bốc dỡ vật tư, hàng hóa, bảo quản vật tư, hàng hóa nơi mua đến kho doanh nghiệp
- Chi phí bảo hiểm vật tư, hàng hóa
- Các khoản hao hụt tự nhiên trong định mức ở quá trình thu mua
- Các chi phí khác phát sinh trong quá trình thu mua vật tư, hàng hóa công tác chi phí nhân viên thu mua, phí ủy thác nhập khẩu...

Do chi phí thu mua liên quan đến toàn bộ khối lượng vật tư, hàng hóa trong kỳ và lượng vật tư, hàng hóa đầu kỳ, nên cần phân bổ chi phí thu mua cho lượng hàng đã bán ra trong kỳ và lượng hàng hóa còn lại cuối kỳ, nhằm xác định đúng đắn giá trị hàng xuất bán, trên cơ sở đó tính toán chính xác kết quả bán

hàng. Đồng thời phản ánh được giá trị vốn hàng tồn kho trên báo cáo tài chính được chính xác.

* Tiêu thức phân bổ chi phí thu mua thường được lựa chọn là:

- Trị giá mua của vật tư, hàng hóa
- Số lượng
- Trọng lượng
- Doanh số bán hàng

Việc lựa chọn tiêu thức phân bổ nào là tùy thuộc điều kiện cụ thể của từng doanh nghiệp nhưng phải đảm bảo tính nhất quán trong niên độ.

Việc phân bổ được tiến hành theo công thức sau (giả sử lấy trị giá mua làm tiêu thức phân bổ):

Chi phí thu mua liên quan đến vật tư, hàng hóa cuối kỳ	=	Chi phí thu mua liên quan đến vật tư, hàng hóa đầu kỳ	+	Chi phí thu mua liên quan đến vật tư, hàng hóa nhập kho trong kỳ	-	Chi phí thu mua liên quan đến vật tư, hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ
---	----------	--	----------	---	----------	--

Chi phí thu mua phân bổ cho vật tư, hàng hóa	=	Chi phí thu mua liên quan đến vật tư, hàng hóa đầu kỳ Trị giá mua vật tư, hàng hóa hiện còn cuối kỳ và hàng xuất bán tiêu thụ trong kỳ	+	Chi phí thu muaphát sinh trong kỳ	x	Trị giá vật tư, hàng hóa đã xác định tiêu thụ trong kỳ
---	----------	---	----------	--	----------	---

1.3. Kế toán chi tiết hàng tồn kho

Hạch toán hàng tồn kho ở các doanh nghiệp được thực hiện trên cơ sở kết hợp giữa hạch toán tổng hợp và hạch toán chi tiết theo từng người quản lý vật chất và từng nhóm mặt hàng và theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Để hạch toán chính xác hàng tồn kho cần kết hợp chặt chẽ giữa hạch toán ở phòng kế toán và hạch toán nghiệp vụ ở kho hàng, quầy hàng.

Kế toán chi tiết hàng tồn kho nhằm mục đích cung cấp thông tin chi tiết cụ thể về tình hình nhập, xuất tồn vật tư, hàng hóa trong doanh nghiệp theo từng loại hàng và địa điểm bảo quản. Từ đó giúp nhà quản lý và kế toán các doanh nghiệp thương mại tổ chức tốt kế toán chi tiết hàng tồn kho.

1.3.1. Phương pháp thẻ song song

Nguyên tắc hạch toán đối với phương pháp này là ở kho, thủ kho mở thẻ kho để ghi chép về số lượng vật tư, hàng hóa, tại phòng kế toán sẽ mở sổ chi tiết theo dõi cả về mặt số lượng và giá trị nhằm phản ánh tình hình hiện có và sự biến động của vật tư, hàng hóa.

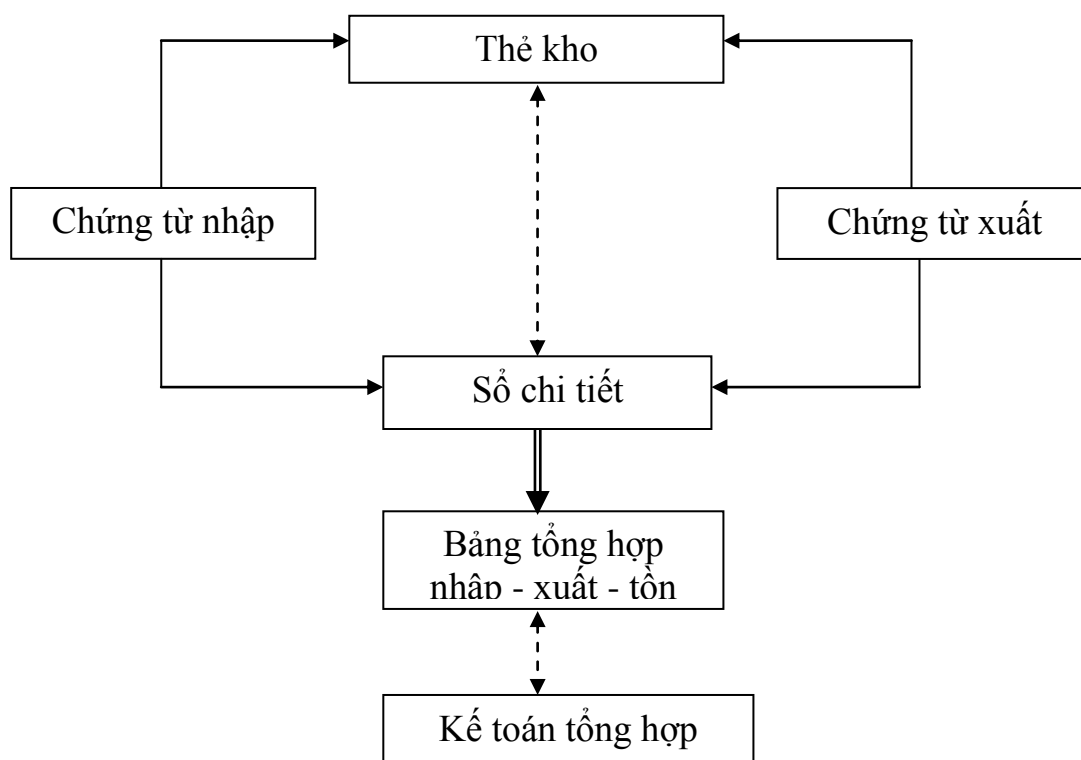
- Ở kho: Hàng ngày, thủ kho căn cứ vào phiếu nhập, xuất để ghi vào các thẻ kho theo số lượng, cuối ngày tính số tồn kho trên thẻ kho của từng loại vật

tư, hàng hóa. Hàng ngày hoặc định kỳ thủ kho gửi phiếu nhập, xuất kho cho kế toán.

- Ở phòng kế toán: Hàng ngày hoặc định kỳ, căn cứ vào phiếu nhập - xuất vật tư, hàng hóa do thủ kho chuyển lên, kế toán phải tiến hành kiểm tra, ghi đơn giá và tính thành tiền rồi ghi vào các sổ chi tiết vật tư, hàng hóa theo từng mặt hàng về số lượng, giá trị tiền. Cuối tháng kế toán cộng sổ chi tiết vật tư, hàng hóa và tiến hành kiểm tra đối chiếu với thẻ kho theo số lượng. Sau đó kế toán tổng hợp số liệu sổ ở các sổ chi tiết vật tư, hàng hóa vào bảng kê tổng hợp nhập, xuất, tồn vật tư, hàng hóa theo từng mặt hàng, nhóm hàng để có cơ sở đối chiếu với kế toán tổng hợp trên TK 156.

- Phương pháp thẻ này có ưu điểm là ghi chép đơn giản dễ kiểm tra đối chiếu. Tuy nhiên, nó có nhược điểm là có sự ghi chép trùng lặp giữa thẻ kho và kế toán kho. Phương pháp này phù hợp với các doanh nghiệp kinh doanh ít chủng loại, mặt hàng, số lượng nghiệp vụ nhập xuất kho ít.

Sơ đồ 1.1: Quá trình luân chuyển chứng từ theo phương pháp thẻ song song



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ====→ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←-----→ Kiểm tra, đối chiếu

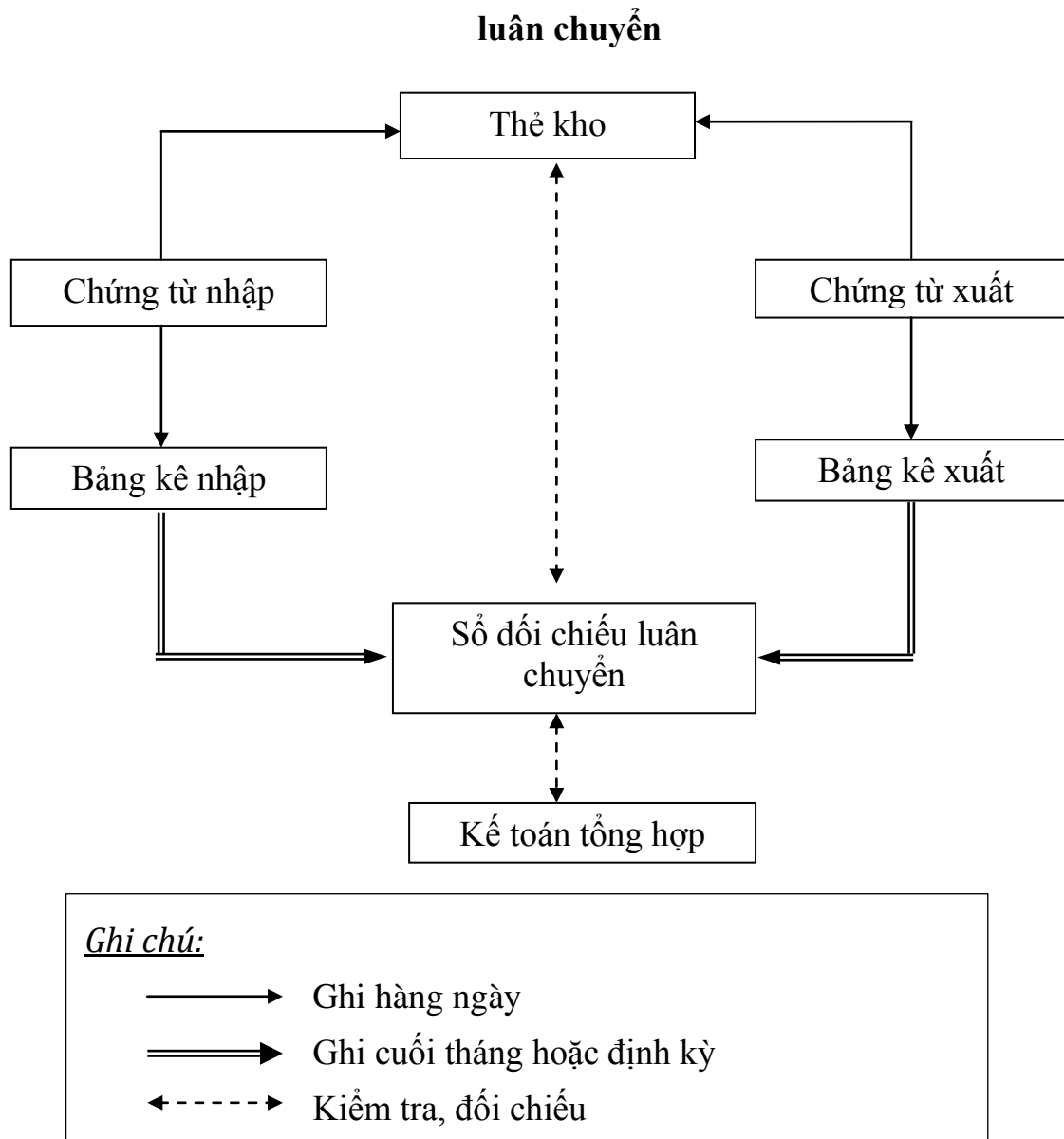
1.3.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

- Tại kho: Thủ kho vẫn ghi chép vào thẻ kho để theo dõi lượng nhập, xuất, tồn kho đối với từng loại danh điểm vật tư, hàng hóa như phương pháp thẻ song song. Tức là, hàng ngày căn cứ vào những chức từ nhập xuất để ghi vào thẻ kho, sau đó chuyển giao chứng từ cho kế toán để tính trị giá vật tư, hàng hóa theo giá hạch toán.

- Tại phòng kế toán: Kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển để hạch toán số lượng và số tiền của từng danh điểm vật tư, hàng hóa theo từng kho. Sổ này ghi mỗi tháng một lần vào cuối tháng, mỗi thứ chỉ ghi một dòng trên sổ.

Cuối tháng đối chiếu số lượng trên sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và đối chiếu phần giá trị với bảng tính giá vật tư, hàng hóa.

Sơ đồ 1.2: Quá trình luân chuyển chứng từ theo phương pháp sổ đối chiếu



1.3.3. Phương pháp sổ số dư

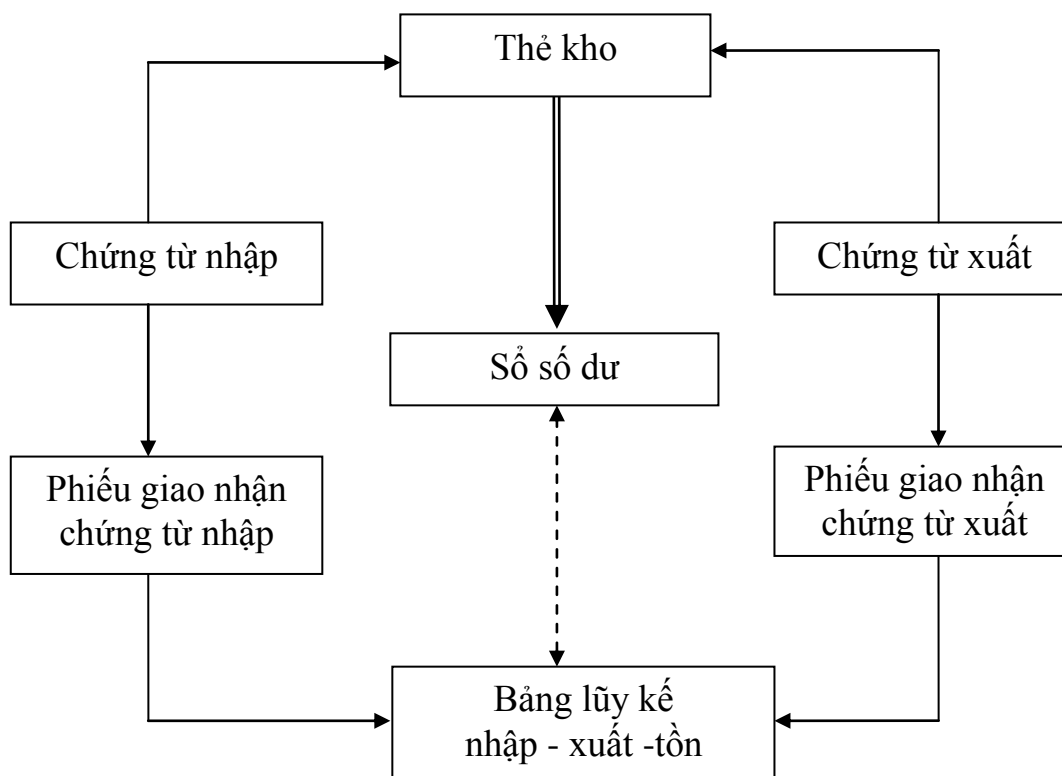
Đặc điểm của phương pháp này là kết hợp chặt chẽ việc hạch toán nghiệp vụ của thủ kho với việc ghi chép kế toán tại phòng kế toán.

- Tại kho: thủ kho mở thẻ kho cho từng mặt hàng theo dõi về số lượng dựa vào các phiếu nhập, xuất trong kỳ. Sau đó thủ kho tập hợp toàn bộ chứng từ nhập, xuất phát sinh trong tháng theo từng danh điểm vật tư, hàng hóa. Đồng thời nhập phiếu giao nhận chứng từ và nộp cho kế toán kèm theo phiếu nhập xuất. Cuối tháng, thủ kho căn cứ số lượng tồn kho theo từng mặt hàng trên thẻ

kho để ghi vào sổ số dư rồi chuyển cho kế toán. Sổ số dư do kế toán mở cho từng kho, dùng cho cả năm, cuối mỗi tháng giao cho thủ kho ghi một lần.

- Ở phòng kế toán: Hàng ngày, căn cứ vào các phiếu nhập, xuất do thủ kho chuyển đến kế toán ghi vào bảng kê nhập, xuất, tồn của từng kho theo chỉ tiêu giá trị. Cuối tháng, căn cứ đơn giá và số lượng để tính ghi vào cột “số tiền” trên sổ số dư. Đối chiếu số liệu ở cột “số tiền” trên sổ số dư với số liệu ở cột “tồn cuối kỳ” trên bảng kê tổng hợp nhập, xuất, tồn của toàn doanh nghiệp để có cơ sở đối chiếu với kế toán tổng hợp TK 156.

Sơ đồ 1.3: Quá trình luân chuyển chứng từ theo phương pháp sổ số dư



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←-----> Kiểm tra, đối chiếu

Trong điều kiện thực hiện kế toán bằng phương pháp thủ công thì phương pháp sổ sổ dư được coi là phương pháp có nhiều ưu điểm: hạn chế việc ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán, cho phép kiểm tra thường xuyên công việc ghi chép ở kho, bảo đảm số liệu được chính xác và kịp thời.

1.4. Kế toán tổng hợp hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.4.1. Đặc điểm phương pháp kê khai thường xuyên

Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi ghi chép và phản ánh thường xuyên liên tục, có hệ thống tình hình tăng giảm hàng hóa sổ sách sau mỗi lần phát sinh nghiệp vụ nhập, xuất.

Khi áp dụng phương pháp này kế toán sử dụng các tài khoản hàng tồn kho để phản ánh tình hình và sự biến động của vật tư, hàng hóa. Như vậy, giá trị hàng tồn kho trên sổ kế toán có thể xác định được ở bất cứ thời điểm nào trong kỳ kế toán còn kết quả kiểm kê thực tế cuối kỳ là cơ sở để so sánh đối chiếu với số liệu trên sổ kế toán. Nếu có chênh lệch giữa số liệu kiểm kê thực tế và số liệu trên sổ sách, kế toán phải tìm nguyên nhân để xử lý kịp thời. Do đó phương pháp này tạo khả năng giám sát vật tư, hàng hóa trong doanh nghiệp một cách liên tục. Điều này giúp các nhà quản lý lập kế hoạch trong tương lai.

Phương pháp này thích hợp với các doanh nghiệp có quy mô lớn, tiến hành đồng thời nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh, kinh doanh mặt hàng có giá trị cao. Phương pháp này có ưu điểm là cung cấp thông tin về hàng tồn kho một cách kịp thời, quản lý chặt chẽ đảm bảo an toàn cho tài khoản tồn kho. Tuy nhiên phương pháp này cũng có nhược điểm khối lượng ghi chép của kế toán nhiều.

1.4.2. Chứng từ sử dụng

Kế toán sử dụng các chứng từ sau:

- Hóa đơn giá trị gia tăng mua vật tư, hàng hóa
- Các chứng từ thanh toán tiền mua vật tư, hàng hóa
- Biên bản kiểm nhận vật tư, hàng hóa

- Phiếu nhập kho
- Biên bản kiểm kê hàng tồn kho
- Hóa đơn giá trị gia tăng khi bán hàng hóa
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ

1.4.3. Tài khoản sử dụng

* *Tài khoản 151* “ Hàng mua đang đi đường”: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của các loại hàng hóa, vật tư mua vào đã xác định là hàng mua nhưng chưa về nhập kho hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng đang chờ kiểm nhận nhập kho

- Bên Nợ: Phản ánh giá trị hàng hóa, vật tư đang đi đường
- Bên Có: Phản ánh giá trị hàng hóa, vật tư đang đi đường đã về nhập kho hoặc đã chuyển bán thẳng cho khách hàng.
- Số dư Nợ: Phản ánh giá trị hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường.

* *Tài khoản 152* “ Nguyên liệu, vật liệu”: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của nguyên vật liệu theo giá gốc.

- Bên Nợ: Phản ánh giá trị gốc của nguyên vật liệu nhập kho và chi phí thu mua nguyên vật liệu phát sinh trong kỳ.
- Bên Có: Phản ánh giá trị nguyên vật liệu xuất kho bao gồm cả chi phí thu mua nguyên vật liệu đã phân bổ.
- Số dư bên Nợ: Trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.

* *Tài khoản 153* “ Công cụ, dụng cụ”: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các loại công cụ, dụng cụ của doanh nghiệp.

- Bên Nợ:
 - + Trị giá thực tế của công cụ, dụng cụ nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công chế biến, nhận góp vốn;
 - + Trị giá công cụ, dụng cụ cho thuê nhập lại kho;

- + Trị giá thực tế của công cụ, dụng cụ thừa phát hiện khi kiểm kê;
- + Kết chuyển trị giá thực tế của công cụ, dụng cụ tồn kho cuối kỳ (Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

- Bên Có:

- + Trị giá thực tế của công cụ, dụng cụ xuất kho sử dụng cho sản xuất, kinh doanh, cho thuê hoặc góp vốn;
- + Chiết khấu thương mại khi mua công cụ, dụng cụ được hưởng;
- + Trị giá công cụ, dụng cụ trả lại cho người bán hoặc được người bán giảm giá;
- + Trị giá công cụ, dụng cụ thiếu phát hiện trong kiểm kê;
- + Kết chuyển trị giá thực tế của công cụ, dụng cụ tồn kho đầu kỳ (Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

- Số dư bên Nợ: Trị giá thực tế của công cụ, dụng cụ tồn kho.

* *Tài khoản 154* “ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”: Tài khoản này dùng để tổng hợp chi phí sản xuất, kinh doanh phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm công nghiệp, xây lắp, nuôi, trồng, chế biến sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp, dịch vụ ở doanh nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên trong hạch toán hàng tồn kho.

Ở những doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ trong hạch toán hàng tồn kho, Tài khoản 154 chỉ phản ánh giá trị thực tế của sản phẩm, dịch vụ dở dang cuối kỳ.

- Bên nợ:

- + Các chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí phân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ liên quan đến sản xuất sản phẩm và chi phí thực hiện dịch vụ;

+ Các chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ liên quan đến giá thành sản phẩm xây lắp công trình hoặc giá thành xây lắp theo giá khoán nội bộ;

+ Kết chuyển chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

- Bên có:

+ Giá thành sản xuất thực tế của sản phẩm đã chế tạo xong nhập kho hoặc chuyển đi bán;

+ Giá thành sản xuất sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao từng phần, hoặc toàn bộ tiêu thụ trong kỳ; hoặc bàn giao cho đơn vị nhận thầu chính xây lắp (Cấp trên hoặc nội bộ); hoặc giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành chờ tiêu thụ;

+ Chi phí thực tế của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành cung cấp cho khách hàng;

+ Trị giá phế liệu thu hồi, giá trị sản phẩm hỏng không sửa chữa được;

+ Trị giá nguyên liệu, vật liệu, hàng hoá gia công xong nhập lại kho;

+ Phản ánh chi phí nguyên vật liệu, chi phí công nhân vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào giá trị hàng tồn kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán. Đối với đơn vị sản xuất theo đơn đặt hàng, hoặc đơn vị có chu kỳ sản xuất sản phẩm dài mà hàng kỳ kế toán đã kết chuyển chi phí sản xuất chung cố định vào TK 154 đến khi sản phẩm hoàn thành mới xác định được chi phí sản xuất chung cố định không được tính vào trị giá hàng tồn kho mà phải hạch toán vào giá vốn hàng bán (Có TK 154, Nợ TK 632).

+ Kết chuyển chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang đầu kỳ (Trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

- Số dư bên Nợ: Chi phí sản xuất, kinh doanh còn dở dang cuối kỳ.

* *Tài khoản 155* “Thành phẩm”: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của các loại thành phẩm của doanh nghiệp.

- Bên Nợ:

+ Trị giá của thành phẩm nhập kho;

+ Trị giá của thành phẩm thừa khi kiểm kê;

+ Kết chuyển giá trị thực tế của thành phẩm tồn kho cuối kỳ (Trường hợp DN hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

- Bên Có:

+ Trị giá thực tế của thành phẩm xuất kho;

+ Trị giá của thành phẩm thiếu hụt khi kiểm kê;

+ Kết chuyển trị giá thực tế của thành phẩm tồn kho đầu kỳ (Trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

- Số dư bên Nợ: Trị giá thực tế của thành phẩm tồn kho cuối kỳ.

* *Tài khoản 156* “Hàng hóa”: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động các loại hàng hóa trong doanh nghiệp.

Kết cấu TK 156:

- Bên Nợ: Phản ánh giá trị hàng hóa nhập kho và chi phí thu mua hàng hóa phát sinh trong kỳ.

- Bên Có: Phản ánh giá trị hàng hóa xuất kho và chi phí thu mua hàng hóa phân bổ cho hàng hóa bán ra trong kỳ.

- Số dư Nợ: Phản ánh giá mua và chi phí mua hàng hóa còn tồn kho cuối kỳ.

* *Tài khoản 157* “Hàng gửi bán”: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của các loại hàng hóa, sản phẩm đã gửi bán hoặc chuyển đến cho khách hàng, giá trị dịch vụ lao vụ đã hoàn thành bàn giao cho người đặt hàng nhưng chưa được thanh toán.

- Bên Nợ: Giá trị hàng hóa, thành phẩm đã gửi bán chưa được chấp nhận thanh toán cuối kỳ

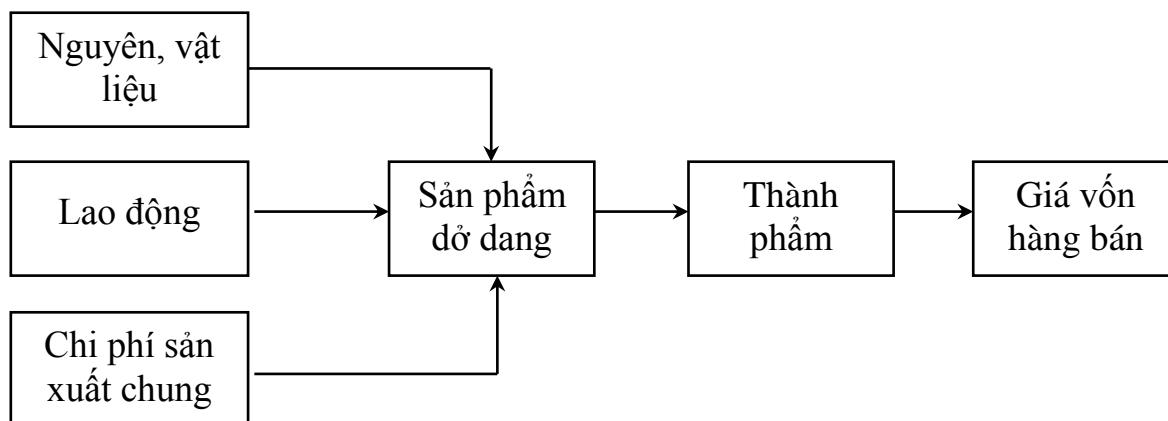
- Bên Có: Giá trị thực tế hàng hóa, thành phẩm đã gửi bán được chấp nhận thanh toán cuối kỳ

- Số dư Nợ: Phản ánh giá trị hàng hóa, thành phẩm đã gửi đi nhưng chưa được xác định là tiêu thụ.

1.4.4. Kế toán các nghiệp vụ làm tăng, giảm hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.4.4.1. Hạch toán hàng tồn kho tại các doanh nghiệp sản xuất

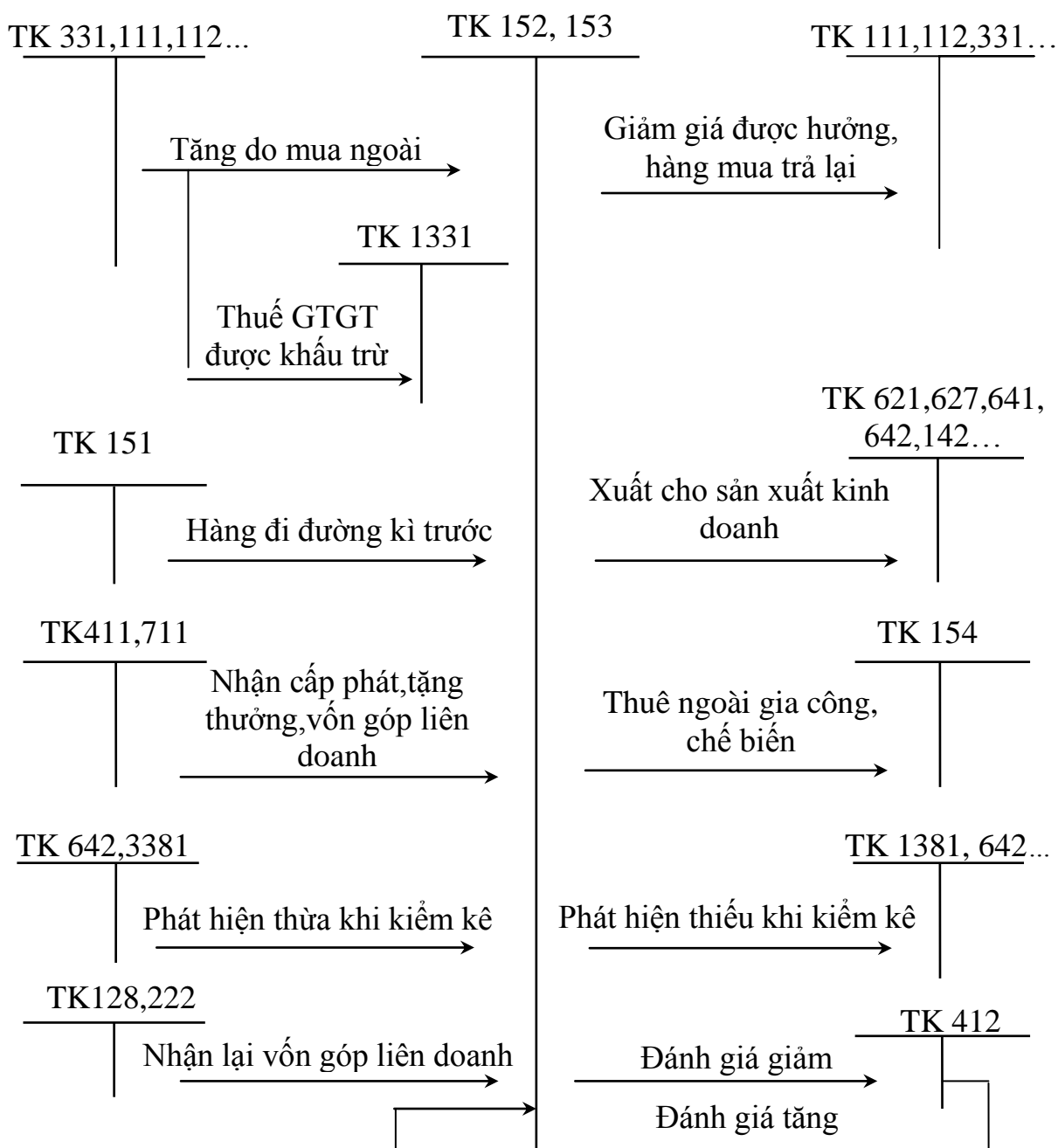
Tại các doanh nghiệp sản xuất, hàng tồn kho bao gồm : nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, sản phẩm dở dang, thành phẩm . Dòng lưu chuyển chi phí tại doanh nghiệp sản xuất có thể biểu hiện qua sơ đồ sau:



Cách thức hạch toán từng loại hàng tồn kho này như sau :

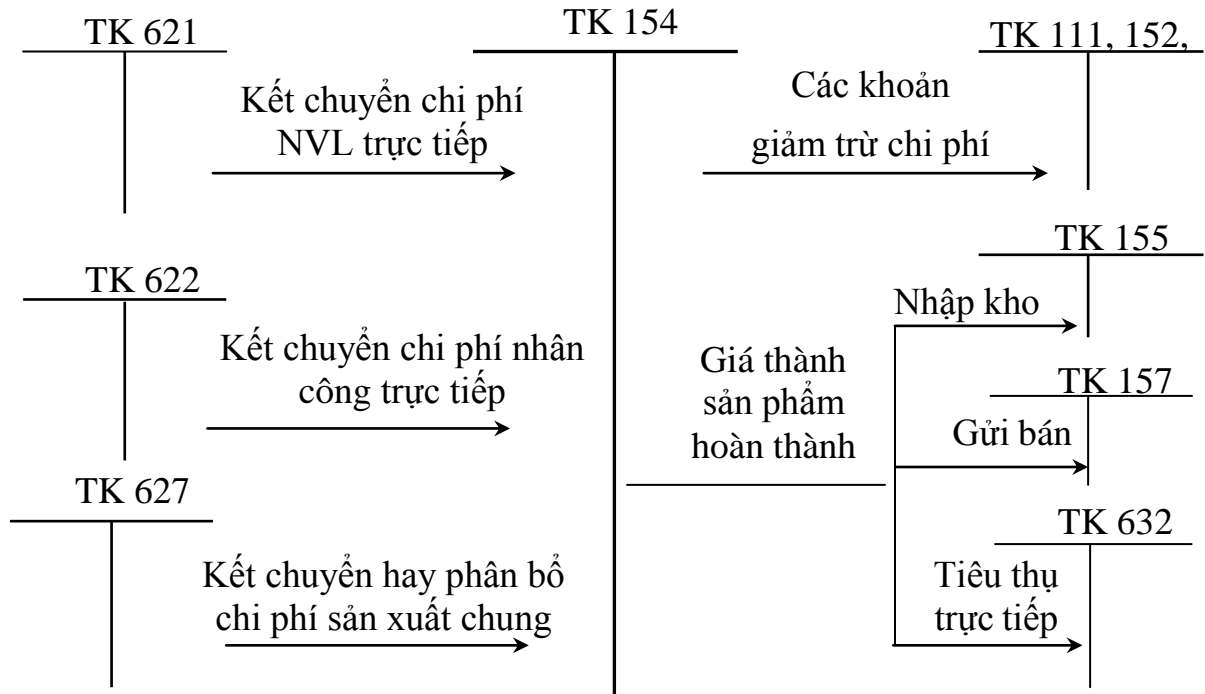
❖ **Hạch toán vật liệu**

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán tổng quát vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên (nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)



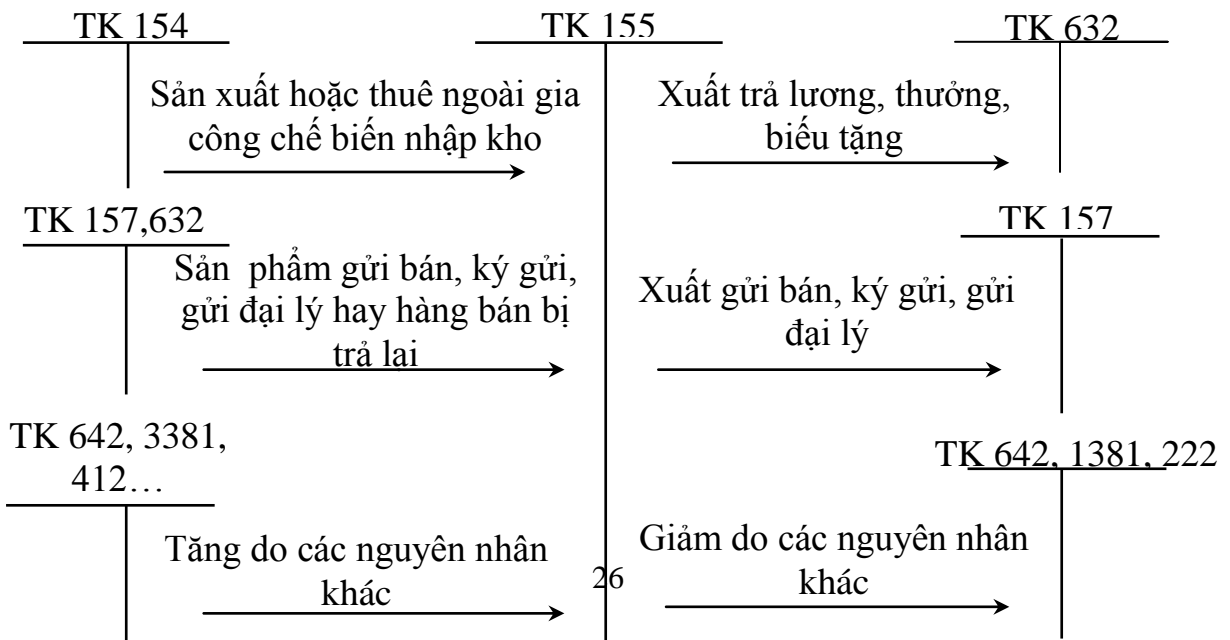
❖ **Tổng hợp chi phí sản xuất:**

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán CPSX theo phương pháp kê khai thường xuyên (nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)



❖ **Hạch toán thành phẩm:**

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán thành phẩm theo phương pháp kê khai thường xuyên (nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)



1.4.4.2. Hạch toán hàng tồn kho tại các doanh nghiệp thương mại

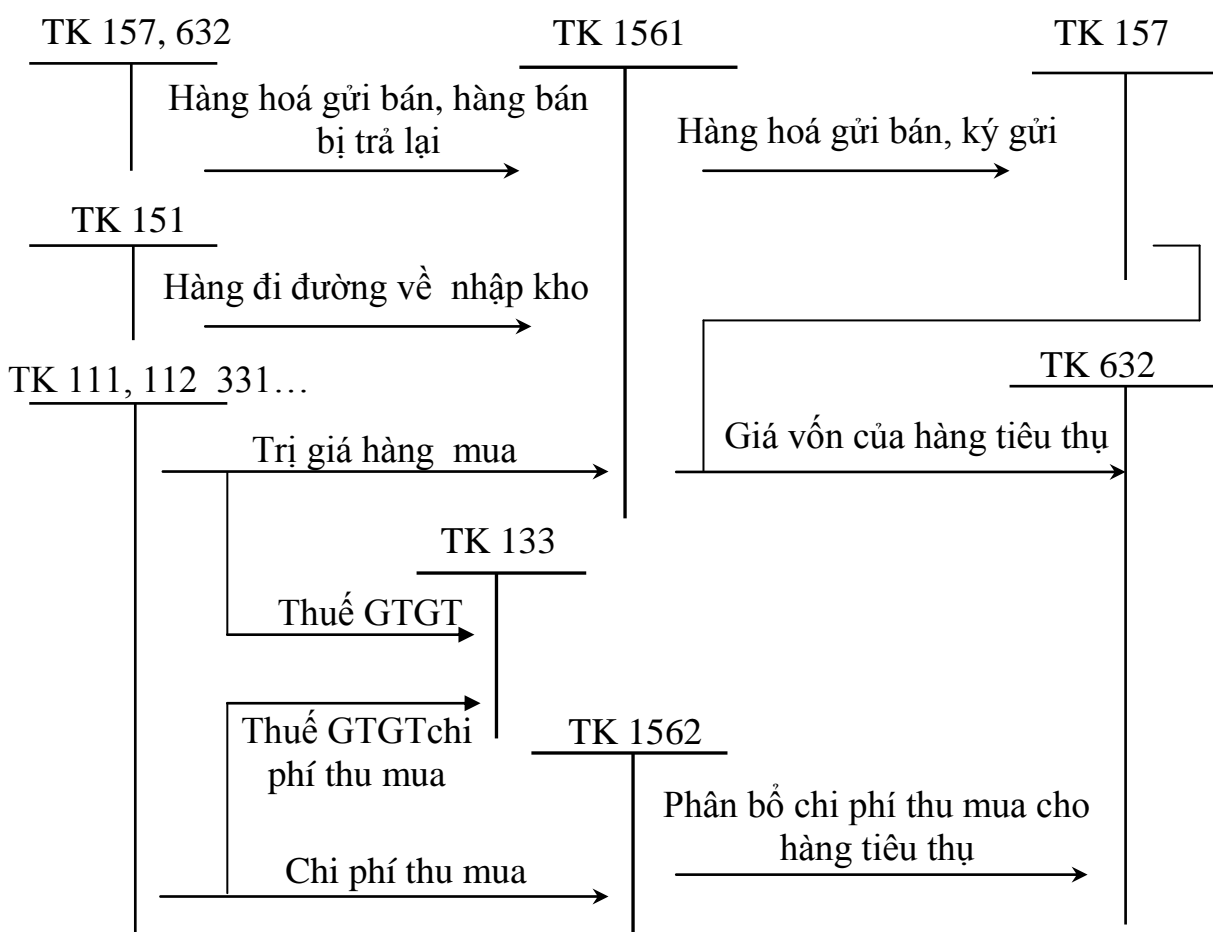
Doanh nghiệp kinh doanh thương mại với hai hoạt động chủ yếu là hoạt động mua hàng hoá và hoạt động bán hàng hoá cho người tiêu dùng hay các đơn vị trung gian.

Đối với các doanh nghiệp thương mại hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, trị giá hàng mua và chi phí thu mua được hạch toán riêng. Do đó tài khoản 156 "Hàng hoá" được chi tiết thành.

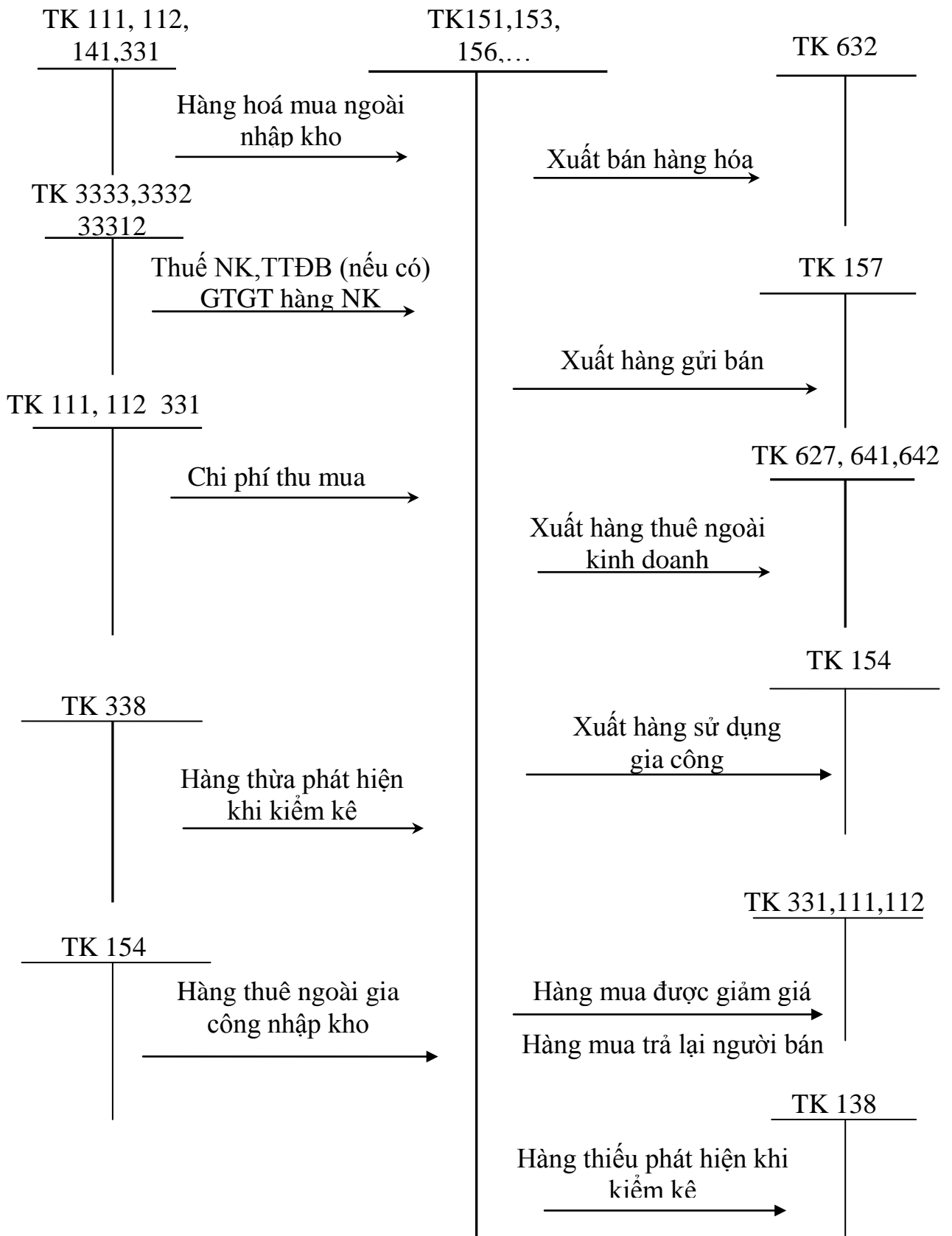
- + 1561 "Giá mua hàng hoá".
- + 1562 "Chi phí thu mua hàng hoá".

Quá trình hạch toán tiến hành như sau :

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán hàng hóa theo phương pháp kê khai thường xuyên (nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ) trong DN thương mại



Sơ đồ 1.8. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên (nộp VAT theo phương pháp trực tiếp) trong DN thương mại



1.5. Kế toán tổng hợp hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.5.1. Đặc điểm phương pháp kiểm kê định kỳ

Theo phương pháp này kế toán không ghi chép, phản ánh thường xuyên, liên tục tình hình biến động của hàng tồn kho. Cuối kỳ căn cứ kết quả kiểm kê hàng hóa, kế toán xác định trị giá hàng tồn kho cuối kỳ và trị giá hàng hóa xuất kho trong kỳ.

Trị giá hàng xuất trong kỳ được tính theo công thức:

Trị giá hàng xuất trong kỳ	=	Trị giá hàng tồn kho đầu kỳ	+	Trị giá hàng nhập kho trong kỳ	-	Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ
-----------------------------------	---	------------------------------------	---	---------------------------------------	---	-------------------------------------

Sử dụng phương pháp này, số liệu trên sổ kế toán luôn khớp với kết quả kiểm kê, đồng thời công việc kế toán đơn giản. Tuy nhiên kế toán không thể xác định được trị giá hàng tồn kho trên sổ kế toán ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ. Kế toán sẽ gặp khó khăn trong việc xác định hàng thừa, thiếu ở khâu bảo quản tại kho hàng cũng như ở các quầy hàng. Phương pháp này thích hợp với DN thương mại kinh doanh nhiều mặt hàng với nhiều chủng loại quy cách khác nhau, kinh doanh các mặt hàng có giá trị nhỏ và các doanh nghiệp không thực hiện nhiều chức năng trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.5.2. Chứng từ sử dụng

Kế toán sử dụng các chứng từ giống với phương pháp kê khai thường xuyên

1.5.3. Tài khoản sử dụng

* Tài khoản 611 “Mua hàng”: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hàng hóa, vật tư mua trong kỳ

Kết cấu TK 611:

- Bên Nợ:

+ Trị giá thực tế hàng hóa tồn đầu kỳ

- + Trị giá thực tế hàng hóa mua vào trong kỳ
- Bên Có:
- + Trị giá thực tế hàng hóa tồn cuối kỳ
- + Giảm giá hàng mua và giá trị hàng mua trả lại
- + Kết chuyển giá trị thực tế hàng hóa, vật tư tiêu thụ và xuất dùng
- Tài khoản 611 cuối kỳ không có số dư.

* Các tài khoản: TK 151, TK 152, TK 153, TK 156, TK 157...khi áp dụng phương pháp này, chỉ sử dụng để phản ánh vào thời điểm đầu kỳ và cuối kỳ. Nội dung ghi chép của các tài khoản này như sau:

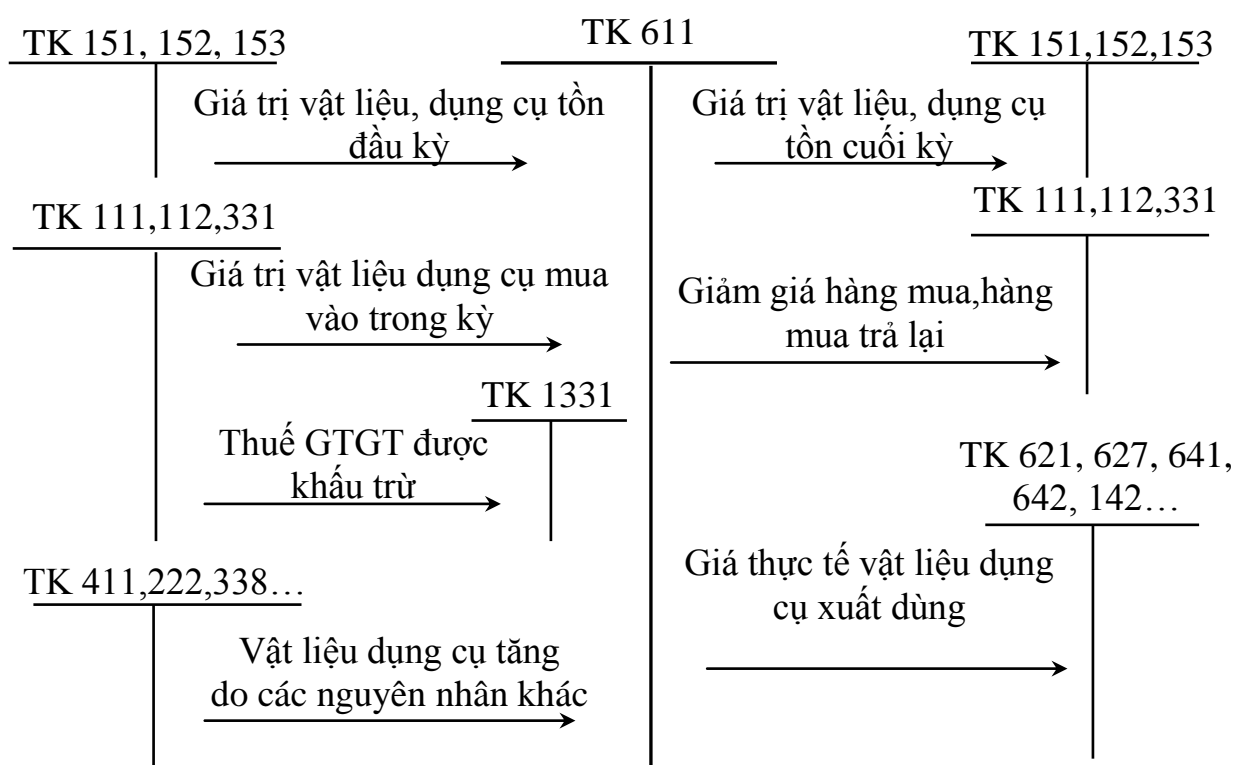
- Bên Nợ: Phản ánh trị giá thực tế hàng tồn kho cuối kỳ
- Bên Có: Kết chuyển thực tế hàng tồn kho đầu kỳ

1.5.4. Kế toán các nghiệp vụ làm tăng, giảm hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.5.4.1. Hạch toán hàng tồn kho tại các doanh nghiệp sản xuất

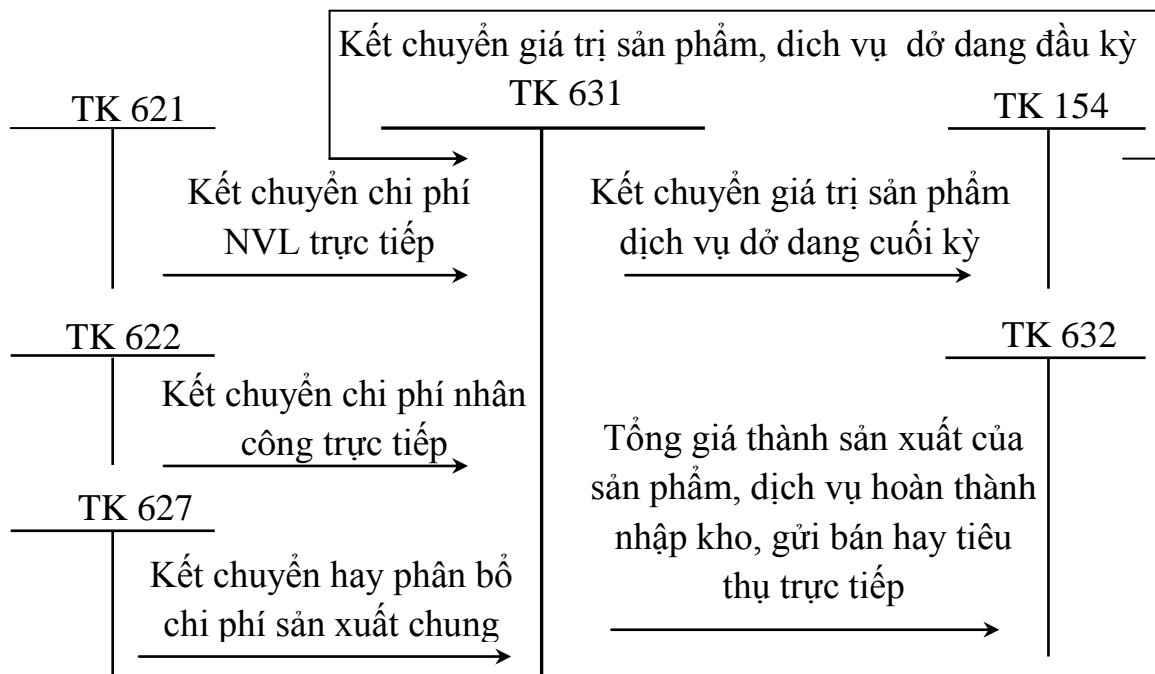
❖ Hạch toán vật liệu

Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán tổng hợp vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ (nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)



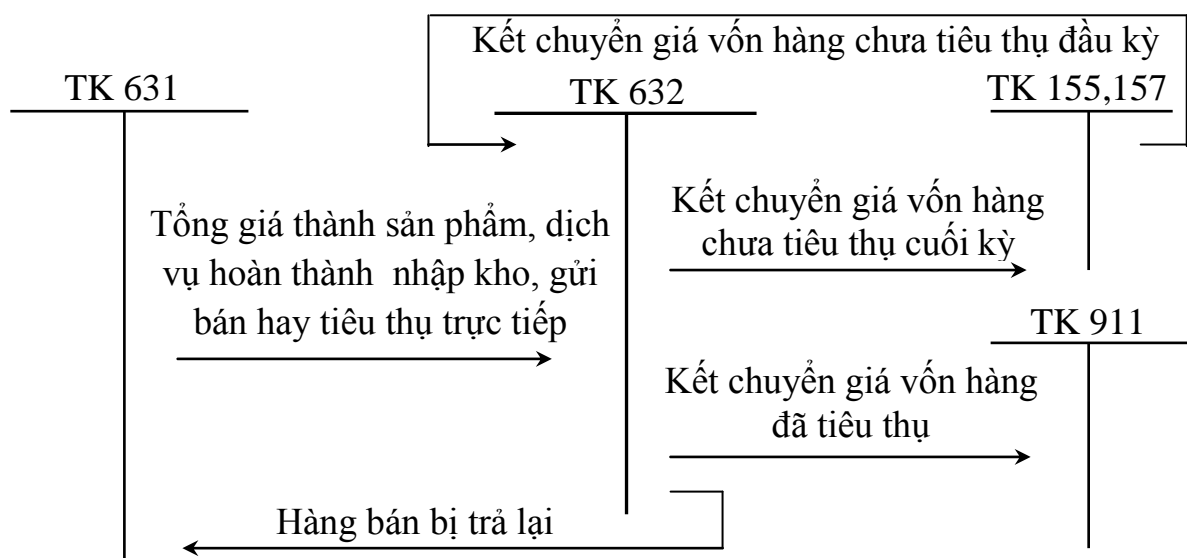
❖ **Tổng hợp chi phí sản xuất :**

**Sơ đồ 1.10: Sơ đồ tổng hợp CPSX theo phương pháp kiểm kê định kỳ
(nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)**



❖ **Hạch toán thành phẩm:**

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán thành phẩm theo phương pháp kiểm kê định kỳ



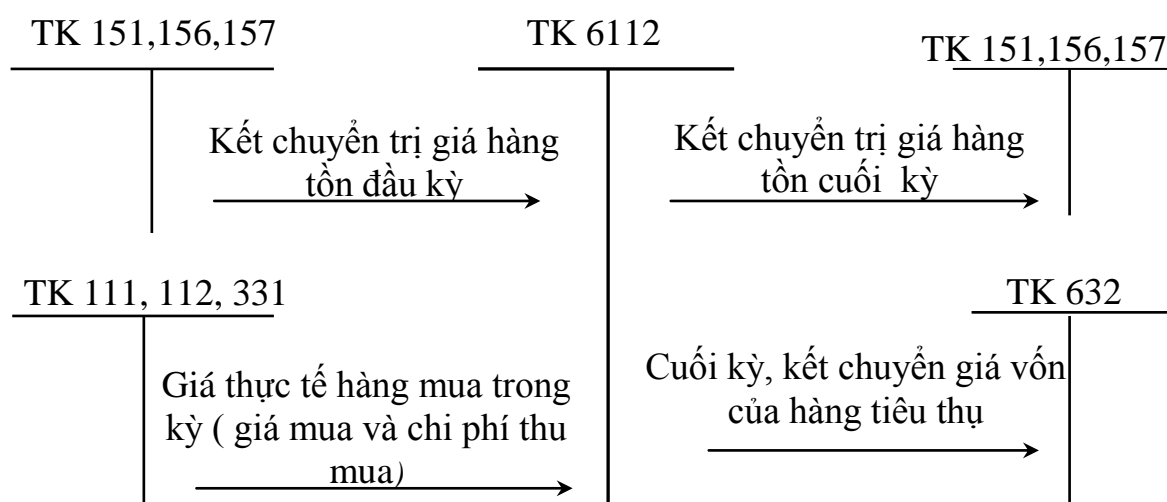
Công thức kết chuyển giá vốn hàng bán đã xác định là tiêu thụ trong kỳ

Giá vốn hàng tiêu thụ trong kỳ	=	Giá vốn hàng chưa tiêu thụ đầu kỳ	+	Tổng giá thành sản phẩm, dịch vụ sản xuất trong kỳ	-	Giá vốn hàng chưa tiêu thụ cuối kỳ
---------------------------------------	---	--	---	---	---	---

1.5.4.2. Hạch toán hàng tồn kho tại các doanh nghiệp thương mại

Các bút toán phản ánh doanh thu tương tự như đối với doanh nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán hàng hoá theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.6. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho

1.6.1. Quy định trong hạch toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho

* Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nhằm bù đắp những khoản thiệt hại thực tế xảy ra do vật tư, sản phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm giá

đồng thời cũng phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho của DN khi lập báo cáo tài chính của cuối kỳ hạch toán.

* Cuối kỳ kế toán của năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

* Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ đi những chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm, hàng hóa và việc tiêu thụ chúng.

* Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Nó là số dự phòng phân giá trị dự kiến bị tổn thất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh do giảm giá hàng tồn kho có thể xảy ra trong năm kế hoạch.

* Việc hạch toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần tôn trọng một số quy định sau:

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối niên độ kế toán trước khi lập báo cáo tài chính. Khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được thực hiện theo đúng các quy định của chế độ tài chính hiện hành;

- Việc dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập cho từng thứ, từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho nếu có bằng chứng tin cậy về sự giảm giá có thể xảy ra;

- Cuối niên độ kế toán, căn cứ vào số lượng, giá trị hàng tồn kho xác định khoản dự phòng cần lập cho niên độ tiếp theo.

Theo quy định hiện hành, việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho không được vượt quá số lợi nhuận phát sinh của doanh nghiệp với các điều kiện sau:

+ Chỉ lập dự phòng cho những thứ vật tư, hàng hóa tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính có giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá trị ghi sổ kế toán;

+ Vật tư hàng hóa là mặt hàng kinh doanh và thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp;

+ Có chứng từ hợp lệ, hợp lý để chứng minh giá vốn hàng tồn kho.

- Doanh nghiệp phải lập hội đồng thẩm định mức độ giảm giá vật tư, hàng hóa tồn kho;

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Doanh nghiệp phải căn cứ vào tình hình giảm giá, số lượng hàng tồn kho thực tế theo từng loại vật tư, hàng hóa để xác định mức lập dự phòng theo công thức sau:

Mức dự phòng giảm giá vật tư, hàng hóa cho năm kế	=	Số lượng vật tư hàng hóa giảm giá tại thời điểm cuối năm báo cáo	x	Giá trị ghi trên sổ sách kế toán	-	Giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt
--	----------	---	----------	---	----------	--

1.6.2. Phương pháp kế toán

Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho sử dụng TK 159 “dự phòng giảm giá hàng tồn kho” để phản ánh việc lập dự phòng và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Kết cấu tài khoản 159:

Bên Nợ: Hoàn nhập số chênh lệch dự phòng giảm giá hàng tồn kho năm nay lớn hơn số đã trích lập cuối niên độ trước.

Bên Có: Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối niên độ kế toán

Số dư bên Có: Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện còn cuối kỳ.

Hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu :

* Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý), khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

* Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý) tiếp theo:

- Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn, ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá HTK)

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch nhỏ hơn, ghi:

Nợ TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

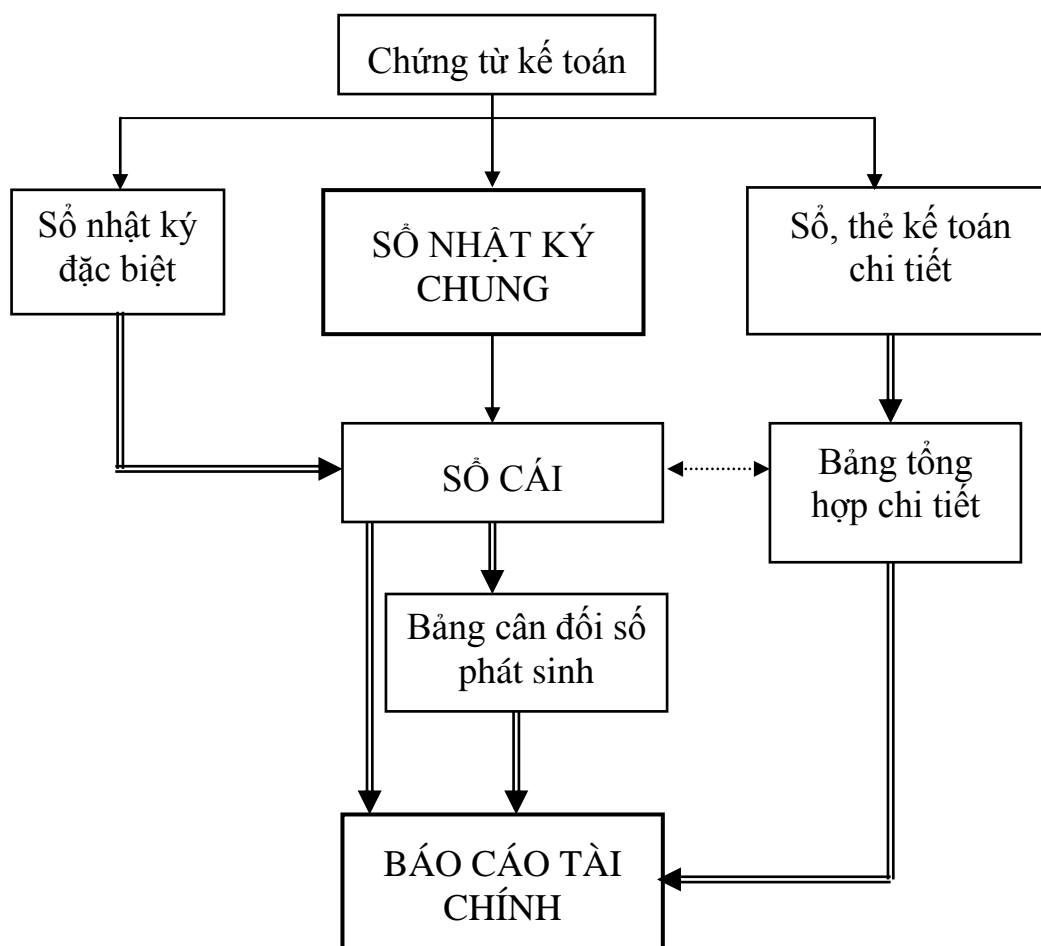
Có TK 632 - Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

Kế toán mở sổ tổng hợp của TK 159 để theo dõi toàn bộ tình hình trích lập và dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Ngoài ra, có thể mở theo dõi chi tiết số dự phòng được trích lập cho từng mặt hàng.

1.7. Đặc điểm kế toán hàng tồn kho theo các hình thức kế toán (Sơ đồ ghi sổ)

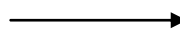
❖ Theo hình thức Nhật ký chung

Sơ đồ 1.13. : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

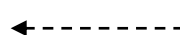
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

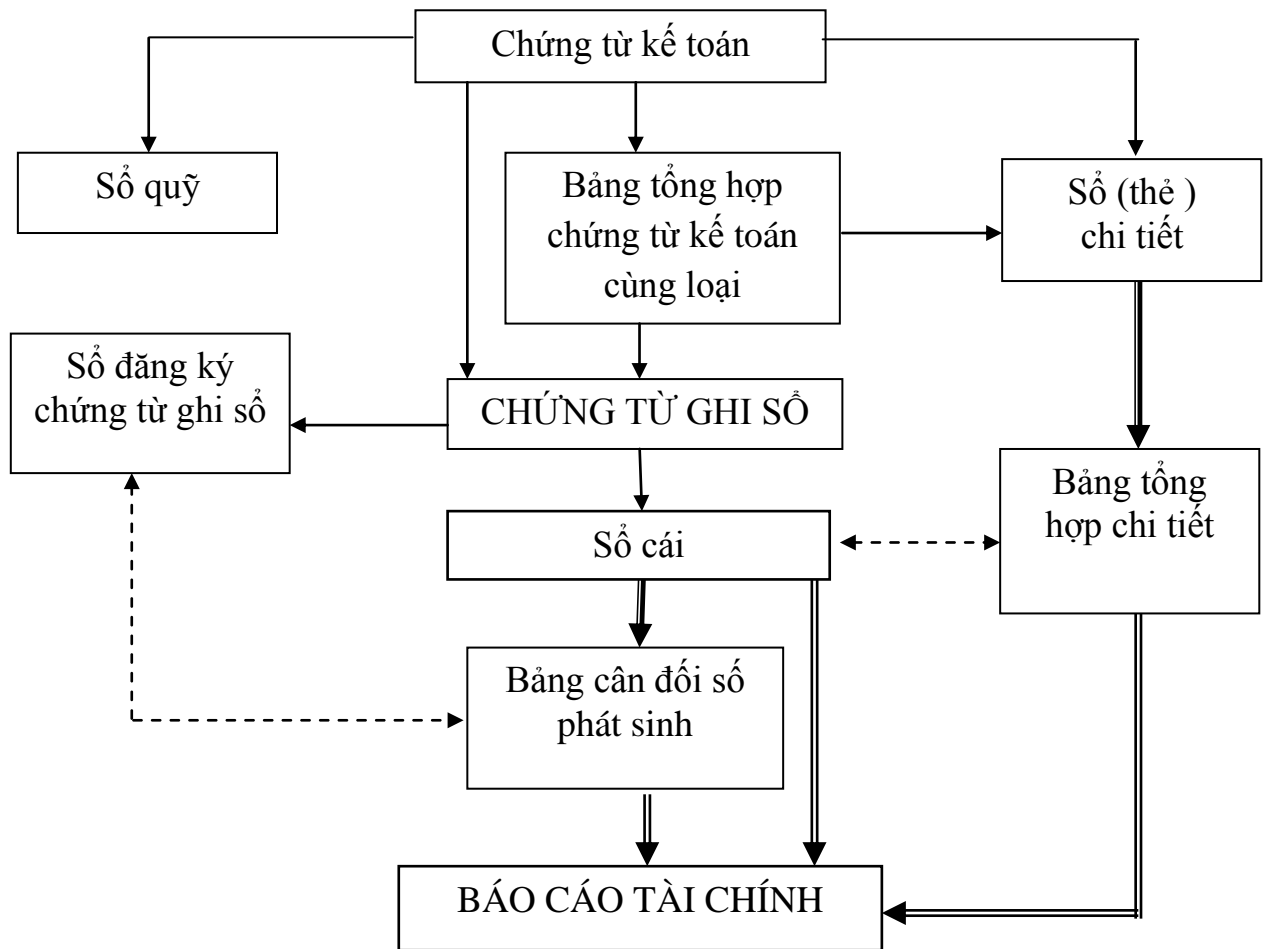


Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



❖ Theo hình thức sổ Chứng từ ghi sổ :

Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————→

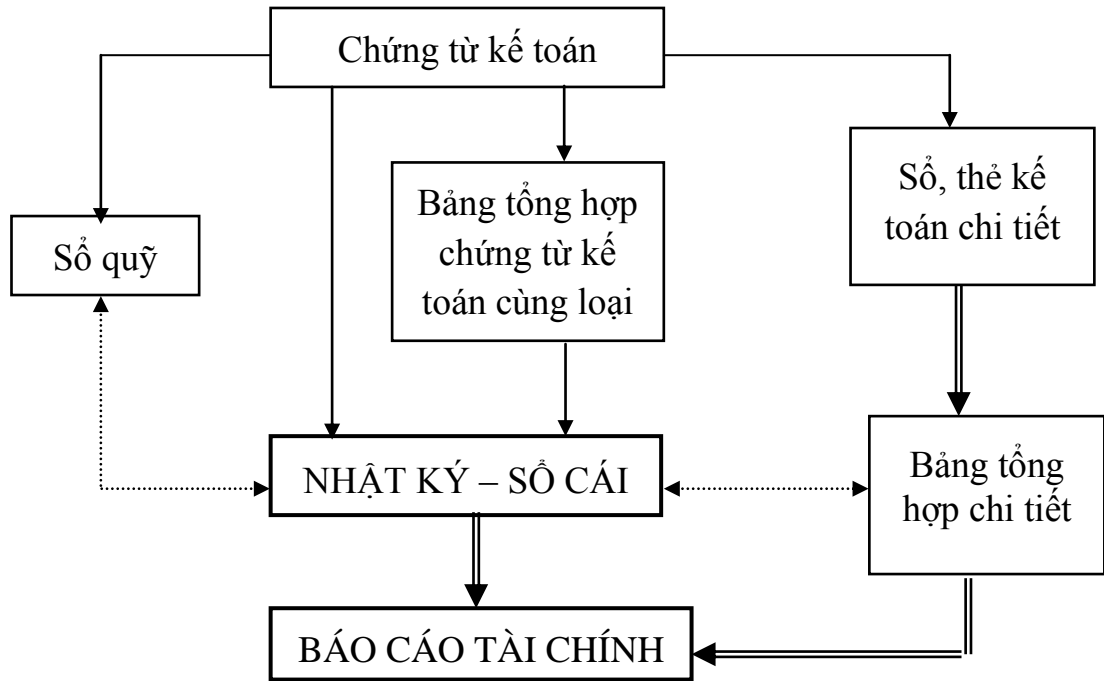
Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ══════════→

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ←-----→

❖ Theo hình thức Nhật ký- sổ cái

Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán

Nhật Ký - Sổ cái



Ghi chú:

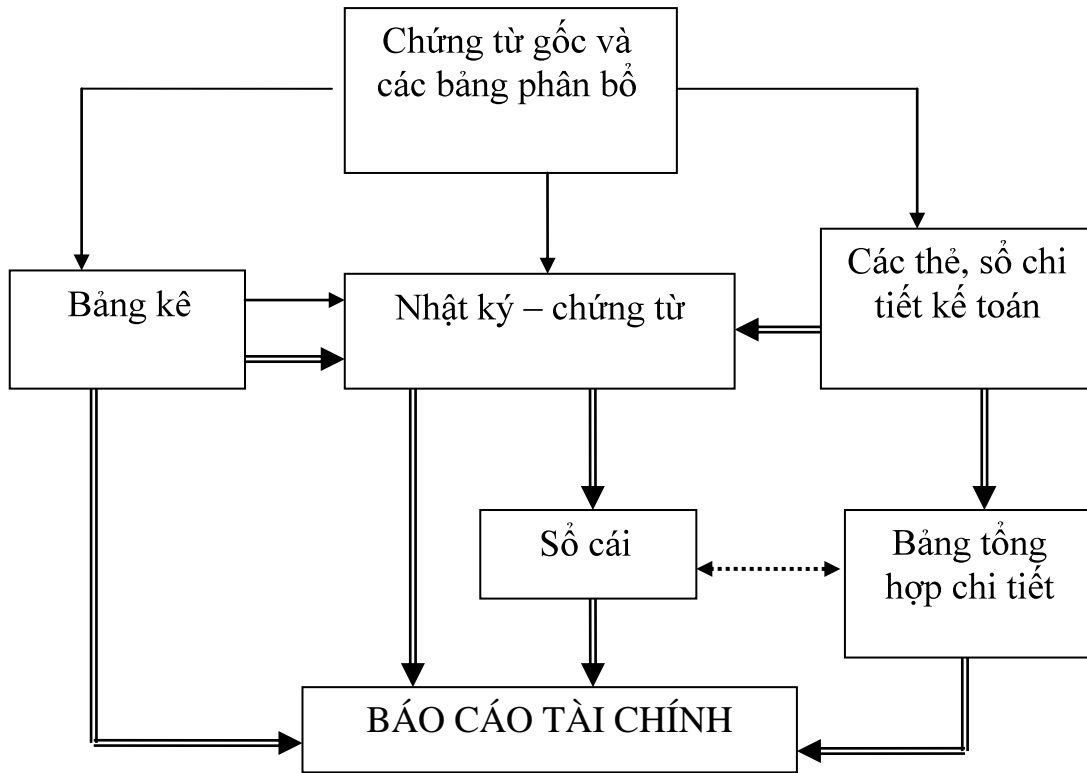
Ghi hàng ngày —————→

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ══════════→

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ←-----→

❖ Theo hình thức Nhật ký - chứng từ

Sơ đồ 1.16: Trình tự ghi sổ kế toán theo Nhật ký- Chứng từ



Ghi chú:

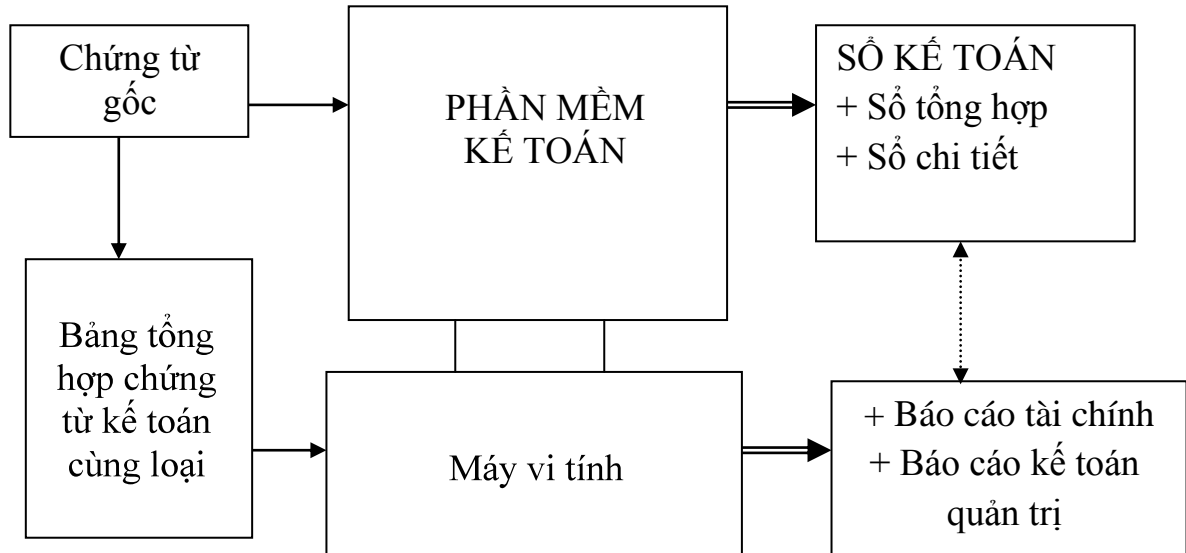
Ghi hàng ngày —————→

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ══════════→

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ←-----→

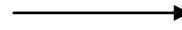
❖ Theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Sơ đồ 1.17: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

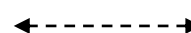
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



CHƯƠNG 2:
MÔ TẢ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VẬN TẢI
ĐẠI CÁT LỘC

2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc

** Một số nét khái quát về công ty*

- Tên công ty: Cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc
- Địa chỉ: Tổ 55 khu Phú Xá - phường Đông Hải 1 - quận Hải An - HP
- Mã số thuế: 0200772719
- Vốn điều lệ: 6.500.000.000

** Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc*

Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc được thành lập theo quyết định của Bộ Thương Mại và được sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203003713 ngày 5 tháng 12 năm 2007.

** Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty*

- Hình thức sở hữu vốn: công ty Cổ Phần
- Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
2	Xây dựng nhà các loại	41000
3	Xây dựng công trình đường sắt đường bộ	4210
4	Xây dựng công trình công ích	42200
5	Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng	431

6	Bán buôn quặng kim loại	46621
7	Bán buôn sắt thép	46622
8	Bán buôn kim loại khác: đồng, nhôm	46623
9	Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến	46631
10	Bán buôn xi măng	46632
11	Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi	46633
12	Bán buôn sơn, vecni	46635
13	Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh	46636
14	Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	46697
15	Bán lẻ sơn, màu, vecni trong các cửa hàng chuyên doanh	47522
16	Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh	47524
17	Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	47525
18	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
19	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
20	Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa	5022
21	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
22	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
23	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
24	Bốc xếp hàng hóa	5224
25	Cho thuê xe có động cơ	7710

* Những thuận lợi khó khăn và kết quả đạt được của công ty:

Là một công ty trải qua hơn 5 năm xây dựng và phát triển, công ty đã đạt được những kết quả nhất định trong lĩnh vực kinh doanh của mình. Trong thời gian qua, bên cạnh những thuận lợi công ty cũng gặp không ít những khó khăn. Cụ thể như sau:

- *Thuận lợi:*

+ Công ty với mô hình quản lý gọn nhẹ.

+ Toàn thể cán bộ công nhân viên làm việc với nhiệt huyết cao,

+ Công ty đã xây dựng tốt bộ máy quản lý và tuyển dụng đào tạo. Ban lãnh đạo công ty có kinh nghiệm, biết khai thác và phát huy năng lực của cán bộ công nhân viên.

+ Công ty không những duy trì tốt quan hệ đó mà còn tăng cường mở rộng hợp tác với bạn hàng khác với mục tiêu mở rộng địa bàn hoạt động kinh doanh.

- *Khó khăn:*

+ Kinh tế thị trường đang gặp khó khăn trong sự tụt dốc của kinh tế thế giới nên việc tiêu thụ hàng hóa gặp không ít khó khăn, tìm kiếm thêm nguồn hàng và khách hàng mới cũng không phải dễ, lại cạnh tranh với nhiều công ty trong cùng lĩnh vực kinh doanh.

- *Kết quả:*

Là một công ty mới trải qua 5 năm hoạt động nên còn rất nhiều khó khăn, song công ty đã kinh doanh khá tốt sản phẩm của mình trên thị trường Hải Phòng nói riêng và của khu vực miền Bắc nói chung và ngày càng mở rộng địa bàn hoạt động của mình.

* Số liệu minh chứng cho sự phát triển của 3 năm gần đây về các chỉ tiêu

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Tổng doanh thu	6.256.378.948	5.250.735.827	4.671.233.472
Tổng doanh thu thuần	6.256.378.948	5.250.735.827	4.671.233.472
Tổng giá vốn hàng bán	6.407.056.009	4.805.353.245	4.104.755.954
Tổng lợi nhuận gộp	(150.677.061)	445.382.582	566.477.518
Tổng lợi nhuận trước thuế	(488.386.785)	36.021.926	154.248.865

2.1.2. Đặc điểm tổ chức kinh doanh tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc

2.1.2.1. Đặc điểm về nguồn lực

* Về nguồn vốn:

- Nguồn vốn của công ty được hình thành từ vốn góp của các thành viên trong hội đồng thành viên ban quản trị trong công ty.

- Sử dụng nguồn vốn vay từ các ngân hàng

* Nguồn nhân lực của công ty

- Công ty có đội ngũ cán bộ lãnh đạo và cán bộ nhân viên có nghiệp vụ chuyên môn giàu kinh nghiệm, năng động, sáng tạo

- Đứng trước sự cạnh tranh gay gắt của nền kinh tế thị trường hiện nay, cùng với việc thực hiện các chính sách khác, Công ty tiến hành chính sách về quản lý lao động theo hướng giảm số lượng lao động. Cơ cấu quản lý bố trí sắp xếp lao động được xem xét điều chỉnh hàng năm, nhằm đảm bảo bộ máy hoạt động có hiệu quả cao nhất.

2.1.3. Đặc điểm hàng tồn kho tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc

Sản phẩm kinh doanh của công ty là các loại vật liệu xây dựng. Bên cạnh đó công ty còn có hoạt động vận tải.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc

* Tổ chức bộ máy quản lý của công ty theo mô hình trực tuyến chức năng:

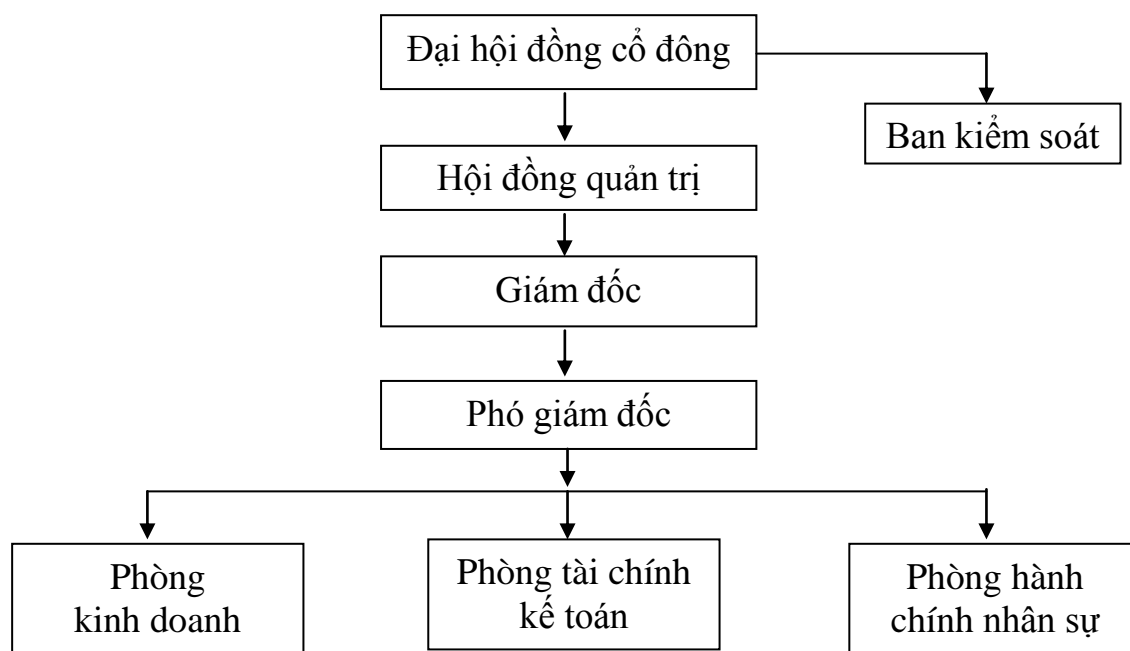
Trong doanh nghiệp người thừa hành nhiệm vụ ở cấp dưới chỉ phụ thuộc cấp trên trực tiếp về toàn bộ công việc phải làm để hoàn thành trách nhiệm, và người phụ trách ở mỗi cấp lại nhận được sự hướng dẫn, kiểm tra về từng lĩnh vực của các bộ phận chức năng tương ứng của cấp trên. Các bộ phận chức năng ở mỗi cấp lại là cơ quan tham mưu của thủ trưởng cấp mình, cung cấp thông tin được xử lý tổng hợp và các kiến nghị giải pháp để thủ trưởng ra quyết định.

- Đó là sự kết hợp các quan hệ điều khiển - phục tùng và quan hệ phối hợp - cộng tác

- Tạo khung hành chính vững chắc cho tổ chức quản lý doanh nghiệp, có hiệu lực và đảm bảo thể chế quản lý

- Phù hợp với môi trường kinh doanh ổn định trong doanh nghiệp vừa và nhỏ như công ty

Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc



* Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận tại công ty

Với tổ chức bộ máy quản lý như trên, mỗi cấp mỗi bộ phận đều có chức năng và nhiệm vụ, quyền hạn riêng của mình. Các bộ phận này có vai trò quan trọng trong việc điều hành và quản lý công ty.

- Đại hội đồng cổ đông: là cơ quan quyền lực quyết định cao nhất. Công ty hoạt động thông qua các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu, bổ sung, bãi miễn thành viên hội đồng quản trị và ban kiểm soát

- Hội đồng quản trị:

+ Bao gồm các thành viên tham gia góp vốn trong công ty, người có cổ phiếu cao nhất sẽ được bầu là Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị. Các cổ đông có quyền tham gia biểu quyết đóng góp ý kiến cho sự phát triển của công ty, nhưng

quyết định quan trọng nhất vẫn thuộc về Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị, Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị là người có vai trò và quyền hạn cao nhất quyết định vận mệnh của công ty.

- Ban giám đốc:

+ Quản lý công ty, chịu trách nhiệm về toàn bộ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trước hội đồng quản trị.

+ Đề ra các phương án kinh doanh trình HĐQT.

+ Tổ chức thực hiện các phương án được đề ra.

+ Kiểm tra việc thực hiện các phương án, đưa ra những biện pháp khắc phục khi cần thiết.

+ Thường xuyên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho HĐQT

+ Với tổ chức bộ máy quản lý như trên, mỗi cấp mỗi bộ phận đều có chức năng và nhiệm vụ, quyền hạn riêng của mình. Các bộ phận này có vai trò quan trọng trong việc điều hành và quản lý công ty

* Các phòng ban trong công ty

- Phòng kinh doanh:

+ Tìm nguồn hàng và lập kế hoạch ký kết các hợp đồng kinh tế cung cấp hàng hóa và tiêu thụ hàng hóa; có nhiệm vụ chào bán hàng, đôn đốc thu hồi công nợ đúng hạn, lập phương án kinh doanh cụ thể từng lô hàng nhập và thảo các hợp đồng kinh tế mua bán nội địa trình ban giám đốc trước khi nhập hàng và bán hàng.

+ Giao nhận hàng hoá phục vụ khách hàng kịp thời, thường xuyên mở rộng tiếp thị khách hàng trên thị trường trong nước để tạo ra các kênh phân phối hàng hoá của Công ty.

- Phòng kế toán

+ Phòng kế toán có nhiệm vụ lập ghi chép và phân loại sắp xếp các chứng từ kế toán, các hợp đồng kinh tế.

+ Ghi chép và cập nhật sổ sách phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh kịp thời chính xác, lập báo cáo tài chính theo chế độ quản lý tài chính của Bộ tài chính ban hành và theo quy định của Công ty theo định kỳ.

+ Đảm bảo lưu trữ chứng từ của Công ty theo quy định của Bộ tài chính và cơ quan thuế.

+ Lập kế hoạch tài chính hàng tuần, tháng, quý, năm báo cáo ban giám đốc, hội đồng quản trị và cơ quan chức năng.

+ Hướng dẫn các bộ phận lập chứng từ theo đúng quy định của Công ty và theo hệ thống kế toán hiện hành.

+ Kết hợp phòng kinh doanh đối chiếu và thu hồi công nợ đúng hạn.

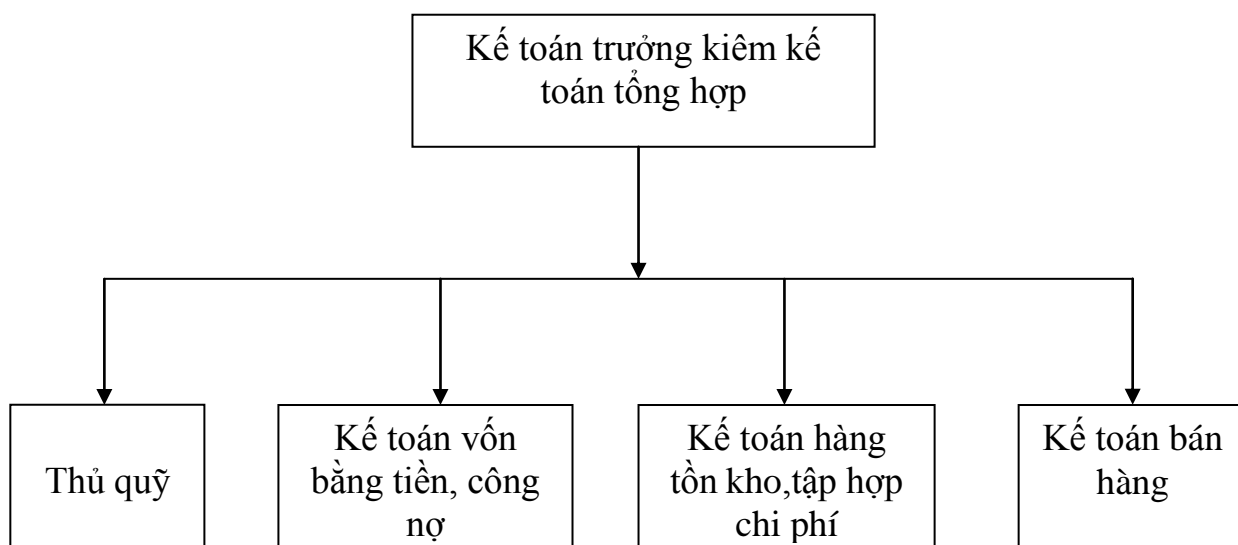
- Phòng hành chính nhân sự:

+ Đảm bảo cho các bộ phận, cá nhân trong Công ty thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ đạt hiệu quả trong công việc. Các bộ phận thực hiện đúng nhiệm vụ tránh chông chéo, đổ lỗi. Đảm bảo tuyển dụng và xây dựng, phát triển đội ngũ CBCNV theo yêu cầu, chiến lược của Công ty.

2.1.5. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc

2.1.5.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán

Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc



* Kế toán trưởng:

- Là người giúp giám đốc công ty tổ chức chỉ đạo toàn bộ công tác hạch toán kế toán, nắm bắt thông tin kinh tế tài chính doanh nghiệp. Quản lý phân công cụ thể chức năng, nhiệm vụ cho từng cán bộ nhân viên trong phòng phù hợp với năng lực và trình độ chuyên môn của từng người.

- Chịu sự kiểm tra giám sát về mặt chuyên môn tài chính kế toán của cơ quan tài chính, cơ quan thuế và các cơ quan chức năng của nhà nước.

- Kiểm soát toàn bộ các chứng từ sổ sách liên quan phát sinh đến tài chính của Công ty.

- Tổ chức chỉ đạo thực hiện việc ghi chép hệ thống sổ sách chứng từ kế toán theo đúng quy định của nhà nước.

* Kế toán viên: có nhiệm vụ hạch toán các khoản thu chi, nhập xuất toàn công ty tính theo chế độ tài chính kế toán do Nhà nước và cơ quan chức năng quy định. Xử lý các nghiệp vụ kế toán trong quá trình hoạt động kinh doanh, quản lý vốn, phản ánh tình hình sử dụng hiệu quả các nguồn vốn và tài sản của công ty. Định kỳ cuối tháng, quý, năm phòng kế toán sẽ tổng hợp số liệu, lập báo cáo tài chính qua đó trình giám đốc công ty.

* Thủ quỹ: Thực hiện kiểm tra thu, chi kịp thời trên cơ sở chứng từ hợp lệ, hợp pháp kiêm nhiệm vụ bảo quản con dấu công ty.

2.1.5.2. Chính sách kế toán gồm

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam

- Kỳ kế toán, kỳ hạch toán:

+ Công ty áp dụng niên độ kế toán là năm tài chính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm

+ Kỳ hạch toán là tháng

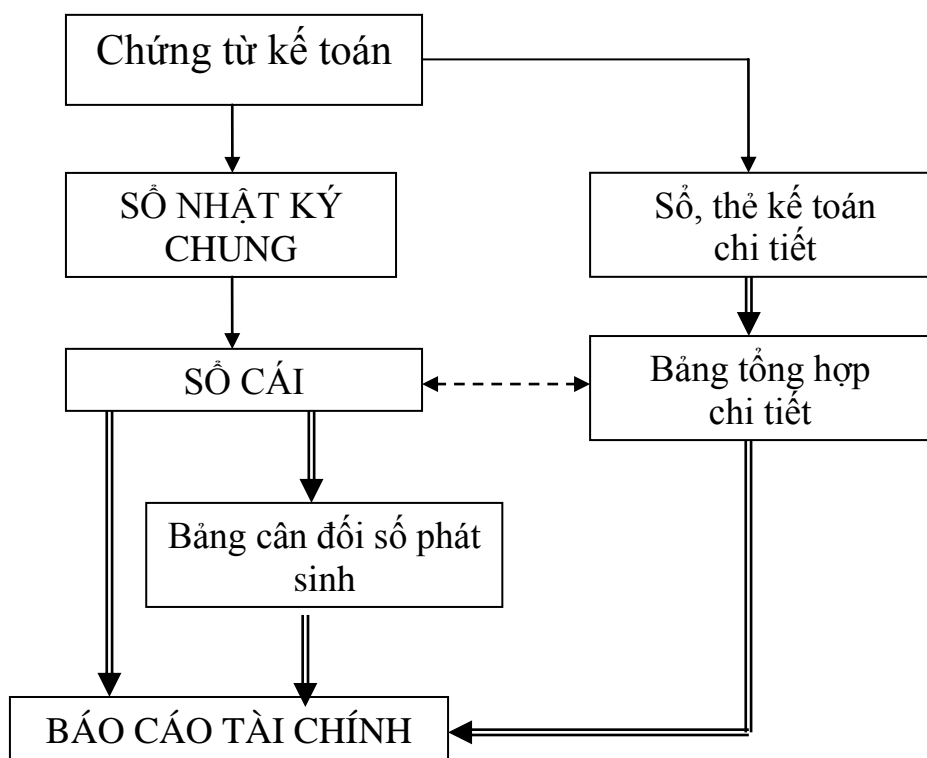
- Chế độ kế toán áp dụng: Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán của công ty áp dụng theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định QĐ 15/2006/QĐ-BTC

- Hình thức kế toán áp dụng: Doanh nghiệp áp dụng hình thức kế toán theo hình thức nhật ký chung.

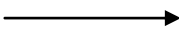
Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra được làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào các số liệu đã ghi ở nhật ký chung để vào sổ cái theo các tài khoản phù hợp.

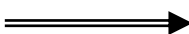
Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, thực hiện bút toán khóa sổ (cộng dồn số liệu trên sổ cái) lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu đúng số liệu trên sổ cái, và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

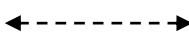
Sơ đồ 2.3: Hình thức nhật ký chung tại công ty



Ghi chú:

Ghi hàng ngày 

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ 

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra 

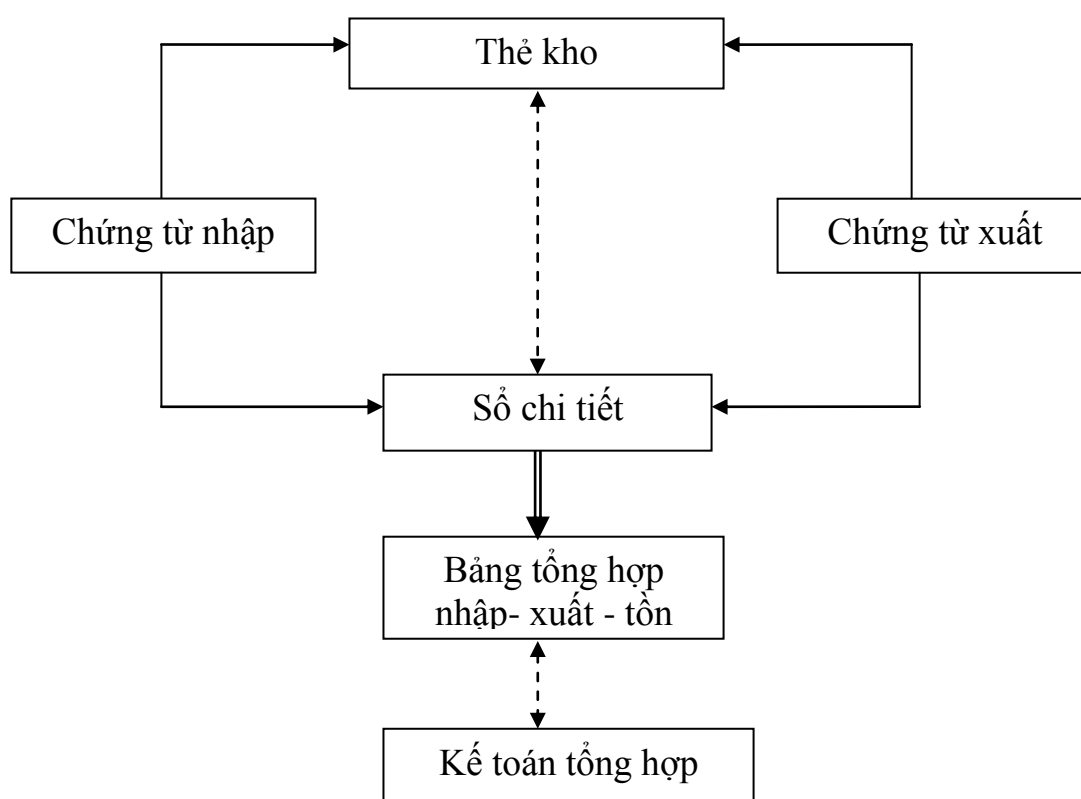
- Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho: theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO).
- Phương pháp tính thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ.

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán hàng tồn kho tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc

2.2.1. Kế toán chi tiết hàng tồn kho tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc

Công ty áp dụng phương pháp thẻ song song để hạch toán chi tiết hàng tồn kho.

Sơ đồ 2.4: Quá trình luân chuyển chứng từ theo phương pháp thẻ song song



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←-.-> Kiểm tra, đối chiếu

Tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc, các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu liên quan đến quá trình mua bán hàng hóa. Nguyên vật liệu chủ yếu là nhiên liệu phục vụ vận tải được mua xuất dùng trực tiếp cho xe mà không qua nhập kho. Các nghiệp vụ liên quan đến công cụ dụng cụ phát sinh tương đối ít.

Để mô tả dòng chảy của số liệu, đề tài tập trung mô tả các dữ liệu, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến các loại hàng hóa tại công ty trong tháng 8 năm 2012.

Dựa vào HĐ GTGT mua hàng để xác định giá trị hàng nhập kho:

Giá thực tế nhập kho của hàng tồn kho được xác định theo nguyên tắc giá thực tế (nguyên tắc giá phí).

Giá thực tế = Giá mua ghi trên hóa đơn + Chi phí trực tiếp phát sinh
trong quá trình mua

Trong đó:

* Giá trị ghi trên hóa đơn:

- Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nên giá ghi trên hóa đơn là giá chưa có thuế GTGT.

- Chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình mua: bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí khác trong quá trình mua.

Căn cứ vào hợp đồng nguyên tắc số **15072012/HDNT/2012** đã kí ngày 15/7/2012 và đơn đặt hàng gửi đến công ty Ngọc Thành ngày 25/ 7 / 2012, cùng với biên bản xác nhận khối lượng mà đại diện 2 bên đã kí, **ngày 11/8/2012**, công ty TNHH Vận tải và Xây dựng Ngọc Thành xuất hóa đơn số 0000162 cho Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc.

Biểu 2.1: Hợp đồng nguyên tắc số 15072012/HDNT/2012.

**CÔNG TY TNHH TM VT VÀ XD
NGỌC THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số:15072012/HDNT/2012

- Căn cứ pháp lệnh hợp đồng kinh tế ngày 25/9/1998 của Chủ tịch hội đồng Nhà nước CHXHCN Việt Nam.

- Căn cứ Nghị định 17/HĐKT ngày 16/12/1990 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết về pháp lệnh hợp đồng kinh tế.

- Căn cứ vào điều kiện, nhu cầu và khả năng của mỗi bên.

Hôm nay, ngày 15 tháng 07 năm 2012, tại văn phòng công ty TNHH TM VT và XD Ngọc Thành hai bên gồm có:

Bên A (Bên mua): CÔNG TY CP VLXD VT ĐẠI CÁT LỘC

Địa chỉ :Tổ 55 khu Phú Xá – Đông Hải – Hải An – Hải Phòng.

Mã số thuế :02000772719

Điện thoại :0313.741.327 Fax :0313.741.327

Tài khoản :10064146 tại NH GPBank – Hải Phòng

Đại diện :Ông Trịnh Văn Hà Chức vụ: Giám Đốc

Bên B (Bên bán): CÔNG TY TNHH TM VT VÀ XD NGỌC THÀNH

Địa chỉ :Quán Rẽ - Mỹ Đức - An Lão - HP

Mã số thuế :0200837003

Điện thoại :031.3779790 Fax :031.3779790

Tài khoản :10921212286024 tại NH Techcombank Kiến An – HP

Đại diện :Ông Nguyễn Ngọc Hiền Chức vụ :Giám đốc

Sau khi bàn bạc, thống nhất hai bên đồng ý ký kết hợp đồng kinh tế như sau:

Điều I: Nội dung hợp đồng

Bên B đồng ý bán hàng hóa cho bên A và bên A đồng ý mua hàng hóa của bên B gồm các loại vật tư, vật liệu dùng trong xây dựng.

Điều II: Quy cách chất lượng sản phẩm

- Bên B chịu trách nhiệm về xuất xứ hàng hóa, nguồn gốc hàng hóa và có chứng từ xuất hàng hóa.
- Hàng hóa được bên A kiểm tra thực tế tại kho bãi của bên B (có biên bản giao nhận kèm theo).

Điều III: Địa điểm và phương thức giao nhận

- Địa điểm giao nhận: Tại chân công trình bên A đang thi công trong khu vực Hải Phòng
- Phương thức giao nhận: Khi hàng của bên B được vận chuyển đến công trình của bên A, bên A kiểm tra số lượng, chất lượng hàng ngay trên phương tiện trước khi nhận hàng.

Điều IV: Phương thức thanh toán

- Trước khi nhập hàng bên A sẽ gửi đơn đặt hàng cho bên B quy định rõ khối lượng và giá cả tại thời điểm đặt hàng. Sau khi được xác nhận đồng ý của bên B bên A sẽ thực hiện chuyển trước tối thiểu 70% giá trị đơn đặt hàng.
- Sau khi nhận được tiền trả trước cho đơn hàng, bên B sẽ thực hiện bàn giao hàng hóa cho bên A theo tiến độ nhận hàng của bên A. Việc bàn giao hàng hóa và xuất hóa đơn GTGT sẽ được thực hiện tối đa trong vòng 90 ngày kể từ khi bên B nhận được tiền đặt hàng của bên A.

- Bên A sẽ thanh toán dứt điểm lô hàng trong vòng 05 ngày sau khi nhận được chứng từ hóa đơn GTGT của bên B. Nếu thanh toán chậm bên A sẽ phải chịu lãi suất bằng 1,5 lần lãi suất ngân hàng bên B đang đặt quan hệ tài khoản.

Điều V: Trách nhiệm của mỗi bên

1.Trách nhiệm bên B

- Giao hàng đúng số lượng đảm bảo thời gian, địa điểm, chất lượng, chủng loại quy cách theo đơn đặt hàng của bên A.

- Cung cấp xác lập giấy tờ pháp lý như hóa đơn thuế GTGT, Biên bản giao nhận cho bên A và hỗ trợ cùng bên A thực hiện hợp đồng.

2.Trách nhiệm của bên A

- Chuẩn bị phương tiện nhận hàng theo tiến độ giao nhận của công ty.

- Thanh toán đủ tiền hàng cho bên B như đã thỏa thuận tại điều IV của hợp đồng.

Điều VI: Điều khoản chung

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản trong hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hai bên thông báo cho nhau bằng văn bản và cùng gặp nhau bàn bạc giải quyết. Nếu không giải quyết được thì sẽ đề nghị ra tòa án kinh tế Hải Phòng để giải quyết, mọi chi phí phát sinh bên có lỗi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

- Hợp đồng được lập thành 02 bản mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Biểu 2.2: Đơn đặt hàng ngày 25 tháng 7 năm 2013

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐƠN ĐẶT HÀNG

Hải Phòng, ngày 25 tháng 07 năm 2012

- Căn cứ vào hợp đồng kinh tế ngày 15 tháng 07 năm 2012 giữa cty CP VLXD VT Đại Cát Lộc và cty TNHH TM VT và XD Ngọc Thành.

- Căn cứ vào nhu cầu sử dụng Vật liệu của Công ty CP VLXD VT Đại Cát Lộc trong thời gian tới

Bên A (Bên mua): CÔNG TY CP VLXD VT ĐẠI CÁT LỘC

Địa chỉ :Tổ 55 khu Phú Xá – Đông Hải – Hải An – Hải Phòng.

Mã số thuế :0200772719

Điện thoại :0313.741.327

Fax :0313.741.327

Tài khoản :10064146 tại NH GPBank – Hải Phòng

Đại diện :Ông Trịnh Văn Hà

Chức vụ: Giám Đốc

Bên B(Bên bán): CÔNG TY TNHH TM VT VÀ XD NGỌC THÀNH

Địa chỉ :Quán Rẽ - Mỹ Đức - An Lão - HP

Mã số thuế :0200837003

Điện thoại :031.3779790

Fax :031.3779790

Tài khoản :10921212286024 tại NH Techcombank Kiến An – HP

Đại diện :Ông Nguyễn Ngọc Hiền

Chức vụ :Giám đốc

Bên A gửi đến bên B đơn đặt hàng với số lượng như sau:

STT	TÊN HÀNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Đất đỏ	M3	249	85.000	21.165.000
2	Cát đen	M3	600	125.000	75.000.000
	Tổng				96.165.000

Bảng chữ: Chín mươi sáu triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng.

Đơn đặt hàng được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

BÊN MUA

BÊN BÁN

Biểu 2.3: Biên bản giao nhận khối lượng ngày 11 tháng 8 năm 2012

**CÔNG TY TNHH TM VT & XD
NGỌC THÀNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO NHẬN KHỐI LƯỢNG

Hôm nay, ngày 11 tháng 08 năm 2012 tại văn phòng Cty CP VLXD VT Đại Cát Lộc chúng tôi gồm có:

Bên giao hàng: CÔNG TY TNHH TM VT & XD NGỌC THÀNH

Đại diện: Ông Nguyễn Ngọc Hiền

Chức vụ: Giám đốc

Bên nhận hàng: CÔNG TY CP VLXD VT ĐẠI CÁT LỘC

Đại diện: Ông Lương Thành Quân

Chức vụ: P.Giám đốc

Cùng nhau xác nhận khối lượng vật tư, hàng hóa mà Cty Ngọc Thành đã cấp cho Cty Đại Cát Lộc đến 11 tháng 8 năm 2012 . Cụ thể như sau:

Tên hàng	ĐVT	Số lượng
Đất đỏ	M ³	249
Cát đen	M ³	600

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO HÀNG

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN HÀNG

Biểu 2.4: Hóa đơn GTGT ngày 11 tháng 8 năm 2012**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01GTKT3/001

Liên 2: Giao người mua

Ký hiệu: AA/11P

Ngày 11 tháng 08 năm 2012

Số: 0000162

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH TM VT VÀ XD NGỌC THÀNH

Mã số thuế: 0200837003

Địa chỉ: Quán Rẽ - Mỹ Đức - An Lão - HP

Điện thoại : 031.3779790

Số tài khoản: 10921212286024 tại NH Techcombank Kiến An – Hải Phòng

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Vận tải Đại Cát Lộc

Mã số thuế: 0200772719

Địa chỉ: Tổ 55 - Khu Phú Xá - Đông Hải- Hải An- Hải phòng

Hình thức thanh toán:

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Đất đỏ	M ³	249	85.000	21.165.000
2	Cát đen	M ³	600	125.000	75.000.000
Cộng tiền hàng					96.165.000
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT					9.616.500
Tổng cộng tiền thanh toán					105.781.500
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm linh năm triệu, bảy trăm tám mươi một nghìn, năm trăm đồng/					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.5: Biên bản đối chiếu công nợ công ty Ngọc Thành

CÔNG TY TNHH TM VT & XD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

NGỌC THÀNH

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN ĐỐI CHIẾU CÔNG NỢ

Tháng 8 năm 2012

- Căn cứ HĐKT V/v mua bán hàng hóa được ký ngày 15 tháng 07 năm 2012 giữa cty TNHH TM VT & XD Ngọc Thành và cty CP VLXD VT Đại Cát Lộc.

- Căn cứ biên bản giao nhận được hai bên ký xác nhận

Hôm nay, ngày 11 tháng 08 năm 2012 tại văn phòng công ty CP VLXD VT Đại Cát Lộc hai bên gồm có:

Bên A(Bên mua): CÔNG TY CP VLXD VT ĐẠI CÁT LỘC

Địa chỉ :Tổ 55 khu Phú Xá – Đông Hải – Hải An – Hải Phòng.

Mã số thuế :0200772719

Điện thoại :0313.741.327 Fax :0313.741.327

Tài khoản :10064146 tại NH GPBank – Hải Phòng

Đại diện :Ông Lương Thành Quân Chức vụ: P.Giám Đốc

Bên B(Bên bán): CÔNG TY TNHH TM VT VÀ XD NGỌC THÀNH

Địa chỉ :Quán Rẽ - Mỹ Đức - An Lão - HP

Mã số thuế :0200837003

Điện thoại :031.3779790 Fax :031.3779790

Tài khoản :10921212286024 tại NH Techcombank Kiến An – Hải Phòng

Đại diện :Ông Nguyễn Ngọc Hiền Chức vụ :Giám đốc

Cùng nhau đối chiếu công nợ giữa hai bên với nội dung cụ thể như sau:

I.Nợ cũ chuyển sang:

0 đ

II.Khối lượng vật tư phát sinh trong kỳ

ĐVT: VNĐ

STT	Vật tư	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Đất đỏ	M ³	249	85.000	21.165.000
2	Cát đen	M ³	600	125.000	75.000.000
Cộng tiền hàng					96.165.000
Thuế GTGT 10%					9.616.500
Tổng Cộng					105.781.500

(Một trăm lẻ năm triệu bảy trăm tám mươi một nghìn năm trăm đồng/.)

III.Số tiền bên mua đã thanh toán **15.000.000 đ**

IV.Số tiền bên mua còn nợ đến hết 11/8/2012 **90.781.500 đ**

(Chín mươi triệu, bảy trăm tám mươi một nghìn, năm trăm đồng/.)

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Từ hóa đơn GTGT mua hàng số 0000162 ngày 11 tháng 8 năm 2012 kế toán lập phiếu nhập kho:

Biểu 2.6: Phiếu nhập kho ngày 11 tháng 8 năm 2012

Công ty CP VLXD VT Đại Cát Lộc

Mẫu số : 01 – VT

Tổ 55 Khu Phú Xá- Hải An - HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

Phiếu nhập kho

Ngày 11 tháng 08 năm 2012

Số: PN01/08

Nợ: 156

Có: 331

Họ tên người bán : Cty Ngọc Thành

Nhập tại kho : Cty

STT	Tên hàng	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
1	Đất đỏ		m3		249	85.000	21.165.000
2	Cát đen		m3		600	125.000	75.000.000
	Cộng						96.165.000

Người nhập
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Từ phiếu nhập kho PN01/08 ngày 11/8, thủ kho ghi số lượng vào thẻ kho cát đen và thẻ kho đất đỏ

Biểu 2.7: Thẻ kho của cát đen

Công ty CP VLXD VT Đại Cát Lộc
Tổ 55 Khu Phú Xá- Hải An - HP

Mẫu số S12-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

THẺ KHO

Tháng 8 năm 2012

- Tên vật tư, hàng hóa: Cát đen
- Đơn vị tính : m³

Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng			Xác nhận của KT
	Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
B	C	D	E	F	1	2	3	G
			Tồn đầu kỳ				1.268	
....							
11/8	PN 01/08		Nhập kho	11/8	600		1.740	
....			...					
28/8		PX 25/0 8	Xuất bán	28/8		84	1.208	
...			...					
			Cộng PS		978	1.106		
			Tồn cuối kỳ				1.140	

Ngày 31 tháng 8 năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.8: Thẻ kho của đất đỏ

Công ty CP VLXD VT Đại Cát Lộc

Tổ 55 Khu Phú Xá- Hải An - HP

Mẫu số S12-DN(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)**THẺ KHO**
Tháng 8 năm 2012

- Tên vật tư, hàng hóa: Đất đỏ
- Đơn vị tính : m³

Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng			Xác nhận của KT
	Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
B	C	D	E	F	1	2	3	G
			Tồn đầu kỳ				15	
11/8	PN 01/08		Nhập kho	11/8	249		264	
....			...					
25/8		PX 23/08	Xuất bán	25/8		80	105	
...			...					
			Cộng PS		569	500		
			Tồn cuối kỳ				84	

Ngày 31 tháng 8 năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Từ phiếu nhập kho 11/8 kế toán ghi vào sổ chi tiết hàng hóa cát đen

(Biểu 2.9) và sổ chi tiết hàng hóa đất đỏ (Biểu 2.10)

Từ sổ chi tiết hàng hóa (Biểu 2.9) và (Biểu 2.10), kế toán lập bảng tổng hợp hàng hóa tồn kho (Biểu 2.11)

Biểu 2.9: Sổ chi tiết cát đen

Công ty CP VLXD VT Đại Cát Lộc
Tổ 55 Khu Phú Xá- Hải An - HP

Mẫu số S10-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)*Tháng 8 năm 2012*

Tài khoản: 156 Kho: Cát

Tên hàng hóa: Cát đen

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
		Dư đầu kỳ							1.268	158.245.670	
...											
PN 01/08	11/8	Nhập kho	331	125.000	600	75.000.000			1.740	220.732.082	
...										
PX 25/08	28/08	Xuất bán	632	124.150			84	10.428.600	1.208	153.243.882	
...											
		Cộng PS	x	x	978	122.250.000	1.106	138.250.000	x	x	
		Dư cuối kỳ			x	x	x	x	1.140	142.245.670	

Ngày 31 tháng 8 năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.10: Sổ chi tiết đất đỏ

Công ty CP VLXD VT Đại Cát Lộc

Tổ 55 Khu Phú Xá- Hải An - HP

Mẫu số S10-DN(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)**SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)**

Tháng 8 năm 2012

Tài khoản: 156 Kho: Đất

Tên hàng hóa: Đất đỏ

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
		Dư đầu kỳ							15	1.096.000	
PN 01/08	11/8	Nhập kho	331	85.000	249	21.165.000			264	22.261.000	
...										
PX 23/08	25/08	Xuất kho	632	85.572			80	6.845.758	105	8.985.057	
...											
		Cộng PS	x	x	569	48.365.000	500	42.346.746	x	x	
		Dư cuối kỳ			x	x	x	x	84	7.114.254	

Ngày 31 tháng 8 năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.11: Bảng tổng hợp hàng hóa tồn kho

Công ty CP VLXD VT Đại Cát Lộc

Tổ 55 Khu Phú Xá- Hải An - HP

BẢNG TỔNG HỢP HÀNG HÓA TỒN KHO*Tháng 8 năm 2012*

Đơn vị tính: đồng

Diễn giải	Tồn đầu kỳ	Nhập	Xuất	Tồn cuối kỳ
Cát đen	158.245.670	122.250.000	138.250.000	142.245.670
Cát VP	240.705.179	205.625.000	318.377.520	127.952.659
Đá 2x3	96.781.100	-	1.440.000	95.341.100
Cát Hà Bắc	12.450.000	-	700.000	11.750.000
Đất đỏ	1.096.000	48.365.000	42.346.746	7.114.254
Gạch	16.863.000	-	11.310.000	5.553.000
Xi măng	67.358.524	-	-	67.358.524
.....				
Tổng cộng	596.109.143	376.240.000	512.424.266	459.924.877

Người tổng hợp

Kế toán trưởng

Sau khi bàn bạc, thống nhất hai bên đồng ý ký kết hợp đồng kinh tế như sau:

Điều I: Nội dung hợp đồng

Bên B đồng ý bán hàng hóa cho bên A và bên A đồng ý mua hàng hóa của bên B gồm các loại vật tư, vật liệu, nguyên liệu dùng trong xây dựng.

Điều II: Quy cách chất lượng sản phẩm

- Bên B chịu trách nhiệm về xuất xứ hàng hóa, nguồn gốc hàng hóa và có chứng từ xuất hàng hóa.

- Hàng hóa được bên A kiểm tra thực tế tại kho bãi của bên B(có biên bản giao nhận kèm theo).

Điều III: Địa điểm và phương thức giao nhận

- Địa điểm giao nhận: Tại chân công trình bên A đang thi công trong khu vực Hải Phòng

- Phương thức giao nhận: Khi hàng của bên B được vận chuyển đến công trình của bên A, bên A kiểm tra số lượng, chất lượng hàng ngay trên phương tiện trước khi nhận hàng.

Điều IV: Phương thức thanh toán

- Trước khi nhập hàng bên A sẽ gửi đơn đặt hàng cho bên B quy định rõ khối lượng và giá cả tại thời điểm đặt hàng. Sau khi được xác nhận đồng ý của bên B bên A sẽ thực hiện chuyển trước tối thiểu 70% giá trị đơn đặt hàng.

- Sau khi nhận được tiền trả trước cho đơn hàng, bên B sẽ thực hiện bàn giao hàng hóa cho bên A theo tiến độ nhận hàng của bên A. Việc bàn giao hàng hóa và xuất hóa đơn GTGT sẽ được thực hiện tối đa trong vòng 90 ngày kể từ khi bên B nhận được tiền đặt hàng của bên A.

- Bên A sẽ thanh toán dứt điểm lô hàng trong vòng 05 ngày sau khi nhận được chứng từ hóa đơn GTGT của bên B. Nếu thanh toán chậm bên A sẽ phải chịu lãi suất bằng 1,5 lần lãi suất ngân hàng bên B đang đặt quan hệ tài khoản.

Điều V: Trách nhiệm của mỗi bên

1.Trách nhiệm bên B

- Giao hàng đúng số lượng đảm bảo thời gian, địa điểm, chất lượng, chủng loại quy cách theo đơn đặt hàng của bên A.

- Cung cấp xác lập giấy tờ pháp lý như hóa đơn thuế GTGT, Biên bản giao nhận cho bên A và hỗ trợ cùng bên A thực hiện hợp đồng.

2.Trách nhiệm của bên A

- Chuẩn bị phương tiện nhận hàng theo tiến độ giao nhận của công ty.

- Thanh toán đủ tiền hàng cho bên B như đã thỏa thuận tại điều IV của hợp đồng.

Điều VI: Điều khoản chung

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản trong hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hai bên thông báo cho nhau bằng văn bản và cùng gặp nhau bàn bạc giải quyết. Nếu không giải quyết được thì sẽ đề nghị ra tòa án kinh tế Hải Phòng để giải quyết, mọi chi phí phát sinh bên có lỗi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

- Hợp đồng được lập thành 02 bản mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Biểu 2.13: Đơn đặt hàng ngày 4 tháng 8 năm 2012

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐƠN ĐẶT HÀNG

Hải Phòng, ngày 04 tháng 08 năm 2012

- Căn cứ vào hợp đồng kinh tế ngày 01 tháng 08 năm 2012 giữa cty CP VLXD VT Đại Cát Lộc và cty CP TM Kiến Phát.

- Căn cứ vào nhu cầu sử dụng Vật liệu của Công ty CP VLXD VT Đại Cát Lộc trong thời gian tới

Bên A (Bên mua): CÔNG TY CP VLXD VT ĐẠI CÁT LỘC

Địa chỉ :Tổ 55 khu Phú Xá – Đông Hải – Hải An – Hải Phòng.

Mã số thuế :02000772719

Điện thoại :0313.741.327 Fax :0313.741.327

Tài khoản :10064146 tại NH GPBank – Hải Phòng

Đại diện :Ông Trịnh Văn Hà Chức vụ: Giám Đốc

Bên B(Bên bán): CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI KIẾN PHÁT

Địa chỉ :Đông Hải I – Hải An – Hải Phòng

Mã số thuế :0200472546

Điện thoại :0313.741.417 Fax :0313.741.417

Tài khoản :10048406 tại NHTMCP Dầu Khí Toàn Cầu – Hải Phòng

Đại diện :Ông Dương Ngọc Bích Chức vụ :Giám đốc

Bên A gửi đến bên B đơn đặt hàng với số lượng như sau:

DVT: VND

STT	TÊN HÀNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Cát Vĩnh Phú	M3	110	150.000	16.500.000
	Tổng				16.500.000

Bằng chữ: Mười sáu triệu, năm trăm nghìn đồng.

Đơn đặt hàng được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

BÊN MUA

BÊN BÁN

Biểu 2.14 : Biên bản giao nhận khối lượng ngày 15 tháng 8 năm 2012

**CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI
KIẾN PHÁT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO NHẬN KHỐI LƯỢNG

Hôm nay, ngày 15 tháng 08 năm 2012 tại văn phòng Cty CP VLXD VT Đại Cát Lộc chúng tôi gồm có:

Bên giao hàng: CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI KIẾN PHÁT

Đại diện: Ông Dương Ngọc Bích Chức vụ: Giám đốc

Bên nhận hàng: CÔNG TY CP VLXD VT ĐẠI CÁT LỘC

Đại diện: Ông Lê Hữu Phương Chức vụ: P.Giám đốc

Cùng nhau xác nhận khối lượng vật tư, hàng hóa mà Cty Kiến Phát đã cấp cho Cty Đại Cát Lộc đến 15 tháng 8 năm 2012 . Cụ thể như sau:

Tên hàng	ĐVT	Số lượng
Cát Vĩnh Phú	M ³	110

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO HÀNG

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN HÀNG

Biểu 2.15: HĐ GTGT ngày 15 tháng 8 năm 2012

Mẫu số: 01GTKT3/001

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: AA/11P

Liên 2: Giao người mua

Số: 0000146

Ngày 15 tháng 08 năm 2012

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI KIẾN PHÁT

Mã số thuế: 0200472546

Địa chỉ: Đông Hải I – Hải An – Hải Phòng

Điện thoại : 0313.741.417

Số tài khoản: 10048406 tại NHTMCP Dầu Khí Toàn Cầu – Hải Phòng

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Vận tải Đại Cát Lộc

Mã số thuế: 0200772719

Địa chỉ: Tổ 55- Khu Phú Xá - Đông Hải - Hải An - Hải phòng

Hình thức thanh toán: TM

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Cát VP	M ³	110	150.000	16.500.000
Cộng tiền hàng					16.500.000
Thuế suất GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT			1.650.000
Tổng cộng tiền thanh toán					18.150.000

Số tiền viết bằng chữ: Mười tám triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng/

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.16: Phiếu nhập kho ngày 15 tháng 8 năm 2012

Công ty CP VLXD VT Đại Cát Lộc

Tổ 55 Khu Phú Xá- Hải An - HP

Mẫu số : 01 – VT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

Phiếu nhập kho

Ngày 15 tháng 08 năm 2012

Số: PN02/08

Nợ: 156

Có: 111

Họ tên người bán : Cty Kiến Phát

Nhập tại kho : Cty

STT	Tên hàng	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
1	Cát VP		m3		110	150.000	16.500.000
	Cộng						16.500.000

Người nhập

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Công ty thanh toán bằng tiền mặt, kế toán viết phiếu chi và chi tiền:

Biểu 2.17: Phiếu chi ngày 15 tháng 8 năm 2012

Cty CP VLXD VT Đại Cát Lộc

Mẫu số : 02 – TT

Tổ 55 Khu Phú Xá- Hải An - HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Số : PC06/08

Ngày 15 tháng 08 năm 2012

- Họ và tên: Trịnh Thị Hồng Duyên
- Địa chỉ : Cty Kiến Phát
- Lý do : Trả tiền nhập cát VP
- Số tiền : VND 18.150.000
- Bằng chữ : Mười tám triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng./
- Kèm theo : 01 HĐ 0000146

Ngày 15 tháng 08 năm 2012

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập	Thủ quỹ	Người nhận
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Từ phiếu nhập kho PN02/08 ngày 15/08, thủ kho ghi số lượng vào thẻ kho cho Cát Vĩnh Phú:

Biểu 2.18: Thẻ kho của cát VP

Công ty CP VLXD VT Đại Cát Lộc

Tổ 55 Khu Phú Xá- Hải An - HP

Mẫu số S12-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

THẺ KHO

Tháng 8 năm 2012

- Tên vật tư, hàng hóa: Cát Vĩnh Phú
- Đơn vị tính : m³

Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng			Xác nhận của KT
	Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
B	C	D	E	F	1	2	3	G
			Tồn đầu kỳ				1.378	
....							
15/8	PN 02/08		Nhập kho	11/8	110		1.162	
....			...					
23/8		PX 20/08	Xuất kho	23/8		143	919	
...			...					
			Cộng PS		1.157	1.770		
			Tồn cuối kỳ				765	

Ngày 31 tháng 8 năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Từ phiếu nhập kho PN02/08 ngày 15/8, kế toán ghi vào sổ chi tiết hàng hóa cát Vĩnh Phú (**Biểu 2.19**)

Từ sổ chi tiết hàng hóa ở **Biểu 2.19** kế toán vào Bảng tổng hợp hàng hóa tồn kho (**Biểu 2.11**).

Biểu 2.19: Sổ chi tiết cát Vĩnh Phú

Công ty CP VLXD VT Đại Cát Lộc

Tổ 55 Khu Phú Xá- Hải An - HP

Mẫu số S10-DN(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)**SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)**

Tháng 8 năm 2012

Tài khoản: 156 Kho: Cát

Tên hàng hóa: Cát Vĩnh Phú

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
		Dư đầu kỳ							1.378	240.705.179	
...											
PN 02/08	15/08	Nhập kho	111	150.000	110	16.500.000			1.162	180.974.904	
...										
PX20/08	23/08	Xuất kho	632	155.744			143	22.271.392	919	142.506.058	
...											
		Cộng PS	x	x	1.157	205.625.000	1.770	318.377.520	x	x	
		Dư cuối kỳ			x	x	x	x	765	127.952.659	

Ngày 31 tháng 8 năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ngày 20 tháng 8 năm 2012, công ty gửi bảng báo giá một số loại vật liệu xây dựng tới công ty TNHH MTV Xây dựng và Dịch vụ Ngô Quyền. Căn cứ hợp đồng kinh tế số 2008-HĐKT/2012 đã kí ngày 20 tháng 8 năm 2012 và biên bản giao nhận khối lượng ngày 23 tháng 8 năm 2012 được đại diện 2 bên kí, Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc xuất hóa đơn GTGT số 0000153 cho công Ngô Quyền.

Biểu 2.20: Bảng báo giá công ty Ngô Quyền

CÔNG TY CP VLXD VT ĐẠI CÁT LỘC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Đông Hải - Hải An - Hải Phòng Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Công ty TNHH MTV Xây dựng và Dịch vụ Ngô Quyền

Địa chỉ: 212 Lê Lợi - Ngô Quyền - Hải Phòng

Công ty chúng tôi xin chân trọng gửi tới quý khách hàng bảng báo giá một số loại vật liệu xây dựng như sau:

TT	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá chưa VAT
1	Cát xây, trát, bê tông Vĩnh Phú	m ³	1	170,000
2	Cát xây, trát Hà Bắc	m ³	1	120,000
3	Cát xây, trát Sông Hồng	m ³	1	160,000
4	Đá 1x2	m ³	1	210,000
7	Đá 2x4	m ³	1	200,000
8	Đá 4x6	m ³	1	190,000
9	Gạch A Hải Dương	Viên	1	1,300
10	Gạch B Hải Dương	Viên	1	1,100

Đơn giá trên đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình.

Nếu có sự thay đổi giá theo thị trường, công ty chúng tôi sẽ có văn bản thông báo.

Hải phòng, ngày 20 tháng 8 năm 2012

Người duyệt giá

Người báo giá

Biểu 2.21: Hợp đồng kinh tế số 2008-HĐKT/2012

**CÔNG TY CP VLXD VT
ĐẠI CÁT LỘC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số:2008-HĐKT/2012

- Căn cứ pháp lệnh hợp đồng kinh tế ngày 25/9/1998 của Chủ tịch hội đồng Nhà nước CHXHCN Việt Nam.

- Căn cứ Nghị định 17/HĐKT ngày 16/12/1990 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết về pháp lệnh hợp đồng kinh tế.

- Căn cứ vào điều kiện, nhu cầu và khả năng của mỗi bên.

Hôm nay, ngày 20 tháng 08 năm 2012, tại văn phòng công ty CP VLXD VT Đại Cát Lộc hai bên gồm có:

Bên A (Bên mua): CÔNG TY TNHH MTV XD & DV NGÔ QUYỀN

Địa chỉ : 212 Lê Lợi - Ngô Quyền - Hải Phòng

Mã số thuế : 0200247759

Điện thoại : 031.2686688

Tài khoản : 102010001171983 tại NH Viettinbank Ngô Quyền - HP

Đại diện : Bà Nguyễn Thị Thanh Vân Chức vụ :Giám đốc

Bên B(Bên bán): CÔNG TY CP VLXD VT ĐẠI CÁT LỘC

Địa chỉ :Tổ 55 khu Phú Xá – Đông Hải – Hải An – Hải Phòng.

Mã số thuế :02000772719

Điện thoại :0313.741.327

Tài khoản :400400.192.688.000.20 tại Oceanbank – Hải Phòng

Đại diện :Ông Lương Thành Quân Chức vụ: P.Giám Đốc

Sau khi bàn bạc, thống nhất hai bên đồng ý ký kết hợp đồng kinh tế như sau:

Điều I: Nội dung hợp đồng

Bên B đồng ý bán hàng hóa vật liệu xây dựng cho bên A theo đơn đặt hàng với đơn giá được 2 bên thống nhất tại bảng báo giá kèm theo.

Điều II: Quy cách chất lượng hàng hóa.

- Hàng hóa mà bên B cung cấp cho bên A phải đúng với yêu cầu của bên A về chất lượng, chủng loại hàng.

- Bên B chịu trách nhiệm về xuất xứ hàng hóa, nguồn gốc hàng hóa và phải có chứng từ giao nhận hàng thể hiện rõ số lượng và chất lượng hàng hoá.

Điều III: Địa điểm và phương thức giao nhận

- Địa điểm giao nhận: Tại chân công trình - khu công nghiệp Đình Vũ – Hải Phòng.

- Phương thức giao nhận: Khi hàng của bên B được vận chuyển đến công trình của bên A, bên A kiểm tra số lượng, chất lượng hàng ngay trên phương tiện trước khi nhận hàng.

Điều IV: Phương thức thanh toán

- Khối lượng, giá trị hàng của tháng nào sẽ được hai bên gặp nhau để đối chiếu và chốt công nợ vào ngày cuối của tháng ấy.

- Sau khi đối chiếu công nợ, Bên A sẽ thanh toán dứt điểm số nợ đó cho bên B trong vòng 05 ngày của tháng sau.

Điều V: Trách nhiệm của mỗi bên

1. Trách nhiệm bên B

- Giao hàng đúng số lượng đảm bảo thời gian, địa điểm, chất lượng, chủng loại quy cách theo đơn đặt hàng của bên A.

- Cung cấp xác lập giấy tờ pháp lý như hóa đơn thuế GTGT, Biên bản giao nhận cho bên A và hỗ trợ cùng bên A thực hiện hợp đồng.

2.Trách nhiệm của bên A

- Chuẩn bị mặt bằng nhận hàng theo tiến độ của đơn đặt hàng.
- Cuối tháng cùng bên B đối chiếu, xác nhận công nợ.
- Thanh toán đủ tiền hàng cho bên B như thỏa thuận tại điều IV của hợp đồng.

Điều VI: Điều khoản chung

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản trong hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hai bên thông báo cho nhau bằng văn bản và cùng gặp nhau bàn bạc giải quyết. Nếu không giải quyết được thì sẽ đề nghị ra tòa án kinh tế Hải Phòng để giải quyết, mọi chi phí phát sinh bên có lỗi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

- Hợp đồng được lập thành 04 bản mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Biểu 2.22: Biên bản giao nhận khối lượng ngày 23 tháng 8 năm 2012

**CÔNG TY CP VLXD VT
ĐẠI CÁT LỘC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO NHẬN KHỐI LƯỢNG

Hôm nay, ngày 23 tháng 08 năm 2012 tại văn phòng Cty CP VLXD VT
Đại Cát Lộc chúng tôi gồm có:

Bên giao hàng: CÔNG TY CP VLXD VT ĐẠI CÁT LỘC

Đại diện: Ông Lương Thành Quân Chức vụ: P.Giám đốc

Bên nhận hàng: CÔNG TY TNHH MTV XD & DV NGÔ QUYỀN

Đại diện: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân Chức vụ: Giám đốc

Cùng nhau xác nhận khối lượng mà công ty Đại Cát Lộc đã cấp cho Cty
Ngô Quyền đến 23 tháng 8 năm 2012. Cụ thể như sau:

Tên hàng	ĐVT	Số lượng
Cát Vĩnh Phú	M ³	143

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO HÀNG

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN HÀNG

Biểu 2.23: Hóa đơn bán hàng ngày 23 tháng 8 năm 2012**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01GTKT3/001

Liên 3: Nội bộ

Ký hiệu: AA/11P

Ngày 23 tháng 08 năm 2012

Số: 0000153

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Vận tải Đại Cát Lộc

Mã số thuế: 0200772719

Địa chỉ: Tổ 55- Khu Phú Xá- Đông Hải- Hải An- Hải Phòng

Điện thoại : 0313.741.327

Số tài khoản : 10064146 tại NH GP Bank - CN Hải Phòng

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH MTV Xây dựng và Dịch vụ Ngô Quyền

Mã số thuế: 0200247759

Địa chỉ: 212 Lê Lợi - Ngô Quyền - Hải Phòng

Hình thức thanh toán:

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Cát VP	m ³	143	170.000	24.310.000
Cộng tiền hàng					24.310.000
Thuế suất GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT			2.431.000
Tổng cộng tiền thanh toán					26.741.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi sáu triệu, bảy trăm bốn mươi một nghìn đồng/					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.24: Biên bản đối chiếu công nợ công ty Ngô Quyền**CÔNG TY CP VLXD VT
ĐẠI CÁT LỘC****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****BIÊN BẢN ĐỐI CHIẾU CÔNG NỢ*****Tháng 8 năm 2012***

- Căn cứ HĐKT V/v mua bán hàng hóa được ký ngày 20 tháng 08 năm 2012 giữa cty TNHH MTV XD & DV Ngô Quyền và cty CP VLXD VT Đại Cát Lộc.

- Căn cứ biên bản giao nhận được hai bên ký xác nhận

Hôm nay, ngày 23 tháng 8 năm 2012 tại văn phòng công ty CP VLXD VT Đại Cát Lộc hai bên gồm có:

Bên A (Bên mua): CÔNG TY TNHH MTV XD & DV NGÔ QUYỀN

Địa chỉ :Số 185 Phủ Thượng Đoạn - Đông Hải I – Hải An – Hải Phòng

Mã số thuế :0201122960

Điện thoại :031.2686688 Fax :031.3769766

Tài khoản :102010001171983 tại NH Viettinbank Ngô Quyền - HP

Đại diện : Bà Nguyễn Thị Thanh Vân Chức vụ :Giám đốc

Bên B (Bên bán): CÔNG TY CP VLXD VT ĐẠI CÁT LỘC

Địa chỉ :Tổ 55 khu Phú Xá – Đông Hải – Hải An – Hải Phòng.

Mã số thuế :0200772719

Điện thoại :0313.741.327 Fax :0313.741.327

Tài khoản :10064146 tại NH GPBank – Hải Phòng

Đại diện :Ông Lương Thành Quân Chức vụ: P.Giám Đốc

Cùng nhau đối chiếu công nợ giữa hai bên với nội dung cụ thể như sau:

I.Nợ cũ chuyển sang: 73.233.000 đ**II.Khối lượng vật tư phát sinh trong kỳ**

STT	Vật tư	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cát Vĩnh Phú	M ³	143	170.000	24.310.000
Cộng tiền hàng					24.310.000
Thuế GTGT 10%					2.413.000
Tổng Cộng					26.741.000

(Hai mươi sáu triệu bảy trăm bốn mươi một nghìn đồng./)

III.Số tiền bên mua đã thanh toán 0 đ**IV.Số tiền bên mua còn dư đến hết T8/2012 99.974.000 đ**

(Chín mươi chín triệu chín trăm bảy mươi tư nghìn đồng./)

ĐẠI DIỆN BÊN A**ĐẠI DIỆN BÊN B**

Từ hóa đơn bán hàng ngày 23 tháng 8 năm 2012 kế toán lập phiếu xuất kho

Biểu 2.25: Phiếu xuất kho ngày 23 tháng 8 năm 2012

- Từ phiếu xuất kho số PX20/08 ngày 23/08, Thủ kho ghi số lượng vào thẻ kho của cát Vĩnh Phú (**Biểu 2.18**)

- Từ phiếu xuất kho số PX20/08 ngày 23/08, kế toán lập sổ chi tiết hàng hóa cho cát Vĩnh Phú (**Biểu 2.19**)

Công ty CP VLXD VT Đại Cát Lộc

Mẫu số : 02 – VT

Tổ 55 Khu Phú Xá- Hải An - HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

Phiếu xuất kho

Ngày 23 tháng 08 năm 2012

Số: PX20/08

Nợ: 632

Có: 156

Họ tên người nhận : Cty Ngô Quyền

Lý do xuất kho : Xuất bán

Nhập tại kho : Cty

STT	Tên hàng	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
1	Cát VP		m3		143	155.744	22.271.392
	Cộng						22.271.392

Người nhập
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

- Từ sổ chi tiết hàng hóa cát VP (**Biểu 2.19**), kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết hàng hóa theo mẫu (**Biểu 2.11**)

Ngày 20 tháng 8 năm 2012, công ty gửi bảng báo giá một số loại vật liệu xây dựng tới công ty CP TM Hạ Tầng. Căn cứ hợp đồng kinh tế số **1007-HDKT/2012** đã kí ngày 10 tháng 07 năm 2012 và biên bản giao nhận khối lượng ngày 28 tháng 8 năm 2012 được đại diện 2 bên kí, Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc xuất hóa đơn GTGT số 0000157 cho công CP TM & XD Hạ Tầng

Biểu 2.26: Bảng báo giá công ty Hạ Tầng

CÔNG TY CP VLXD VT ĐẠI CÁT LỘC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Đông Hải - Hải An - Hải Phòng Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Công ty CP TM & XD Hạ Tầng

Địa chỉ: Số 72 Hàng Kênh - Trại Cau - Lê Chân - Hải Phòng

Công ty chúng tôi xin chân trọng gửi tới quý khách hàng bảng báo giá một số loại vật liệu xây dựng như sau:

TT	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá chưa VAT
1	Cát xây, trát, bê tông Vĩnh Phú	m ³	1	220.000
2	Cát xây, trát Hà Bắc	m ³	1	120.000
3	Cát xây, trát Sông Hồng	m ³	1	160.000
4	Đá 1x2	m ³	1	210.000
7	Đá 2x4	m ³	1	200.000
8	Đá 4x6	m ³	1	190.000
9	Gạch A Hải Dương	Viên	1	1.300
10	Cát đen	m ³	1	135.000

Đơn giá trên đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình.

Nếu có sự thay đổi giá theo thị trường, công ty chúng tôi sẽ có văn bản thông báo.

Hải phòng, ngày 20 tháng 8 năm 2012

Người duyệt giá

Người báo giá

Biểu 2.27: Hợp đồng kinh tế số 1007 - HĐKT/2012

**CÔNG TY CP VLXD VT
ĐẠI CÁT LỘC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số:1007-HĐKT/2012

- Căn cứ pháp lệnh hợp đồng kinh tế ngày 25/9/1998 của Chủ tịch hội đồng Nhà nước CHXHCN Việt Nam.

- Căn cứ Nghị định 17/HĐKT ngày 16/12/1990 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết về pháp lệnh hợp đồng kinh tế.

- Căn cứ vào điều kiện, nhu cầu và khả năng của mỗi bên.

Hôm nay, ngày 10 tháng 07 năm 2012, tại văn phòng công ty CP VLXD VT Đại Cát Lộc hai bên gồm có:

Bên A (Bên mua): CÔNG TY CP TM &XD HẠ TẦNG

Địa chỉ : Số 72 Hàng Kênh - Trại Cau - Lê Chân - Hải Phòng

Mã số thuế : 0201111990

Điện thoại : 031 3829430

Tài khoản : 1001088101 tại SHB - Hải Phòng

Đại diện : Ông Nguyễn Thành Lê Chức vụ : Giám đốc

Bên B (Bên bán): CÔNG TY CP VLXD VT ĐẠI CÁT LỘC

Địa chỉ : Tổ 55 khu Phú Xá – Đông Hải – Hải An – Hải Phòng.

Mã số thuế : 02000772719

Điện thoại : 0313.741.327

Tài khoản : 400400.192.688.000.20 tại Oceanbank – Hải Phòng

Đại diện : Ông Lương Thành Quân Chức vụ: P.Giám Đốc

Sau khi bàn bạc, thống nhất hai bên đồng ý ký kết hợp đồng kinh tế như sau:

Điều I: Nội dung hợp đồng

Bên B đồng ý bán hàng hóa vật liệu xây dựng cho bên A theo đơn đặt hàng với đơn giá được 2 bên thống nhất tại bảng báo giá kèm theo.

Điều II: Quy cách chất lượng hàng hóa.

- Hàng hóa mà bên B cung cấp cho bên A phải đúng với yêu cầu của bên A về chất lượng, chủng loại hàng.

- Bên B chịu trách nhiệm về xuất xứ hàng hóa, nguồn gốc hàng hóa và phải có chứng từ giao nhận hàng thể hiện rõ số lượng và chất lượng hàng hoá.

Điều III: Địa điểm và phương thức giao nhận

- Địa điểm giao nhận: Tại chân công trình - khu công nghiệp Đình Vũ - HP.

- Phương thức giao nhận: Khi hàng của bên B được vận chuyển đến công trình của bên A, bên A kiểm tra số lượng, chất lượng hàng ngay trên phương tiện trước khi nhận hàng.

Điều IV: Phương thức thanh toán

- Khối lượng, giá trị hàng của tháng nào sẽ được hai bên gặp nhau để đối chiếu và chốt công nợ vào ngày cuối của tháng ấy.

- Sau khi đối chiếu công nợ, Bên A sẽ thanh toán dứt điểm số nợ đó cho bên B trong vòng 05 ngày của tháng sau.

Điều V: Trách nhiệm của mỗi bên

1. Trách nhiệm bên B

- Giao hàng đúng số lượng đảm bảo thời gian, địa điểm, chất lượng, chủng loại quy cách theo đơn đặt hàng của bên A.

- Cung cấp xác lập giấy tờ pháp lý như hóa đơn thuế GTGT, Biên bản giao nhận cho bên A và hỗ trợ cùng bên A thực hiện hợp đồng.

2. Trách nhiệm của bên A

- Chuẩn bị mặt bằng nhận hàng theo tiến độ của đơn đặt hàng.

- Cuối tháng cùng bên B đối chiếu, xác nhận công nợ.

- Thanh toán tiền hàng cho bên B như thỏa thuận tại điều IV của hợp đồng.

Điều VI: Điều khoản chung

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản trong hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hai bên thông báo cho nhau bằng văn bản và cùng gặp nhau bàn bạc giải quyết. Nếu không giải quyết được

thì sẽ đề nghị ra tòa án kinh tế Hải Phòng để giải quyết, mọi chi phí phát sinh bên có lỗi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

- Hợp đồng được lập thành 04 bản mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Biểu 2.28: Biên bản giao nhận khối lượng ngày 28 tháng 8 năm 2012

**CÔNG TY CP VLXD VT
ĐẠI CÁT LỘC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN GIAO NHẬN KHỐI LƯỢNG

Hôm nay, ngày 28 tháng 08 năm 2012 tại văn phòng Cty CP VLXD VT Đại Cát Lộc chúng tôi gồm có:

Bên giao hàng: CÔNG TY CP VLXD VT ĐẠI CÁT LỘC

Đại diện: Ông Lê Hữu Phương

Chức vụ: P.Giám đốc

Bên nhận hàng: CÔNG TY CP TM &XD HẠ TẦNG

Đại diện: Ông Nguyễn Thành Lê

Chức vụ :Giám đốc

Cùng nhau xác nhận khối lượng mà công ty Đại Cát Lộc đã cấp cho Cty Hạ Tầng đến 28 tháng 8 năm 2012. Cụ thể như sau:

Tên hàng	DVT	Số lượng
Cát đen	M ³	84

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO HÀNG

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN HÀNG

Biểu 2.29: Hóa đơn bán hàng ngày 28 tháng 8 năm 2012**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01GTKT3/001

Liên 3: Nội bộ

Ký hiệu: AA/11P

Ngày 28 tháng 08 năm 2012

Số: 0000157

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Vận tải Đại Cát Lộc

Mã số thuế: 0200772719

Địa chỉ: Tổ 55- Khu Phú Xá- Đông Hải- Hải An- Hải phòng

Điện thoại : 0313.741.327

Số tài khoản : 10064146 tại NH GP Bank - CN Hải Phòng

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty cổ phần thương mại và xây dựng Hạ Tầng

Mã số thuế: 0201111990

Địa chỉ: Số 72 Hàng Kênh - Trại Cau - Lê Chân - Hải Phòng

Hình thức thanh toán: TM Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Cát đen	m ³	84	135.000	11.340.000
Cộng tiền hàng					11.340.000
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT					1.134.000
Tổng cộng tiền thanh toán					12.474.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười hai triệu, bốn trăm bảy mươi tư nghìn đồng/					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Từ hóa đơn bán hàng ngày 28 tháng 8 năm 2012 kế toán lập phiếu xuất kho

Biểu 2.30: Phiếu xuất kho ngày 28 tháng 8 năm 2012

Công ty CP VLXD VT Đại Cát Lộc

Tổ 55 Khu Phú Xá- Hải An - HP

Mẫu số : 02 – VT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

Phiếu xuất kho

Ngày 28 tháng 08 năm 2012

Số: PX25/08

Nợ: 632

Có: 156

Họ tên người nhận : Cty Hạ Tầng

Lý do xuất kho : Xuất bán

Nhập tại kho : Cty

STT	Tên hàng	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
1	Cát đen		m3		84	124.150	10.428.600
	Cộng						10.428.600

Người nhập

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

- Từ phiếu xuất kho số PX25/08 ngày 28/08, Thủ kho ghi số lượng vào thẻ kho của cát đen (**Biểu 2.7**)
- Từ phiếu xuất kho số PX25/08 ngày 28/08, kế toán lập sổ chi tiết hàng hóa cho cát đen (**Biểu 2.9**)
- Từ sổ chi tiết hàng hóa cát đen (**Biểu 2.9**), kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết hàng hóa theo mẫu (**Biểu 2.11**)

2.2.2. Kế toán tổng hợp hàng tồn kho tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thương xuyên đó là phương pháp theo dõi ghi chép và phản ánh thường xuyên liên tục, có hệ thống tình hình tăng giảm hàng hóa sổ sách sau mỗi lần phát sinh nghiệp vụ nhập, xuất.

Từ các chứng từ gốc là hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho và phiếu xuất kho, kế toán tiến hành ghi vào nhật ký chung.

Biểu 2.31: Sổ nhật ký chung (trích tháng 8/2012)

Công ty CP VLXD VT Đại Cát Lộc
Tổ 55 Khu Phú Xá- Hải An - HP

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2012

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
...			...					
10/8	BTTL T7 PC07/08	10/8	Thanh toán lương T7			334 111	68.365.500	68.365.500
11/8	HĐ 0000177 PC12/12	11/8	Mua dầu diesel (HTX Thành Công)			152 133 111	8.124.227 790.573	8.914.800
11/8	HĐ 0000162 PN01/08	11/8	Nhập đất đỏ, cát đen cty Ngọc Thành			156 133 331	96.165.000 9.616.500	105.781.500
12/8	PC10/8	12/8	Nộp TM vào TK			112 111	600.000.000	600.000.000
...							
15/8	HĐ 0485201 PC11/12	15/8	Trả tiền cước di động			642 133 111	3.470.100 347.010	3.817.110
15/8	HĐ 0000146 PN02/08	15/8	Nhập cát VP cty Kiến Phát			156 133 111	16.500.000 1.650.000	18.150.000
...							
23/8	HĐ 0000153 PX20/08	23/8	Bán cát VP cho cty Ngô Quyền			632 156 331 511 3331	22.271.392 26.741.000	22.271.392 24.310.000 2.431.000
...			...					
28/8	HĐ 0000157 PX25/08	28/8	Bán cát đen Cty Hạ Tầng			632 156 111 511 3331	10.428.600 12.474.000	10.428.600 11.340.000 1.134.000
28/8	BN 1302	28/8	Trả gốc NH GP Bank			311 112	47.200.000	47.200.000
...							
			Cộng PS	x	x	x	49.757.453.908	49.757.453.908

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Từ nhật ký chung kế toán vào sổ cái tài khoản hàng hoá

Biểu 2.32: Sổ cái hàng hóa (TK 156)

Công ty CP VLXD VT Đại Cát Lộc
Tổ 55 Khu Phú Xá- Hải An - HP

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2012

Tên tài khoản: Hàng Hóa

Số hiệu: 156

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TK Đ/ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu năm				964.721.128	
...							
10/8	PX 10/08	10/8	Bán đá cty đô thị HP			632		7.123.025
11/8	PN 01/08	11/8	Nhập đất đỏ, cát đen cty Ngọc Thành			331	96.165.000	
15/8	PN 02/08	15/8	Nhập cát VP cty Kiến Phát			111	16.500.000	
...							
23/8	PX 20/08	23/8	Bán cát VP cty Ngô Quyền			632		22.271.392
....							
28/8	PX 28/08	28/8	Bán cát đen cty Hạ tầng			632		10.428.600
28/8	PX 29/08	28/8	Bán gạch cho cty Systech			632		3.273.927
...							
			Cộng PS				2.720.595.910	2.981.424.044
			Số dư cuối năm				703.892.994	

Ngày mở sổ: 01/01/2012

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu 2.33: Sổ cái tài khoản giá vốn hàng bán (TK 632)

Công ty CP VLXD VT Đại Cát Lộc

Tổ 55 Khu Phú Xá- Hải An - HP

Mẫu số S03b-DN(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CÁI****Năm: 2012**

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu năm					
...							
1/8	PX 01/08	1/8	Xuất xi măng cty tôn VP			156	1.204.625	
2/8	PX 02/08	2/8	Xuất cát VP, đá Cty Anh Tài			156	95.667.705	
5/8	PX 03/08	5/8	Xuất gạch Cty PTĐT HP			156	2.451.819	
....								
23/8	PX 20/08	23/8	Bán cát VP cty Ngô Quyền			156	22.271.392	
....							
28/8	PX 28/08	28/8	Bán cát đen cty Hạ tầng			156	10.428.600	
....							
			Cộng phát sinh				4.104.755.954	4.104.755.954
			Số dư cuối năm					

- Ngày mở sổ: 01/01/2012

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu 2.34: Sổ cái tài khoản phải trả người bán (TK 331)

Công ty CP VLXD VT Đại Cát Lộc

Tổ 55 Khu Phú Xá- Hải An - HP

Mẫu số S03b-DN(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CÁI****Năm 2012**

Tên tài khoản: Phải trả người bán

Số hiệu: 331

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu năm					2.640.868.724
....							
10/7	HĐ 0000139	10/7	Nhập đá Cty Kiến Phát			156 133		14.850.000 1.485.000
.....							
11/8	HĐ 0000162	11/8	Nhập đất đỏ, cát đen Cty Ngọc Thành			156 133		96.165.000 9.616.500
15/8	HĐ 0000146	15/8	Nhập cát VP Cty Kiến Phát			156 133		16.500.000 1.650.000
....							
21/10	HĐ 0000368	21/10	Mua đất đỏ, đá (Cty Ngọc Thành)			156 133		266.135.000 26.613.500
....							
			Cộng phát sinh				6.545.607.454	5.008.273.425
			Số dư cuối năm					1.103.011.046

- Ngày mở sổ: 01/01/2012

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu 2.35: Sổ chi tiết thanh toán công ty Ngọc Thành

Công ty CP VLXD VT Đại Cát Lộc

Tổ 55 Khu Phú Xá- Hải An - HP

Mẫu số S10-DN(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN****Tài khoản: 331****Đối tượng: Cty Ngọc Thành****Loại tiền: VND**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ					232.389.500
			Số phát sinh					
....							
11/8	HĐ 0000162	11/8	Nhập đất đỏ, cát đen	156 133		96.165.000 9.616.500		220.248.000 229.864.500
....							
1/10	HĐ 0000170	1/10	Nhập đá	156 133		14.850.000 1.485.000		334.082.000 335.567.000
...							
21/10	HĐ 0000175	21/10	Nhập đất đỏ, đá	156 133		266.135.000 26.613.500		360.835.000 387.448.500
.....							
1/11	PC01/11	1/11	Trả tiền hàng	111	16.335.000			287.768.570
....							
			Cộng phát sinh	x	1.980.000.000	1.213.300.000	x	x
			Số dư cuối kỳ	x	x	x		235.089.500

- Ngày mở sổ: 01/01/2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 2.36: Bảng tổng hợp chi tiết thanh toán với người bán tháng 8/2012**Mẫu số S10-DN**

Công ty CP VLXD VT Đại Cát Lộc

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Tổ 55 Khu Phú Xá- Hải An - HP

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN*Tháng 8 năm 2012*

Tài khoản: 331- Phải trả người bán

Tên nhà cung ứng	Số đầu tháng		Số phát sinh		Số dư cuối tháng	
	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
HTX Bạch Đằng		959.789	-	-		959.789
Cty CP TM Kiến Phát		-	-	235.089.500		235.089.500
Cty TNHH TM VT & XD Ngọc Thành		100.000.000	222.717.693	213.300.000		90.582.361
Cty Hòa Phát		61.369.500	61.407.500	38.000		-
Cty Thăng Lợi Đông Triều		36.360.000	137.490.000	101.130.000		-
Cty TNHH MTV VINACOMIN		9.993.331	25.884.041	15.890.710		-
Cty TNHH Cung ứng VLXD Trường Phú			60.000.000	60.000.000		-
Cty TNHH TM & DV Lâm Anh Phương			-	71.136.000		71.136.000
Cộng	-	208.682.620	507.499.234	696.584.210	-	397.767.650

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Từ sổ cái tài khoản 156 kê toán lập bảng cân đối số phát sinh

Biểu 2.37: Bảng cân đối số phát sinh

BẢNG CÂN ĐỐI SỐ PHÁT SINH

NĂM 2012

TK	TÊN TÀI KHOẢN	SỐ DƯ ĐẦU KỲ		PHÁT SINH TRONG KỲ		SỐ DƯ CUỐI KỲ	
		NỢ	CÓ	NỢ	CÓ	NỢ	CÓ
111	Tiền mặt VND	2.472.998.980	-	5.289.638.610	7.203.845.012	558.792.578	-
112	Tiền gửi ngân hàng VND	118.869.229	-	9.469.225.366	9.584.951.007	3.143.588	-
131	Phải thu khách hàng	1.590.403.568	-	4.828.500.945	5.141.016.810	1.277.887.703	-
133	Thuế GTGT được khấu trừ HHDV	3.218.511	-	475.593.508	410.713.218	68.098.801	-
1381	Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-	-	-	-	-
1388	Phải thu khác	3.589.620	-	6.663.024	-	10.252.644	-
141	Tạm ứng nhân viên	-	-	-	-	-	-
142	Chi phí trả trước	-	-	-	-	-	-
152	Nguyên vật liệu	201.680.871	-	653.891.156	649.306.996	206.265.031	-
153	Công cụ dụng cụ	9.032.930	-	-	-	9.032.930	-
154	Chi phí SXKD dở dang	-	-	2.044.973.229	2.044.973.229	-	-
156	Hàng hoá	964.721.128		2.720.595.910	2.981.424.044	703.892.994	
2112	Nhà xưởng, vật kiến trúc	43.140.616	-	-	-	43.140.616	-
2113	Máy móc thiết bị	2.934.372.294	-	-	-	2.934.372.294	-
2114	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.159.047.619	-	-	-	1.159.047.619	-
2115	Thiết bị, dụng cụ quản lý	-	-	-	-	-	-
212	TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	-	-
214	Hao mòn TSCĐ hữu hình	-	1.058.458.182	-	491.518.182	-	1.549.976.364
242	Chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-	-	-

311	Vay ngắn hạn VND	-	398.600.000	811.700.000	1.700.000.000	-	1.286.900.000
331	Phải trả người bán	-	2.640.345.075	6,545.607.454	5.008.273.425	-	1.103.011.046
3331	Thuế GTGT đầu ra	-	-	466.309.519	466.309.519	-	-
3334	Thuế TNDN	-	-	6.663.024	6.663.024	-	-
3338	Thuế môn bài, thuế khác	-	-	2.000.000	2.000.000	-	-
334	Phải trả CBNV	-	64.784.700	754.111.500	757.692.300	-	68.365.500
338	Phải trả, phải nộp khác	-	-	-	-	-	-
341	Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
342	Nợ dài hạn	-	-	-	-	-	-
411	Nguồn vốn kinh doanh	-	6.000.000.000	-	-	-	6.000.000.000
421	Lợi nhuận chưa phân phối	488.386.785	-	-	154.248.865	334.137.920	-
511	Doanh thu bán hàng	-	-	4.671.233.472	4.671.233.472	-	-
515	Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	1.449.098	1.449.098	-	-
621	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	-	-	794.630.320	794.630.320	-	-
622	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	156.463.200	156.463.200	-	-
627	Chi phí sản xuất chung	-	-	1.093.879.709	1.093.879.709	-	-
632	Giá vốn hàng bán	-	-	4.104.755.954	4.104.755.954	-	-
635	Chi phí hoạt động tài chính	-	-	42.040.129	42.040.129	-	-
642	Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	371.637.622	371.637.622	-	-
711	Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-
811	Chi phí khác	-	-	-	-	-	-
821	Chi phí thuế TNDN	-	-	38.562.216	38.562.216	-	-
911	Xác định kết quả kinh doanh	-	-	4.672.682.570	4.672.682.570	-	-
	TỔNG CỘNG	9.670.669.775	9.670.669.775	49.757.453.908	49.757.453.908	9.548.130.550	9.548.130.550

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3:
HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO
NHẪM TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ HÀNG TỒN KHO
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VẬN TẢI
ĐẠI CÁT LỘC

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán hàng tồn kho nói riêng tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc

3.1.1. Ưu điểm

3.1.1.1. Tổ chức công tác kế toán nói chung

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, gọn nhẹ nhưng hoạt động hiệu quả, đáp ứng được khối lượng công việc tương đối nhiều.
- Đội ngũ kế toán đều là những người có trình độ, có cả người trẻ tuổi và người đã làm việc có kinh nghiệm lâu năm, nhiệt tình, nhạy bén trong việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tổng hợp thông tin kế toán
- Sổ sách kế toán: Công ty áp dụng hình thức nhật ký chung, hình thức này tương đối đơn giản, dễ hiểu.
- Hệ thống tài khoản : Công ty áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng bộ tài chính.
- Chứng từ sử dụng: Chứng từ mà công ty sử dụng để hạch toán đều đúng theo mẫu quy định, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác.
- Quá trình luân chuyển chứng từ đúng trình tự kế toán.

3.1.1.2. Tổ chức kế toán hàng tồn kho nói riêng

➤ Về tổ chức quản lý, nhập xuất hàng hóa:

- Cùng với sự phát triển của công ty, sự lớn mạnh không những thể hiện qua cơ sở vật chất kỹ thuật mà còn thể hiện ở trình độ quản lý kinh tế đó là công tác kế toán nói chung và công tác kế toán hàng tồn kho nói riêng không ngừng

được hoàn thiện và nâng cao. Kế toán hàng tồn kho tại công ty được quản lý chặt chẽ từ khâu lập kế hoạch thu mua tới khâu xuất bán hàng hóa. Công tác thu mua, nhập hàng hóa luôn đảm bảo về chất lượng và số lượng đáp ứng đầy đủ cho quá trình xuất, bán.

➤ Về tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho:

- Công ty áp dụng phương pháp thẻ song song để hạch toán chi tiết hàng tồn kho. Đây là phương pháp đơn giản nhất, dễ làm, dễ kiểm tra, dễ đối chiếu, tính toán đơn giản, phù hợp với đặc điểm hàng tồn kho tại công ty

- Công ty hạch toán tổng hợp hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp này có nhiều ưu điểm vì hàng tồn kho của công ty luôn được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, liên tục, kịp thời phù hợp với lĩnh vực sản xuất kinh doanh của công ty.

- Công ty dùng giá thực tế cho hàng hóa tồn kho và tính trị giá hàng hóa hàng hóa xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO). Phương pháp này giúp cho doanh nghiệp có thể tính được ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng, do vậy đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo cũng như cho quản lý. Trị giá vốn của hàng tồn kho sẽ tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng đó. Vì vậy chỉ tiêu hàng tồn kho trên báo cáo kế toán có ý nghĩa thực tế hơn.

- Hệ thống sổ sách và tài khoản đã dùng: Các tài khoản và sổ sách đều tuân theo quy định chung.

3.1.2. Tồn tại

3.1.2.1. Tổ chức công tác kế toán nói chung

* Phòng kế toán tổ chức chưa được chặt chẽ, công việc của các kế toán viên chưa được phân công rõ ràng, một người phải kiêm nhiều lĩnh vực khác dẫn đến khối lượng công việc khá nhiều. Nên làm giảm hiệu quả công việc, không phát huy được khả năng của từng người.

* Công ty chưa đưa phần mềm kế toán vào sử dụng nên tiến độ công việc bị chậm, dễ nhầm lẫn trong quá trình ghi chép. Điều này khiến công ty bị lạc hậu so với các công ty khác.

* Công ty chưa trích lập các khoản dự phòng phải thu kho đòi.

3.1.2.2. Tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho nói riêng

* Việc luân chuyển chứng từ giữa các phòng kinh doanh, phòng kế toán và thủ kho diễn ra không thường xuyên, đôi khi các chứng từ không được chuyển đến phòng kế toán thậm chí có khi bị bỏ sót làm cho kế toán kho khăn trong việc theo dõi kiểm tra. Mặt khác việc luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận, phòng ban này đều không có biên bản giao nhận, rất dễ xảy ra tình trạng mất mát chứng từ. Khi xảy ra mất mát chứng từ lại không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý, làm cho cán bộ công nhân viên thiếu trách nhiệm, buông lỏng việc quản lý chứng từ.

* Quy mô của doanh nghiệp vẫn chưa lớn, đội ngũ cán bộ nhân viên vẫn còn hạn chế.

* Về hạch toán hàng tồn kho: Công ty không hạch toán chi tiết riêng cho giá trị hàng mua và chi phí thu mua (1561, 1562) nên không biết được giá trị hàng mua trong kỳ và chi phí thu mua một cách cụ thể, chi tiết.

* Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Cuối năm tài chính công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nên khi giá cả thị trường biến động sẽ ảnh hưởng đến giá trị thuần của hàng tồn kho.

* Vấn đề kiểm kê hàng hóa cuối kỳ: Kiểm kê hàng hóa là khâu quan trọng nhưng công ty chưa chú trọng và quan tâm nhiều đến vấn đề này.

3.1.3. Nguyên nhân của những tồn tại trên

Có nhiều nguyên nhân dẫn tới những tồn tại trên trong tổ chức hạch toán kế toán hàng tồn kho tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc, trong đó bao gồm cả nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan. Sau đây là một số nguyên nhân chủ yếu:

➤ Nguyên nhân khách quan:

- Công ty phải chịu nhiều sự tác động từ các đối thủ cạnh tranh khiến cho việc tiêu thụ sản phẩm trên thị trường gặp ít nhiều khó khăn, nhất là trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế toàn cầu như hiện nay.

➤ Nguyên nhân chủ quan:

- Do điều kiện tài chính hạn chế, công ty chưa ưu tiên cho đầu tư đổi mới trong quản lý nói chung và hạch toán kế toán nói riêng, ví dụ như việc : mua một phần mềm kế toán ứng dụng có hiệu quả đối với công ty là khá tốn kém.

- Khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển và ứng dụng ngày càng sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống cũng như trong hạch toán kế toán, do đó doanh nghiệp cũng phải đổi mới theo để công tác kế toán của công ty nhanh chóng và chính xác nếu không sẽ bị lạc hậu.

- Công ty chưa có quy định rõ ràng về thời gian giao nhận chứng từ của các phòng ban, bộ phận cho phòng kế toán. Điều này gây cản trở lớn đến sự luân chuyển chứng từ do tư tưởng ỷ lại không chịu trách nhiệm.

- Trình độ của cán bộ công nhân viên trong công ty còn bị hạn chế.

- Người lao động chưa có trách nhiệm cao trong quá trình làm việc. Công ty chưa có chế độ thưởng phạt rõ ràng cho người lao động làm việc nghiêm túc. Trong thời gian tới công ty cần đẩy mạnh quan tâm hơn đến đời sống người lao động.

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán hàng tồn kho nhằm tăng cường quản lý hàng tồn kho tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc

- Hoàn thiện giúp cho phòng kế toán của công ty làm việc hiệu quả hơn phục vụ đắc lực cho các nhà quản lý trong công ty nhằm phát triển công ty, khai thác tốt hơn tiềm năng của mỗi người.

- Hoàn thiện giúp cho công tác kế toán hàng tồn kho nắm bắt chính xác số lượng và giá trị hàng tồn kho để kịp thời điều chỉnh phù hợp với nhu cầu thị trường để từ đó mang lại lợi nhuận lớn nhất cho công ty.

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán hàng tồn kho nhằm tăng cường quản lý hàng tồn kho tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc

- Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống sổ sách kế toán, chế độ kế toán hàng tồn kho ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng bộ tài chính, chuẩn mực hàng tồn kho (Ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BT ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính). Công ty có thể vận dụng chế độ linh hoạt, sáng tạo phù hợp với tình hình kinh doanh của công ty nhưng vẫn phải tuân thủ theo nguyên tắc chung của chế độ kế toán Việt Nam.

3.3.1. Yêu cầu hoàn thiện tổ chức kế toán hàng tồn kho nhằm tăng cường quản lý hàng tồn kho tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc

* Hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho trước hết phải đảm bảo yêu cầu cơ bản của công tác tổ chức kế toán :

- Đảm bảo tính thống nhất giữa đơn vị hạch toán với đơn vị quản lý.
- Đảm bảo tính thống nhất hệ thống kế toán trong từng đơn vị kế toán.
- Đảm bảo tính quốc tế của công tác kế toán, các văn bản pháp lý tác nghiệp kế toán, trang thiết bị kỹ thuật tính toán phải hướng tới trình độ chuẩn mực quốc tế của kế toán.

* Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt nam, các quy định ban hành của Bộ Tài chính về hệ thống các phương pháp thực hiện hạch toán kế toán, hệ thống tài khoản, chứng từ, sổ sách kế toán. Tuy nhiên, tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế được phép vận dụng và cải tiến cho phù hợp với tình hình quản lý tại

đơn vị mình không bắt buộc phải dập khuôn theo chế độ, nhưng trong khuôn khổ nhất định vẫn phải tôn trọng chế độ mới về quản lý tài chính.

3.3.2. Phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán hàng tồn kho nhằm tăng cường quản lý hàng tồn kho tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc

- Hoàn thiện công tác kế toán hướng tới việc thực hiện tốt các yêu cầu quản lý hàng tồn kho. Dự trữ một lượng hàng hóa hợp lý để đảm bảo cho quá trình kinh doanh liên tục tránh việc dự trữ quá nhiều hoặc quá ít.

- Hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho hướng đến mục tiêu thực hiện tốt hơn nhiệm vụ kế toán hàng tồn kho. Tính đầy đủ, trung thực, chính xác, kịp thời trong việc ghi chép, tính toán, kiểm tra.

- Hoàn thiện tổ chức kế toán hàng tồn kho hướng đến phục vụ việc ra quyết định của các nhà quản lý lập kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn, dài hạn đem lại lợi nhuận cho doanh nghiệp.

- Hoàn thiện nhưng phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích hoạt động của các doanh nghiệp là tối đa hóa lợi nhuận. Để đạt mục đích này, cùng với việc không ngừng tăng doanh thu, doanh nghiệp cần phải có các biện pháp hữu hiệu hạ thấp chi phí có thể. Đây là một yêu cầu tất yếu đặt ra với các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán hàng tồn kho nhằm tăng cường quản lý hàng tồn kho tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc

3.4.1. Hoàn thiện việc lập sổ danh điểm hàng hóa

Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc là một công ty chuyên kinh doanh các loại hàng hóa dùng trong xây dựng nên khối lượng hàng hóa tương đối lớn và đa dạng về chủng loại. Nhưng hiện nay công ty mới chỉ theo dõi thông qua đặc điểm và tên gọi của chúng hiện tại, theo em Công ty cổ

phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc nên xây dựng một hệ thống danh điểm hàng hóa thống nhất toàn công ty và sử dụng "Sổ danh điểm hàng hóa".

Sổ danh điểm hàng hóa là sổ danh mục tập hợp toàn bộ các loại hàng hóa mà công ty đang kinh doanh, được theo dõi cho từng loại, từng nhóm, quy cách hàng hóa một cách chặt chẽ, logic. Hệ thống các danh điểm hàng hóa có thể được xác định theo nhiều cách thức khác nhau nhưng phải đảm bảo đơn giản, dễ nhớ, không trùng lặp. Mỗi loại, mỗi nhóm hàng hóa được quy định một mã riêng sắp xếp một cách trật tự, thuận tiện cho việc tìm kiếm khi cần thiết.

Để lập sổ danh điểm hàng hóa, điều quan trọng nhất là phải xây dựng được bộ mã hàng hóa chính xác, đầy đủ, không trùng lặp, có dự trữ để bổ sung những mã vật liệu chưa có. Công ty có thể xây dựng bộ mã hàng hóa dựa vào các đặc điểm sau :

- Dựa vào hàng hóa;
- Dựa vào số nhóm hàng hóa trong mỗi loại;
- Dựa vào số thứ hàng hóa trong mỗi nhóm;
- Dựa vào số quy cách hàng hóa trong mỗi thứ.

Xây dựng sổ danh điểm hàng hóa giúp cho việc quản lý từng loại hàng hóa sẽ tránh được nhầm lẫn, thiếu sót và cũng giúp cho việc thống nhất giữa thủ kho và kế toán trong việc lập bảng kê, báo cáo nhập – xuất – tồn. Khi có sổ danh điểm, việc cập nhật số liệu vào phần mềm kế toán và việc ghi chép của thủ kho sẽ giảm nhẹ, thuận lợi hơn và tránh được nhầm lẫn. Việc quản lý hàng hóa trong công ty nói chung sẽ được chặt chẽ, thống nhất và khoa học hơn.

Biểu 3.1: Sổ danh điểm hàng hóa**SỔ DANH ĐIỂM HÀNG HÓA**

Kí hiệu		Mã số danh điểm	Danh điểm hàng hóa	ĐVT	Ghi chú
Loại	Nhóm				
156					
	1561.1		Cát		
		1561.1.1	Cát đen	M ³	
		1561.1.2	Cát Hà Bắc	M ³	
		1561.1.3	Cát Sông Hồng	M ³	
		1561.1.4	Cát Vĩnh Phú	M ³	
	1561.2		Đá		
		1561.2.1	Đá 0.5	M ³	
		1561.2.2	Đá 1x2	M ³	
		1561.2.3	Đá 2x4	M ³	
		1561.2.4	Đá 4x6	M ³	
	1561.3		Đất		
		1561.3.1	Đất đỏ	M ³	
	1561.4		Base		
		1561.4.1	Base A	M ³	
		1561.4.2	Base B	M ³	
		1561.4.3	Base phé	M ³	
	1561.5		Gạch		
		1561.5.1	Gạch A Hải Dương	Viên	
		1561.5.2	Gạch B Hải Dương	Viên	
		1561.5.3	Gạch lỗ	Viên	
	1561.6		Xi măng		
		1561.6.1	Xi măng	Bao	
			

3.4.2. Hoàn thiện việc sử dụng tài khoản cấp 2 cho TK 156

Công ty nên hạch toán chi tiết giá trị mua hàng và chi phí thu mua. Giá vốn hàng hoá mua vào thì tập hợp vào tài khoản 1561 có gắn kết với từng mã hàng hoá trong kho. Chi phí mua hàng thì tập hợp vào TK1562 nhưng không gắn kết với mã hàng hoá. Từ đây chi phí nhận hàng sẽ được kết chuyển vào giá vốn hàng bán tương ứng với lượng hàng bán ra. Số dư TK1562 là giá trị chi phí nhận hàng tương ứng với hàng tồn kho

* TK 1562 – chi phí thu mua hàng hóa

Kết cấu:

Bên Nợ: Chi phí thu mua hàng hóa thực tế phát sinh liên quan đến khối lượng hàng hóa mua vào, đã nhập kho trong kỳ

Bên Có: Chi phí thu mua hàng hóa tính cho khối lượng hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ

Dư Nợ: Chi phí thu mua còn lại cuối kỳ

* Chi phí thu mua hàng hóa trong công ty bao gồm:

- Chi phí vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa, bảo quản hàng hóa từ nơi mua đến kho của doanh nghiệp

- Chi phí bảo hiểm hàng hóa

- Các chi phí khác phát sinh trong quá trình thu mua hàng hóa, công tác chi phí nhân viên thu mua, ...

Do chi phí thu mua liên quan đến toàn bộ khối lượng hàng hóa trong kỳ và lượng hàng hóa đầu kỳ, nên cần phân bổ chi phí thu mua cho lượng hàng hóa đã bán ra trong kỳ và lượng hàng hóa còn lại cuối kỳ, nhằm xác định đúng đắn giá trị hàng xuất bán, trên cơ sở đó tính toán chính xác kết quả bán hàng. Đồng thời phản ánh được giá trị vốn hàng tồn kho trên báo cáo tài chính được chính xác.

* Tiêu thức phân bổ chi phí thu mua công ty nên lựa chọn là:

- Trị giá mua của hàng hóa

- Số lượng
- Doanh số của hàng hóa

Việc lựa chọn tiêu thức phân bổ nào là tùy thuộc điều kiện cụ thể của doanh nghiệp nhưng phải đảm bảo tính nhất quán trong niên độ.

Việc phân bổ được tiến hành theo công thức sau. Giả sử công ty lấy trị giá mua làm tiêu thức phân bổ:

Chi phí thu mua liên quan đến hàng hóa cuối kỳ	=	Chi phí thu mua liên quan đến hàng hóa trong kỳ	+	Chi phí thu mua liên quan đến hàng hóa nhập kho trong kỳ	-	Chi phí thu mua liên quan đến hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ
---	---	--	---	---	---	--

Chi phí thu mua phân bổ cho hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ	=	$\frac{\text{Chi phí thu mua liên quan đến hàng hóa đầu kỳ} + \text{Chi phí thu mua phát sinh trong kỳ}}{\text{Trị giá mua hàng hóa hiện còn cuối kỳ và hàng xuất bán tiêu thụ trong kỳ}}$	x	Trị giá hàng hóa đã xác định tiêu thụ trong kỳ
--	---	--	---	---

3.4.3. Hoàn thiện về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính công ty nên trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo thông tư 34/2011/TT- BTC (sửa đổi thông tư 228/2009/TT- BTC)

* Theo Điều 2 (TT 34/2011/TT- BTC) Điểm 1: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất do giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm.

* Theo Điều 3 (TT 34/2011/TT- BTC): Nguyên tắc chung trong trích lập các khoản dự phòng.

- Điểm 1: Các khoản dự phòng nêu tại điểm 1 Điều 2 được trích trước vào chi phí hoạt động kinh doanh năm báo cáo của doanh nghiệp, giúp cho doanh nghiệp có nguồn tài chính để bù đắp tổn thất có thể xảy ra trong năm kế hoạch, nhằm bảo toàn vốn kinh doanh; đảm bảo cho doanh nghiệp phản ánh giá trị vật tư hàng hóa tồn kho, các khoản đầu tư tài chính không cao hơn giá cả trên thị trường và giá trị của các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

* Theo Điều 4 (TT 34/2011/TT- BTC): Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Điểm 1: Đối tượng lập dự phòng bao gồm nguyên vật liệu, dụng cụ dùng cho sản xuất, vật tư, hàng hóa, thành phẩm tồn kho (gồm cả hàng tồn kho bị hư hỏng, kém mất phẩm chất, lạc hậu một, lạc hậu kỹ thuật, lỗi thời, ứ đọng, chậm luân chuyển...), sản phẩm dở dang, chi phí dịch vụ dở dang (sau đây gọi tắt là hàng tồn kho) mà giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được và đảm bảo điều kiện sau:

+ Có hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của Bộ Tài chính hoặc các bằng chứng khác chứng minh giá vốn hàng tồn kho.

+ Là những vật tư hàng hóa thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

- Điểm 2: Phương pháp lập dự phòng:

Mức trích lập dự phòng tính theo công thức sau:

Mức dự phòng giảm giá vật tư, hàng hóa	=	Số lượng vật tư hàng hóa thực tế tồn kho tại thời điểm lập	x	Giá gốc hàng tồn kho theo sổ kế toán	-	Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho
---	----------	---	----------	---	----------	---

+ Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 02 - Hàng tồn kho ban hành kèm theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

+ Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho (giá trị dự kiến thu hồi) là giá bán (ước tính) của hàng tồn kho trừ (-) chi phí để hoàn thành sản phẩm và chi phí tiêu thụ (ước tính).

+ Mức lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính cho từng loại hàng tồn kho bị giảm giá và tổng hợp toàn bộ vào bảng kê chi tiết. Bảng kê là căn cứ để hạch toán vào giá vốn hàng bán (giá thành toàn bộ sản phẩm hàng hoá tiêu thụ trong kỳ) của doanh nghiệp.

+ Riêng dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

- Điểm 3: Xử lý khoản dự phòng:

Tại thời điểm lập dự phòng nếu giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thì phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo các quy định tại điểm 1, điểm 2 Điều này.

+ Nếu số dự phòng giảm giá phải trích lập bằng số dư khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, thì doanh nghiệp không phải trích lập khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho;

+ Nếu số dự phòng giảm giá phải trích lập cao hơn số dư khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, thì doanh nghiệp được trích thêm phần chênh lệch vào giá vốn hàng bán ra trong kỳ.

+ Nếu số dự phòng phải trích lập thấp hơn số dư khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, thì doanh nghiệp phải hoàn nhập phần chênh lệch và ghi giảm giá vốn hàng bán.

- Điểm 4: Xử lý huỷ bỏ đối với vật tư, hàng hoá đã trích lập dự phòng:

a) Hàng tồn đọng do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, dịch bệnh, hư hỏng do không còn giá trị sử dụng như: dược phẩm, thực phẩm, vật tư y tế, con giống, vật nuôi, vật tư hàng hoá khác phải huỷ bỏ thì xử lý như sau:

Doanh nghiệp lập Hội đồng xử lý tài sản để thẩm định tài sản bị huỷ bỏ. Biên bản thẩm định phải kê chi tiết tên, số lượng, giá trị hàng hoá phải huỷ bỏ, nguyên nhân phải huỷ bỏ, giá trị thu hồi được do bán thanh lý, giá trị thiệt hại thực tế.

Mức độ tổn thất thực tế của từng loại hàng tồn đọng không thu hồi được là khoản chênh lệch giữa giá trị ghi trên sổ kế toán trừ đi giá trị thu hồi do thanh lý (do người gây ra thiệt hại đền bù, do bán thanh lý hàng hoá).

b) Thẩm quyền xử lý: Hội đồng quản trị căn cứ vào Biên bản của Hội đồng xử lý, các bằng chứng liên quan đến hàng hoá tồn đọng để quyết định xử lý huỷ bỏ vật tư, hàng hoá nói trên; quyết định xử lý trách nhiệm của những người liên quan đến số vật tư, hàng hoá đó và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước chủ sở hữu và trước pháp luật.

c) Xử lý hạch toán:

Giá trị tổn thất thực tế của hàng tồn đọng không thu hồi được đã có quyết định xử lý huỷ bỏ, sau khi bù đắp bằng nguồn dự phòng giảm giá hàng tồn kho, phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào giá vốn hàng bán của doanh nghiệp. Công ty trích lập dự phòng nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do hàng hóa tồn kho bị giảm giá, đồng thời phản ánh đúng giá trị thuần hàng tồn kho của doanh nghiệp khi lập báo cáo tài chính cuối kỳ.

3.4.4. Hoàn thiện công tác kiểm kê hàng tồn kho định kỳ tại công ty

Công tác kiểm kê vật tư, hàng hóa là để xác định lại số lượng, giá trị và chất lượng vật tư, hàng hóa còn tồn kho, phát hiện chênh lệch giữa sổ sách và thực tế nhằm bảo vệ tài sản và chấn chỉnh công tác quản lý vật tư, hàng hóa tại công ty. Hiện nay, Công ty chưa tiến hành tổ chức kiểm kê hàng tồn kho định kỳ do đặc điểm của vật tư, hàng hóa là các loại vật liệu xây dựng không tiến hành

kiểm kê theo số lượng đếm được mà đo theo khối lượng tính theo đơn vị m^3 nên việc tiến hành kiểm kê sẽ tốn nhiều thời gian và chi phí hơn. Do đó, hàng tồn kho cuối kỳ của công ty chủ yếu được theo dõi trên sổ sách và ước lượng thực tế. Điều này sẽ không đánh giá được kịp thời, chính xác số lượng, giá trị cũng như phẩm chất vật tư, hàng hóa tồn kho, khó tìm ra nguyên nhân, quy trách nhiệm cho đúng đối tượng, có thể gây gián đoạn, ảnh hưởng đến quá trình sản xuất. Với những nhận định trên, theo em công ty nên tiến hành tổ chức công tác kiểm kê hàng tồn kho định kỳ. Tiến hành kiểm kê như vậy, sẽ đánh giá được kịp thời, chính xác nếu xảy ra mất mát, chênh lệch giữa sổ sách và thực tế. Ngoài ra cũng kiểm tra, đánh giá được phẩm chất, tình trạng vật liệu, hàng hóa có đúng với tiêu chuẩn, yêu cầu cho phục vụ sản xuất, nếu vật tư, hàng hóa kém chất lượng sẽ kịp thời có những giải pháp bổ sung, thay thế để đảm bảo quá trình sản xuất kinh doanh được tiến hành liên tục. Công ty có thể sử dụng mẫu biên bản kiểm như sau:

Biểu 3.2: Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa

Công ty CP VLXD VT Đại Cát Lộc

Mẫu số : 05 – VT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ, CÔNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

-Thời gian kiểm kê.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

-Bản kiểm kê gồm:

Ông/Bà:..... Chức vụ Đại diện..... Trưởng ban

Ông/Bà:..... Chức vụ Đại diện..... Ủy viên

Ông/Bà:..... Chức vụ Đại diện..... Ủy viên

Đã kiểm kê kho có những mặt hàng
dưới đây:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Đơn giá	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch				Phẩm chất		
					Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Thừa		Thiếu		Còn tốt 100%	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất
									Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền			
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Cộng														

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

Phụ trách kế toán
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Trưởng ban kiểm kê
(Ký, họ tên)

❖ Phương pháp và trách nhiệm ghi:

Góc bên trái của BBKKHH (ghi rõ tên đơn vị), bộ phận sử dụng, Biên bản chi rõ giờ, ngày, tháng, năm thực hiện kiểm kê. Ban kiểm kê bao gồm Trưởng ban và các ủy viên Mỗi kho được lập một biên bản riêng.

Cột A, B, C, D: Ghi số thứ tự, tên, nhãn hiệu, quy cách, đơn vị tính của từng loại hàng hóa được kiểm kê tại kho

Cột 1: Ghi đơn giá của từng loại hàng hóa (tùy theo quy định của đơn vị để ghi đơn giá phù hợp)

Cột 2,3: Ghi số lượng, số tiền của từng loại hàng hóa theo sổ kế toán

Cột 4,5: Ghi số lượng, số tiền của từng loại hàng hóa theo kết quả kiểm kê Nếu thừa so với sổ kế toán (cột 2, 3) ghi vào cột 6, 7, nếu thiếu ghi vào cột 8,9

Số lượng hàng hóa thực tế kiểm kê sẽ được phân loại theo phẩm chất:

- Tốt 100% ghi vào cột 10
- Kém phẩm chất ghi vào cột 11
- Mất phẩm chất ghi vào cột 12

Nếu có chênh lệch phải trình giám đốc doanh nghiệp ghi rõ ý kiến giải quyết số chênh lệch này.

Biên bản được lập làm hai bản:

- 1 bản phòng kế toán lưu
- 1 bản thủ kho lưu Sau khi lập xong biên bản, trưởng ban kiểm kê và thủ kho, kế toán trưởng cùng kí vào biên bản (ghi rõ họ tên).

3.4.5. Hoàn thiện về công tác luân chuyển chứng từ

Để việc luân chuyển chứng từ được diễn ra thường xuyên, liên tục đảm bảo việc cập nhật thông tin của kế toán, Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc cần tiến hành tổ chức lại khâu luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận trong đơn vị.

Cụ thể : công ty nên đề ra quy định về thời gian cho việc giao nhận chứng từ giữa phòng kinh doanh, phòng kế toán và thủ kho vào một ngày nào đó trong

tuần. Đây là thời điểm thích hợp để các bộ phận có thể tập hợp các chứng từ phát sinh trong tuần để chuyển lên phòng kế toán. Việc giao nhận chứng từ diễn ra hàng tuần đều đặn cũng giúp cho các thông tin mà kế toán thu thập được thường xuyên, liên tục, không bị ứ đọng. Nếu xảy ra trường hợp chứng từ về muộn ảnh hưởng đến việc lập báo cáo kế toán sẽ bị xử lý theo đúng quy định của công ty.

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ đều phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ thì dễ dàng hơn cho việc quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý, việc làm này nhằm giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ công nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc của công ty nói chung. Phiếu giao nhận chứng từ có mẫu như biểu sau:

Biểu 3.2: Phiếu giao nhận chứng từ

PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Từ ngày...đến ngày....

Loại hàng	Số lượng chứng từ	Số hiệu chứng từ	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)

Ngày...tháng....năm....

Người nhận

(Kí, họ tên)

Người giao

(Kí, họ tên)

3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho nhằm tăng cường quản lý hàng tồn kho tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc

Công tác kế toán hàng tồn kho là khâu quan trọng trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó có thể đánh giá được thực trạng hàng hóa, những ưu điểm và những hạn chế còn tồn tại trong quá trình kinh doanh. Do đó việc hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho ngày càng được chú trọng.

3.5.1. Về phía Nhà nước

Cung cấp số liệu, thông tin về hàng tồn kho một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra.

- Số liệu kế toán phải phản ánh một cách kịp thời, chính xác. Việc phản ánh số liệu một cách kịp thời, chính xác là hết sức cần thiết và quan trọng đối với các cơ quan chức năng:

+ Đối với cơ quan thuế: giúp cho công việc tính toán thuế và các khoản phải nộp vào ngân sách nhà nước

+ Đối với ngân hàng: giúp cho việc tính lãi tiền vay, tiền gửi và việc thu hồi vốn và lãi.

3.5.2. Về phía doanh nghiệp

- Số liệu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và công khai, đây là điều kiện đặc biệt của doanh nghiệp

- Đảm bảo tiết kiệm các loại chi phí liên quan đến hàng tồn kho và phương pháp kinh doanh phải có hiệu quả thiết thực, khả thi nhằm đem lại lợi nhuận cao, phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

- Nắm vững chức năng nhiệm vụ của công tác kế toán nói chung và công tác kế toán hàng tồn kho nói riêng. Vì vậy cần hoàn thiện bộ máy kế toán và công tác hạch toán để góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Việc hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho không chỉ ở trên mặt lý thuyết mà phải phù hợp và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Hoàn thiện công tác kế toán phải bám sát vào thực tế và trình độ quản lý của doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Qua một thời gian nghiên cứu, đề tài đã nêu được một số kết quả như sau:

- Về lý thuyết: Đề tài đã hệ thống hóa được lý luận chung về công tác kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp.
- Về thực tế: Đề tài đã mô tả thực trạng công tác kế toán hàng tồn kho trong năm 2012 tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc theo chế độ kế toán ban hành theo Quyết định 15/2006QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung .

Qua nghiên cứu thực tế, em rút ra được một số ưu điểm và tồn tại trong công tác kế toán tại đơn vị như sau:

➤ Ưu điểm

- Về bộ máy kế toán của công ty
- Về đội ngũ kế toán
- Về sổ sách kế toán, chứng từ sử dụng
- Về hạch toán chi tiết hàng tồn kho tại công ty
- Về hạch toán tổng hợp hàng tồn kho tại công ty
- Về phương pháp tính trị giá hàng xuất kho

➤ Tồn tại

- Chưa sử dụng sổ danh điểm vật tư, hàng hóa
 - Không hạch toán chi tiết cho TK 156
 - Không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho
 - Chưa chú trọng và quan tâm đến vấn đề kiểm kê hàng hóa cuối kỳ
 - Chưa ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán
 - Về việc luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban
- Đề tài đã đưa ra các biện pháp hoàn thiện tổ chức kế toán hàng tồn kho nhằm tăng cường quản lý hàng tồn kho tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc, cụ thể như sau:

1. Hoàn thiện việc sử dụng tài khoản cấp 2 cho TK 156
2. Hoàn thiện việc sử dụng sổ danh điểm hàng hóa hàng
3. Hoàn thiện việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho
4. Hoàn thiện việc sử dụng TK 151
5. Hoàn thiện việc kiểm kê hàng tồn kho định kỳ và lập Biên bản kiểm kê hàng hóa
6. Hoàn thiện việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán
7. Hoàn thiện việc luân chuyển chứng từ

Những giải pháp này còn mang tính chất lý thuyết song phần nào cũng có cơ sở và xuất phát từ thực tiễn tại đơn vị nên cũng mang tính chất khả thi. Đó cũng là đóng góp nhỏ bé giúp hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho nhằm tăng cường quản lý hàng tồn kho tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng vận tải Đại Cát Lộc.

Hải Phòng, ngày.... tháng.....năm.....

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/BTC ngày 20/03/2006

Quyển I : *Hệ thống tài khoản kế toán*

Quyển II : *Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán sơ đồ kế toán.*

Nhà xuất bản: Nhà xuất bản tài chính

Năm xuất bản: 2006

2. Ngô Thế Chi, Trương Thị Thủy, năm 2008 *Giáo trình kế toán tài chính*, NXB. Tài chính.

3. Nguyễn Phú Giang, năm 2007 *Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính*, NXB. Tài chính Hà Nội.

4. PGS.TS. Võ Văn Nhị, năm 2007, *Kế toán tài chính*, nhà xuất bản Tài chính.

5. NCKH của các anh chị khoá trên trường ĐHDL Hải Phòng.